

Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ

Trụ sở chính

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84.8 3790 7565 | Fax: +84.8 3790 7566

Chi nhánh

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: +84.66 389 9537 | Fax: +84.66 389 9536

Văn phòng đại diện

Địa chỉ: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Báo cáo Phát triển Bền vững 2018 | Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
Century Synthetic Fiber Corporation



TIÊN PHONG

TRONG NGÀNH SỢI DỆT



Đặng Triệu Hoà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

GRI 102-14

Thông điệp Phát triển Bền vững

Quý cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị báo cáo phát triển bền vững năm 2018 của STK. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Năm 2018 là một năm thành công của ngành dệt may của Việt nam nói chung và của STK nói riêng. Nhờ sự phục hồi của ngành dệt may toàn cầu (với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4%-5% trong năm 2018), cũng như sự tăng trưởng liên tục về nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc trong giai đoạn 2017-2018 ở các thị trường lớn như Mỹ, Nhật và EU, nên ngành dệt may Việt Nam đã đạt được kim ngạch xuất khẩu kỷ lục 36,2 tỷ USD (2018) , tăng trưởng 16,4% so với năm 2017 và nâng cao thị phần ở hầu hết các thị trường chính.

Kiên định với chiến lược phát triển bền vững hướng tới thời trang xanh, STK đã thành công trong việc khai thác xu hướng sử dụng sợi tái chế của các thương hiệu thời trang quốc tế, nâng tỷ trọng dòng sản phẩm này trong tổng doanh thu từ 6% (2017) lên 16,2% (2018). Nhờ việc nâng tỷ trọng các sản phẩm giá trị gia tăng cũng như sự thành công trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản xuất, hiệu quả hoạt động của STK đã được cải thiện đáng kể trong năm 2018. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.408 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 178,4 tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ. Công ty đã vượt kế hoạch doanh thu gần 2% và kế hoạch lợi nhuận hơn 42%.

Trong năm 2018 Công ty cũng đã hoàn thành dự án Trảng Bàng 5, chính thức đưa vào hoạt động từ đầu năm 2019 1 dàn máy tái chế sợi phế (với công suất 3.000 tấn/năm) và 3 máy DTY, góp phần tăng tổng công suất của Công ty thêm 5% (lên 63.000 tấn). Bên cạnh đó, STK cũng đang hợp tác với nhà cung ứng Oerlikon Barmag để triển khai dự án số hóa nhằm thiết lập nhà máy thông minh, xây dựng nền tảng cho việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Với kết quả hoạt động được nâng cao, tình hình tài chính của Công ty (được thể hiện qua các hệ số thanh toán, hệ số nợ/VCSH) cũng được cải thiện đáng kể.

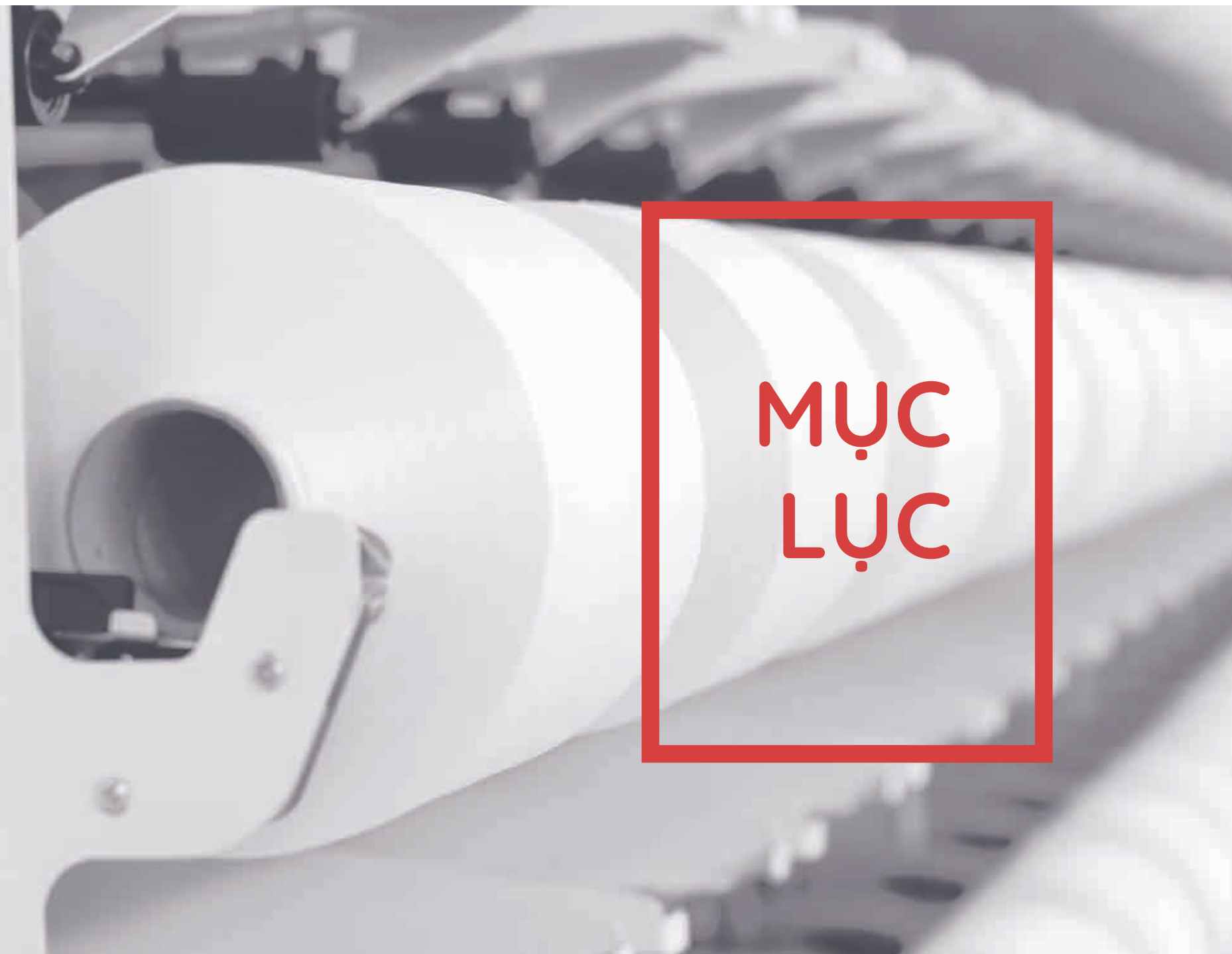
Những thành tựu trong hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đã mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông và người lao động. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao lợi ích cho các bên có liên quan, Công ty cũng đã từng bước hoàn thiện công tác quản trị công ty.

Công ty cũng rất kiên định trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững.

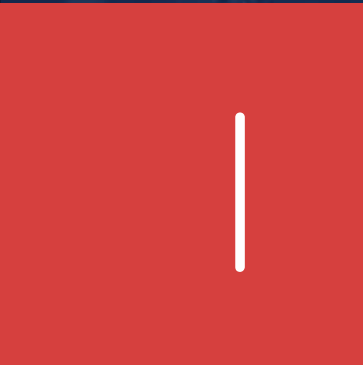
Mặc dù nền kinh tế toàn cầu và các thị trường tiêu thụ dệt may chủ chốt (Mỹ, EU, Nhật) được dự kiến sẽ giảm tốc năm 2019 và các năm tới, chúng tôi vẫn tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam nói chung và của STK nói riêng trong các năm tới. Các lợi thế về thuế quan của Việt Nam trong các hiệp định thương mại đã ký với Nhật Bản, Hàn Quốc và Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương (“CPTPP”) mới có hiệu lực đầu năm 2019 và Hiệp định tự do thương mại Việt nam EU (“EVFTA”) dự định sẽ ký giữa Việt nam và EU trong năm 2019 sẽ là lực hút các đơn hàng dệt may về Việt Nam.

Tuy nhiên, các rủi ro ngắn hạn luôn tiềm ẩn và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ mang đến nhiều thách thức cho các doanh nghiệp. Để đáp ứng các yêu cầu của các khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngày càng khắt khe hơn, Công ty sẽ phải tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hạ giá thành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục hoàn thiện nâng cao năng lực quản trị của mình với việc xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro. Chúng tôi mong rằng với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành và CBCNV và sự ủng hộ mạnh mẽ của cổ đông, STK sẽ đạt được sự phát triển bền vững trong những năm tới.



I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	9
II. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2018	45
III. NỘI DUNG BÁO CÁO	87
IV. BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI	133



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

(GRI 100, GRI 102-1->7)

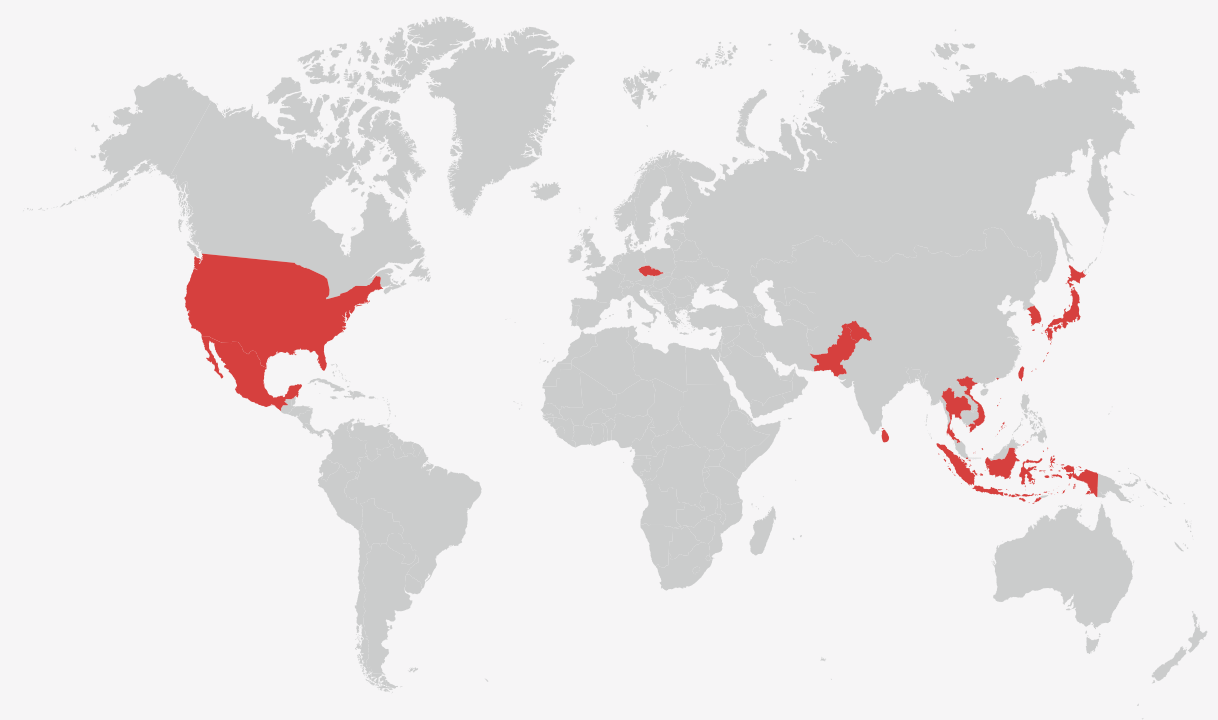
I.1	Thông tin cơ bản	10
I.2	Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững 2018	12
I.3	Tầm nhìn - Sứ mạng	16
I.4	Giá trị của chúng tôi	17
I.5	Cam kết của đội ngũ STK	16
I.6	Cột mốc hình thành và phát triển	18
I.7	Sơ đồ thành lập công ty, chi nhánh, công ty liên doanh & văn phòng đại diện	24
I.8	Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh	26
I.9	Sơ đồ cơ cấu tổ chức	28
I.10	Ban quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023	30
I.11	Ban điều hành	34
I.12	Ban kiểm soát	36
I.13	Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan	38
I.14	Đánh giá của ban tổng giám đốc về các thành tựu ptbv 2018	42

Thông tin cơ bản

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation
Tên giao dịch	Century Corp
Mã chứng khoán	STK (HSX)
Lĩnh vực kinh doanh	STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY.
Hình thức pháp lý và quyền sở hữu	Công ty cổ phần
Trụ sở chính	B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	599.377.980.000 đồng
Điện thoại	+84.028 3790 7565 +84.276 389 9537
Fax	+84.028 3790 7566 +84.276 389 9536
Email	csf@century.vn
Website	www.theky.vn
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU

Địa bàn kinh doanh của Sợi Thế Kỷ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm nội địa và xuất khẩu như: Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Pakistan,...



QUY MÔ SẢN XUẤT

- > Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 68.000 m². Với việc không ngừng mở rộng và gia tăng công suất, ở thời điểm 31/12/2016, tổng công suất của Công ty là 52.000 tấn sợi DTY và FDY.
- > Đến đầu năm 2017, dự án Trảng Bàng giai đoạn 4 đã chính thức đi vào hoạt động, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn.
- > Cuối năm 2018, dự án Trảng Bàng giai đoạn 5 đã hoàn thành khâu lắp đặt và chạy thử, nâng tổng công suất của Công ty lên 63.300 tấn sợi mỗi năm. Ngoài ra, Công ty cũng lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) 1.500 tấn/năm.

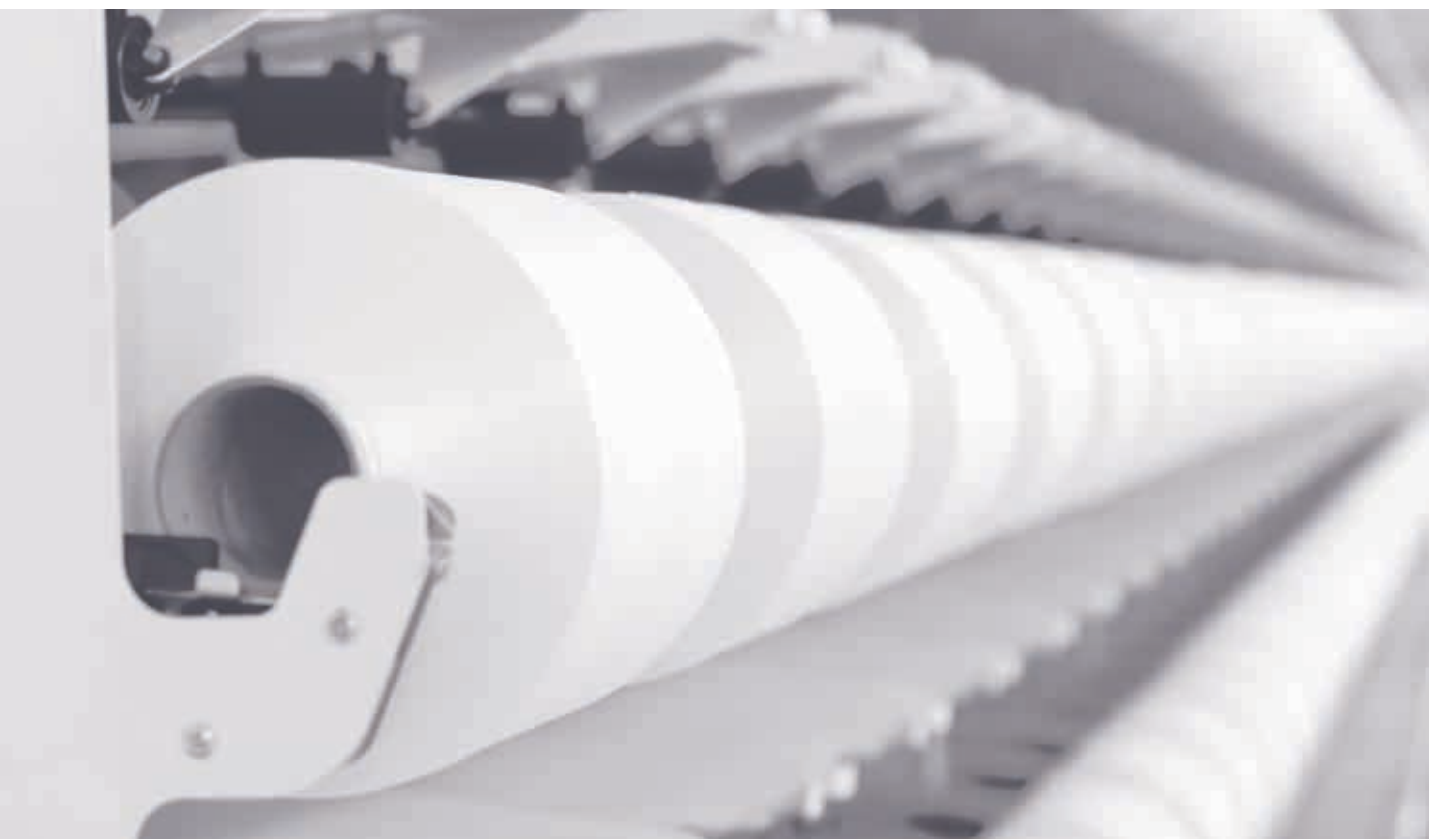
Tổng quan

về Báo cáo Phát triển bền vững 2018

I.2

Năm 2018 là năm thứ tư Công ty STK lập báo cáo phát triển bền vững. Mục đích của việc thực hiện báo cáo là nhằm công bố kết quả cũng như việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm 2018 và những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2019 và tầm nhìn đến năm 2023 của Công ty.

Báo cáo phát triển bền vững năm 2018 cung cấp một bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2018. Dựa vào những mục tiêu phát triển của Công ty như phát triển kinh tế, nâng cao công suất, mở rộng thị trường, chúng tôi đã lồng ghép với các mục tiêu bền vững về phát triển xã hội và bảo vệ môi trường để kiến tạo nên chiến lược phát triển bền vững lâu dài cho Công ty. Thông qua việc chia sẻ các nội dung phát triển bền vững tới các bên liên quan của Công ty, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để từ đó tiếp tục rà soát và cải tiến lại những lĩnh vực mà các bên quan tâm. Bên cạnh đó, cũng góp phần nâng cao chất lượng của báo cáo cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, việc lập báo cáo Phát Triển Bền Vững hàng năm cũng là một thông lệ tốt cho Công ty có thể rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững trong năm của Công ty, cũng như góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong ngành sợi, thuộc chuỗi cung ứng của ngành dệt may, STK luôn chú trọng và quan tâm đến chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt ra các mục tiêu tăng trưởng về kinh tế song song với các mục tiêu tuân thủ và nâng cao trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và môi trường. Vì vậy, việc thực hiện Báo Cáo Phát Triển Bền Vững giúp Công ty nhìn nhận và đánh giá được những đóng góp của Công ty về mặt xã hội và môi trường trong thời gian qua, từ đó là bàn đạp giúp STK cân bằng được giữa các kế hoạch phát triển sắp tới và các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



Phạm vi và ranh giới của báo cáo:

Phạm vi và ranh giới của báo cáo: Báo cáo được lập tại Việt Nam, lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

Kỳ báo cáo:

Báo cáo này được lập cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2018 (cùng niên độ Báo cáo thường niên năm 2018).

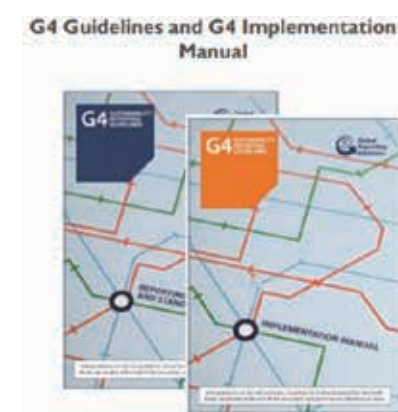
Chu kỳ báo cáo:

Được lập theo định kỳ hàng năm.

Tiêu chuẩn áp dụng: (GRI 102-54)

Báo cáo Phát triển bền vững 2018 của Sợi Thế Kỷ Báo được cải tiến từ bộ hướng dẫn GRI G4 GUIDELINES và được lập dựa trên việc áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững mới nhất – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu. Cấu trúc Báo cáo được trình bày rõ ràng với 04 nội dung chính: GRI 101 Thông tin chung; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề xã hội; GRI 400 Vấn đề môi trường được lập dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI-G4.

Bộ tiêu chuẩn GRI- Standards được cải tiến từ bộ hướng dẫn tiêu chuẩn GRI –G4 GUIDELINES với cấu trúc mới, cụ thể và linh hoạt giúp cho doanh nghiệp có thể dễ dàng công bố và minh bạch hóa các thông tin bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội tại doanh nghiệp.



(GRI 102-50,51)



Chất lượng báo cáo:

Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong báo cáo một cách chính xác, rõ ràng, tin cậy và được cập nhật.

Trong năm 2018, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty sẽ tham gia vào báo cáo Phát Triển Bền Vững của Công ty, thông qua việc đánh giá các nội dung về các tiêu chuẩn xã hội, môi trường của Công ty, nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp của các kế hoạch và chiến lược phát triển bền vững của STK.

Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm:

GRI 404-1

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm

GRI 413-1

Những hoạt động tham gia
đóng góp vào Cộng đồng địa phương

GRI 401-2

Tỷ lệ mức lương bình quân
của người lao động và lương tối thiểu vùng

GRI 306

Chỉ số kết quả quan trắc môi trường

(GRI 102-50,51)

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi

Phòng Quan hệ cổ đông – CTCP Sợi Thế Kỷ

Địa chỉ:	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Chịu trách nhiệm nội dung:	Nguyễn Phương Chi - Giám đốc Chiến lược
Biên tập:	Phạm Đăng Khoa - Chuyên viên IR
Email:	ir@century.vn
Điện thoại:	(+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

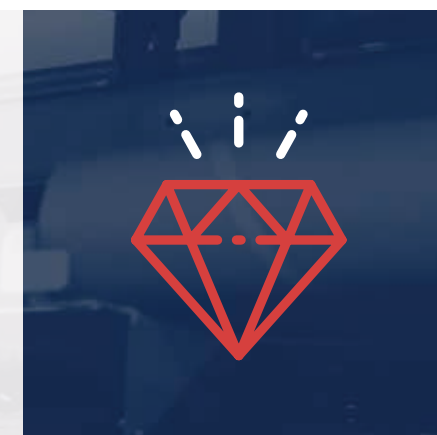
Tầm nhìn - Sứ mạng



TẦM NHÌN

“Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi..”

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.



CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

Phục vụ khách hàng

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Đồng tâm hiệp lực

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

Liên tục cầu tiến

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Cùng nhau phát triển

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

Cột mốc l.6 hình thành và phát triển

2003

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Tăng công suất sản xuất lên gấp đôi so với lúc mới thành lập, tương đương 9.600 tấn sợi DTY/ năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005

Cổ phần hóa - Sự thay đổi mang tính chiến lược

Ngày 11/04/2005, Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ. Sự thay đổi mang tính chiến lược này giúp STK đa dạng hóa các nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của công ty.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Công ty đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu bán thành phẩm POY, lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất từ hạt nhựa chip, tạo nên một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển để gia tăng chuỗi giá trị và nâng cao lợi nhuận, giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Với sự kiện này, STK chính thức trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi microfilament từ polyester chips nhập khẩu.

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/ năm

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY, ứng dụng hệ thống quản trị ERP-SAP All in one

Đầu tư nhà máy sản xuất sợi POY, DTY, FDY tại Chi nhánh Trảng Bàng, tăng công suất sản xuất DTY, POY thêm 11.000 tấn/ năm. Nhà máy này được khởi công xây dựng vào 28/11/2009 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất từ 18/01/2011.

Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/ năm.

Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty, từ đầu năm 2012, công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị ERP-SAP All in one.

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi

Thành lập ngày 01/06/2000

Sản phẩm chính: Draw Textured Yarn (DTY)

Chưa có quy trình sản xuất khép kín mà phải nhập khẩu bán thành phẩm Partially Oriented Yarn (POY) để sản xuất DTY.

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm



Cột mốc

I.6

hình thành và phát triển (tiếp theo)

2014

Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội

Để nắm bắt cơ hội từ xu thế dịch chuyển đại trà các nhà sản xuất từ Trung Quốc qua Việt Nam, cơ hội tăng thêm do Hiệp định TPP mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của công ty, STK đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng với tổng vốn đầu tư dự kiến 34,2 triệu USD.

Huy động vốn thuận lợi, IPO thành công ra công chúng 3 triệu cổ phiếu thu được 75 tỷ đồng để tài trợ cho dự án xây dựng mở rộng nhà máy Trảng Bàng – Giai đoạn 3.

2015

Niêm yết trên Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh (HOSE), phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế

Ngày 30/09/2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại HOSE. Uy tín thương hiệu STK và giá trị công ty được nâng cao;

Ngày 18/09/2015, nhà máy mở rộng Trảng Bàng – Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động.

Nhà máy có công suất sản xuất khoảng 15.000 tấn sợi POY/năm và 15.000 tấn sợi DTY/năm, góp phần nâng tổng công suất toàn công ty lên khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm. Bên cạnh các dàn máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại do tập đoàn hàng đầu Châu Âu Oerlikon Barmag sản xuất, nhà máy mới còn được trang bị hệ thống điều khiển trung tâm (“POC”-“Plant Operation Center”);

Công ty đã hợp tác với một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhằm phát triển thành công sản phẩm Sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế, bước đầu triển khai thành công chiến lược đa dạng hóa phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Nắm bắt cơ hội ở các thị trường mới nhờ hưởng ưu đãi thuế suất thông qua các Hiệp định Tự Do Thương mại (“FTAs”).

2016

Xây dựng nền tảng cho Phát triển bền vững

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm vào cuối năm 2016.

Được tổ chức Control Union cấp giấy chứng nhận GRS 3.0 về sản xuất tái chế.

Được tổ chức SGS cấp giấy xác nhận sản phẩm của Công ty tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất độc hại theo quy định của REACH do cục Hóa Chất Châu Âu (European Chemical Agency) ban hành.

Ký hợp đồng nhượng quyền Thương hiệu về sản xuất sợi tái chế với một doanh nghiệp hàng đầu cùng ngành và bắt đầu triển khai bán mặt hàng này cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam và quốc tế.

2018

Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công

Hoàn thành việc triển khai và chạy thử dự án Trảng Bàng 5, nâng tổng công suất lên 63.300 tấn/năm.

Hoàn thành và vượt tỷ trọng mục tiêu về sợi tái chế, cải thiện biên lợi nhuận toàn Công ty.

Hoàn thành kế hoạch kinh doanh về doanh thu và vượt kế hoạch đáng kể về lợi nhuận.

Thực hiện tốt các biện pháp quản lý chất lượng và chi phí.

2017

Nắm bắt cơ hội để tăng trưởng vượt trội

Đưa nhà máy Trảng Bàng 4 vào hoạt động, nâng tổng công suất sản xuất lên 60.000 tấn/năm.

Khai thác thành công hai thị trường là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nhằm bắt kịp xu hướng sử dụng sợi tái chế STK đã hợp tác với Tập đoàn Unifi để trở thành nhà sản xuất nhượng quyền dưới thương hiệu REPREEVE cung cấp sản phẩm cho các nhãn hàng lớn trên thế giới.

Sản phẩm của STK cũng được cấp chứng chỉ OEKO-TEX 100 chứng nhận sản phẩm không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo chương trình ZDHC.

Công ty hợp tác với đối tác chiến lược thành lập Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam chuyên sản xuất Sợi màu, không gây ô nhiễm môi trường nước và tiết kiệm nước sạch

Những điểm cải tiến trong Báo cáo Phát triển bền vững 2018

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2017,
trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

Áp dụng bộ tiêu chuẩn GRI-Standards để xây dựng báo cáo

Bổ sung sự tham gia của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty

Bổ sung thông tin trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế

Bổ sung thông tin giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối

1

2

3

4

5

6

7

8

Bổ sung thông tin giá trị kinh tế đóng góp cho nền kinh tế năm 2018

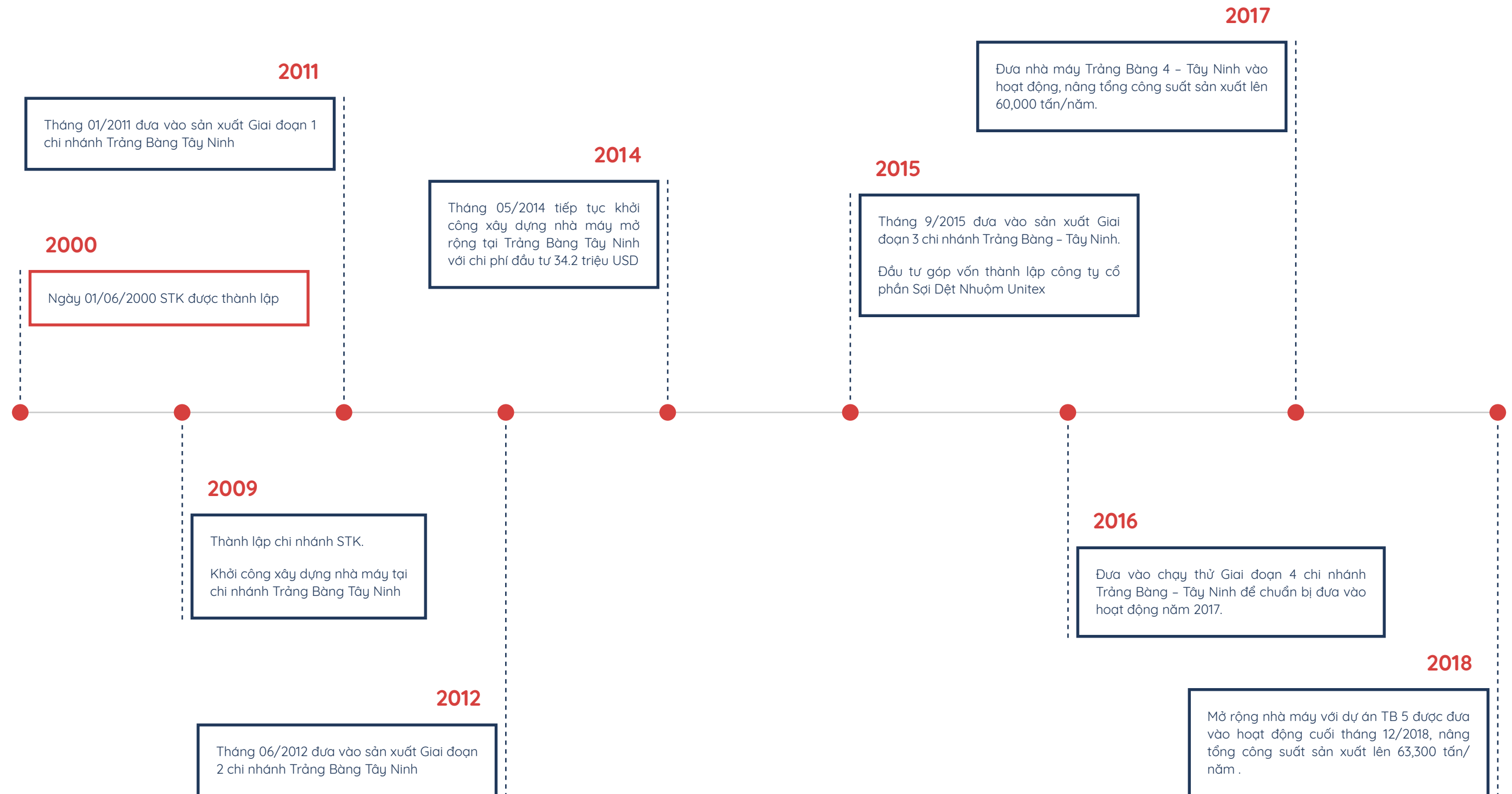
Bổ sung bản quy chuẩn văn hóa trong công ty

Bổ sung thêm thông tin về nội dung trách nhiệm đối với người lao động

Cung cấp thêm thông tin về các nỗ lực xây dựng các tiểu ban của HĐQT;

Sơ đồ thành lập

1.7 Công ty, Chi nhánh, Công ty liên doanh & Văn phòng đại diện



Giải thưởng và Các danh hiệu được tôn vinh

I.8

CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

2018

- > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp.
- > Tổ chức trao giải: VCCI.
- > Top 10 Báo Cáo PTBV
- > Top 90 Báo Cáo TN.

2017

- > Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.
- > Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet.
- > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100)
- > Tổ chức trao giải: VCCI.
- > IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin
- > Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).

2016

- > Danh hiệu “Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2016” và “Top 10 Báo cáo phát triển bền vững” và “Báo cáo thường niên tiến bộ vượt bậc” do Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
- > Danh hiệu “Doanh nghiệp phát triển bền vững 2016” do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng

2011

- > Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ Việt Nam do đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức kêu gọi thu hút đầu tư và tham gia xây dựng, phát triển các Khu chế xuất và công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM.

2010

- > Giấy khen của Sở Lao động Thương binh Xã hội do có thành tích tốt trong công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động năm 2010.
- > Bằng khen của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do có thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư, góp phần tích cực xây dựng phát triển kinh tế đất nước năm 2010.

2009

- > Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP.HCM do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009.
- > Danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2009” do Bộ Công Thương trao tặng.

2008

- > Danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2008” do Bộ Công Thương trao tặng.
- > Bằng khen của Bộ Công thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008.
- > Huy chương bảo vệ người tiêu dùng do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng năm 2008.
- > Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa được bình chọn là doanh nhân tiêu biểu năm 2008 bởi tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam.
- > Danh hiệu Top Ten ngành hàng năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật bình chọn.
- > Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.

2007

- > Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.
- > Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa nhận Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

2005

- > Bằng khen Ủy ban nhân dân TP.HCM do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2004.
- > Giấy khen của Ban Quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp TP.HCM (HEPZA) do có thành tích đóng góp xây dựng và phát triển khu công nghiệp năm 2005.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức (GRI 102-18,19)



Ban quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 (GRI 102-18,19)

I.10



Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Chủ tịch HĐQT

Ông **ĐẶNG TRIỆU HÒA**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - 50 tuổi



Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Thành viên HĐQT không điều hành

Ông **ĐẶNG HƯỚNG CƯỜNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị - 43 tuổi



Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Thành viên HĐQT không điều hành

Bà **ĐẶNG MỸ LINH**

Thành viên Hội đồng Quản trị - 47 tuổi



Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Bà **CAO THỊ QUẾ ANH**

Thành viên Hội đồng Quản trị - 53 tuổi

I.10

Ban quản trị Công ty

nhiệm kỳ 2018 - 2023 (tiếp theo)



Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư tư vấn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
Vị trí: Thành viên HĐQT không điều hành

Ông **VÕ QUANG LONG**
Thành viên Hội đồng Quản trị - 41 tuổi



Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.
Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.
Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Ông **CHEN CHE JEN**
Thành viên Hội đồng Quản trị - 57 tuổi



Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính.
Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Ông **NGUYỄN QUỐC HƯƠNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị - 48 tuổi

I.10.1

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-20,32)

HĐQT của Công ty có vai trò trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Từ năm 2014, STK đã chủ động công bố định hướng phát triển bền vững thông qua sự ủng hộ và cam kết đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (kinh tế- môi trường-xã hội) từ lãnh đạo cấp cao là HĐQT. Định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác. Ngoài ra, các mục tiêu phát triển bền vững tại Công ty còn được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI) nhằm đánh giá và đo lường một cách chính xác kết quả thực thi định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty. Các báo cáo đánh giá kết quả KPI liên quan tới mục tiêu phát triển kinh tế - môi trường- xã hội sẽ được báo cáo trực tiếp đến HĐQT nhằm kịp thời điều chỉnh và xây dựng định hướng phát triển bền vững theo hướng phù hợp nhất đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty.

Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tại các cuộc họp HĐQT định kỳ. HĐQT Công ty duy trì họp định kỳ hàng quý, nhằm trao đổi và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Trong các buổi họp, từng khía cạnh về kinh tế- xã hội- môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT và sau đó các thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để liên tục cải thiện chất lượng kết quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, thành viên HĐQT còn trực tiếp thực hiện công tác giám sát quá trình triển khai các mục tiêu phát triển bền vững tại Công ty thông qua các quyết định, nghị quyết và chính sách được ban hành từ HĐQT. HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và sát với tình trạng thực tế của Công ty.

Ban điều hành (GRI 102-22,23,24,27)

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

- > Tháng 06/2000 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- > 1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- > 1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.



Ông ĐẶNG TRIỆU HÒA
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

- > 1/2000 - nay: Giám đốc Chiến lược, STK
- > 3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
- > 4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
- > 10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
- > 10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
- > 3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.



Bà NGUYỄN PHƯƠNG CHI
Giám đốc Chiến lược

Năm sinh: 1956

Trình độ học vấn: Cử nhân Vật lý

Quá trình làm việc:

- > Tháng 02/2016 - nay: Giám đốc Tổng quản lý
- > 2011 - 2016: Công ty CP KVVY: Giám Đốc Sản xuất.
- > 2008 - 2010: Công ty CP Sợi Thế Kỷ: Phó Tổng Giám Đốc.
- > 2002 - 2008: Công ty CP Tập đoàn Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt 1 và Nhà Máy Dệt 2.
- > 2001: Công Ty TNHH SX - TM Thế Kỷ: Xưởng Trưởng.
- > 1998 - 2000: Công Ty TNHH Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt.
- > 1994 - 1998: Công ty Sợi Liên Minh (Đài Loan, KCX Tân Thuận): Xưởng trưởng.
- > 1982 - 1993: Công ty Dệt Việt Thắng (Thủ Đức): Trưởng phòng Thí nghiệm Sợi.



Ông NGUYỄN THÁI HÙNG
Giám đốc Tổng Quản lý

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình làm việc:

- > Tháng 10/2016: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
- > Tháng 11/2010: Kế toán trưởng, STK.
- > Tháng 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- > 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.



Ông PHAN NHƯ BÍCH
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban kiểm soát (GRI 102-22,23,24,27)



Ông **NGUYỄN TỰ LỰC**

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh 1952

Trình độ học vấn Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc

- 1/2015 - nay: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ
- 2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
- 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK
- 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
- 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



Bà **HOÀNG NỮ MỘNG TUYỀN**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1990

Trình độ học vấn Cử nhân

Quá trình làm việc

- 2018 - nay: Trợ lý TGD, STK
- 2012 - 2018: Trưởng nhóm kinh doanh, STK



Bà **ĐINH NGỌC HOA**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1979

Trình độ học vấn Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc

- 2005 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
- 2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp



Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan (GRI 102-25)

I.13.1 NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

- 1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

I.13.2 GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA STK VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên có liên quan				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	-	27.050.400.000
		Rút vốn	24.663.600.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	12.427.881.727	48.958.162.296
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	30.213.644.533	22.617.112.045
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan	Bán hàng	21.005.627.131	44.861.718.821

Các giao dịch với các bên có liên quan nêu trên đều có nghị quyết của HĐQT thông qua, căn cứ theo quy định của Điều lệ và theo cơ chế thị trường.

I.13.3 LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO
CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (GRI 102-35,36,38,39)

I.13.3.1 Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

Thù lao của các thành viên HĐQT năm 2018						
STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	120.000.000	-	-	01/01/2018-31/12/2018
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	-	-	01/01/2018-31/12/2018
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	-	-	01/01/2018-31/12/2018
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	01/01/2018-31/12/2018
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000			17/04/2018-31/12/2018
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	17/04/2018-31/12/2018
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	180.000.000	-	-	17/04/2018-31/12/2018
Tổng cộng			1.020.000.000			

I.13.3.2 Lương, thưởng và thù lao của BKS

Thù lao, tỷ lệ lương thưởng của các thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023						
STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	48.000.000	80,13%	19,87%	01/01/2018-31/12/2018
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	48.000.000	80,47%	19,53%	17/04/2018-31/12/2018
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	48.000.000	81,97%	18,03%	17/04/2018-31/12/2018
Tổng cộng			144.000.000			

I.13.3.3 Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

Thù lao, tỷ lệ lương thưởng của các thành viên Ban điều hành						
STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	-	81,42%	18,58%	06/2010 - nay
2	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc chiến lược	-	81,17%	18,83%	01/2015 - nay
3	Nguyễn Thái Hùng	Giám đốc tổng quản lý	-	81,92%	18,08%	02/2017 - nay
4	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính	-	80,15%	19,85%	10/2016 - nay

Đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc về các thành tựu PTBV 2018

I.14

Với những nỗ lực cải thiện không ngừng trong năm 2018, toàn bộ tập thể CBCNV của Công ty STK đã đồng lòng và cố gắng không ngừng trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh, cùng với việc cải thiện kết quả sản xuất thông qua cắt giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng của Công ty. Kết quả đã mang lại kết quả rất khả quan và phù hợp với các mục tiêu PTBV của Công ty. Cụ thể:

PHÁT TRIỂN nguồn nhân lực và xã hội bền vững

- > Thu nhập của người lao động 2018 đã tăng bình quân 12% so với 2017. Bên cạnh đó, chế độ phúc lợi của người lao động cũng được cải thiện rất nhiều so với năm 2017 dựa vào các chính sách chăm lo người lao động mới và sự quan tâm tích cực từ ban lãnh đạo Công ty.
- > Người lao động được tạo cơ hội nâng cao kỹ năng, kiến thức thông qua các khóa đào tạo được tổ chức trong năm.
- > Bên cạnh các chương trình nâng cấp bậc tay nghề, đề bạt và thăng tiến, Công ty còn áp dụng chương trình tập sự nội bộ.
- > Nhằm tạo môi trường lao động an toàn, thân thiện và công bằng với người lao động, ngoài các nỗ lực duy trì và cải tạo cơ sở vật chất ở tiêu chuẩn tốt nhất của Việt nam, trong năm 2018 STK đã bắt đầu áp dụng cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ chế thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của Công ty
- > Với qui mô sản xuất tăng lên từ dự án TB5 đã đi vào hoạt động từ quý IV/2018, hiện tại Công ty tạo công ăn việc làm trực tiếp cho hơn 1.019 người và rất nhiều lao động gián tiếp của các nhà cung cấp và thầu phụ do qui mô mua hàng hóa và dịch vụ tăng thêm.
- > STK tiếp tục duy trì các thông lệ tốt của doanh nghiệp thông qua việc tổ chức các sự kiện chăm lo tới đời sống người lao động: phát quà 1/6, du lịch, tặng quà tết.
- > Thưởng tăng hơn 2 tháng lương cho người lao động vào tháng 12/2018 và dịp Tết nguyên đán.

TĂNG TRƯỞNG kinh tế bền vững

- > Doanh thu 2018 tăng trưởng 20% so với 2017 và vượt mục tiêu kế hoạch 2,3%;
- > Lợi nhuận 2018 tăng trưởng 80% so với 2017 và vượt mục tiêu kế hoạch 43%, tạo nguồn lực tài chính vững mạnh để công ty tiếp tục phát triển và đầu tư mới trong những năm tới;
- > Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện theo hướng lành mạnh hơn, tạo nền tảng bền vững cho các phát triển trong tương lai, góp phần giúp STK hướng tới các mục tiêu kinh tế lớn hơn và mang tính bền vững hơn;

BẢO VỆ môi trường

- > Thực hiện mục tiêu cung ứng các sản phẩm thân thiện với môi trường, với nỗ lực phát triển và quảng bá sản phẩm, trong năm 2018 tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên 16,2% trong cơ cấu doanh thu, vượt 2,2% so với kế hoạch 2018. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tiến hành triển khai các dự án sản xuất sợi màu (giải pháp tiết kiệm nước sạch và hạn chế xả hóa chất độc hại ra môi trường) và dự án tái chế sợi phế trong khuôn khổ dự án TB5, góp phần làm nền tảng để đón đầu xu hướng tiêu dung xanh của thị trường trong thời gian sắp tới;
- > Hành động Ứng phó với biến đổi khí hậu: Chỉ số Carbon Footprint trong năm 2018 tăng so với 2017 chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô và gia tăng công suất từ dự án TB5. Tuy nhiên, khối lượng năng lượng sử dụng trên 1 đơn vị sản phẩm vẫn đang được duy trì ở mức thấp hơn so với năm 2017, ngoài ra chỉ số Carbon Footprint về dầu Diesel của Công ty giảm 82% so với năm 2017 do Công ty chủ động thay thế các xe nâng đang sử dụng nguyên liệu dầu Diesel sang xe nâng điện;
- > Thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sụt lổ và xói mòn. Trong năm 2018, số lượng ống giấy POY sử dụng là 938.590 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,75 lần nên số lượng ống giấy POY được tái sử dụng là 3.519.712 ống.
- > Trong năm 2018, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 163.935.363 chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, góp phần, góp phần giảm thiểu tác động tới môi trường và bảo vệ hệ sinh thái.
- > Được cấp chứng chỉ GRS cho toàn bộ Công ty và chứng chỉ OEKO-TEX100 về chất lượng, chứng nhận sản phẩm không có hóa chất độc hại trong ngành dệt may và không thải chất thải độc hại.
- > Trong năm không xảy ra vi phạm về môi trường và không bị phạt.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

II.1	Các giá trị đạo đức của Công ty	46
II.2	Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan	47
II.3	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty	50
II.4	Gắn kết các bên liên quan nhằm xác định vấn đề trọng yếu và phạm vi của báo cáo	51

Các giá trị đạo đức của Công ty

II.1

Các thành viên STK cam kết sẽ:

- > Tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- > Tuân thủ những quy định, quy chế theo Điều lệ Công ty, các Nguyên tắc quản trị và các quy định khác mà Công ty đã ban hành.
- > Đề cao tính bảo mật thông tin, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có ý thức bảo vệ tài sản Công ty.
- > Hành động vì lợi ích tối ưu của Công ty và hạn chế tối đa mâu thuẫn quyền lợi với Công ty.
- > Có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động.
- > Cạnh tranh công bằng, lành mạnh, đảm bảo các thông tin được cung cấp chính xác, kịp thời, tránh gây thiệt hại đến quyền lợi và lợi ích của các bên liên quan.
- > Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.
- > Xem người lao động là tài sản quý giá, luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc, chú trọng đến việc đào tạo, phát triển năng lực người lao động.



Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan (GRI 102-25)

II.2

■ Nguyên tắc đối xử với cổ đông - nhà đầu tư

Cổ đông là bên liên quan quan trọng của Công ty. Chính vì thế mối quan hệ giữa STK và cổ đông được đặc biệt chú trọng hàng đầu. STK luôn gắn kết lợi ích của cổ đông với sự phát triển bền vững của Công ty. STK cam kết:

- > Đặt lợi ích của cổ đông lên hàng đầu, ngăn chặn những xung đột lợi ích, đảm bảo cho cổ đông một kênh đầu tư an toàn, chính sách cổ tức hấp dẫn, sinh lợi bền vững.
- > Cung cấp cho cổ đông các kênh thông tin đa dạng, hiệu quả. STK luôn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin như minh bạch, chính xác, kịp thời và rõ ràng.
- > Đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông.
- > Đảm bảo việc bảo mật thông tin của nhà đầu tư, cổ đông trừ trường hợp được sự cho phép của người có liên quan hoặc yêu cầu của cơ quan luật pháp.

■ Nguyên tắc đối xử với khách hàng

Mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến việc xây dựng niềm tin với khách hàng, đặt uy tín và chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng vun đắp xây dựng mối quan hệ với khách hàng bằng những hành động cụ thể như chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng phù hợp với chuẩn mực chung hai bên đã thỏa thuận.

- > Công ty cam kết đối xử công bằng, chính trực với tất cả khách hàng, luôn trân trọng khách hàng, xây dựng mối quan hệ trên cơ sở đôi bên cùng có lợi và phát triển.
- > Hướng tới mục tiêu xây dựng và duy trì sự hài lòng của khách hàng ở mức cao nhất, thiết lập mối quan hệ bền vững với khách hàng thông qua việc tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt với mức giá cạnh tranh, giao hàng đúng hạn và đúng số lượng, dịch vụ hậu mãi tốt.
- > Liên tục cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, tạo điều kiện tối ưu cho sự lựa chọn của khách hàng.
- > Bảo vệ thông tin khách hàng.



Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan (tiếp theo)

II.2

■ Nguyên tắc đối xử với cán bộ công nhân viên

Trên cơ sở hệ giá trị của STK “Cùng nhau phát triển: Gắn kết sự phát triển của STK với cộng đồng và mỗi người trong STK”, STK luôn xem người lao động là tài sản quý giá. Công ty luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc đến nhân viên, chú trọng đến việc đào tạo, tạo cơ hội phát triển năng lực người cho người lao động.

- > Công ty xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng cho người lao động theo đúng nội dung “Thỏa ước lao động tập thể” đã được ký kết, thực hiện đúng quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.
- > Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.
- > Công ty cam kết không phân biệt đối xử với người lao động.
- > Công ty cam kết đảm bảo cho người lao động làm việc trong môi trường an toàn, được chăm lo sức khỏe và được hưởng các chế độ theo đúng quy định. Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, tạo điều kiện thăng tiến cho nhân viên.
- > Công ty thực hiện đánh giá kết quả công việc, khuyến khích nhân viên phản hồi, chia sẻ nguyện vọng và ý kiến để đóng góp cho sự phát triển của công ty.

■ Nguyên tắc ứng xử đối với các đối tác, nhà cung cấp

- > Công ty cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung ứng, hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, tránh những xung đột lợi ích thực sự hoặc tiềm ẩn với các nhà cung cấp.
- > Công ty luôn tuân thủ các quy định về đấu thầu, đàm phán, ký hợp đồng.
- > Công ty cam kết không tiết lộ những thông tin bí mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của nhà cung ứng.

■ Nguyên tắc đối xử với Đối thủ cạnh tranh

STK luôn hướng đến việc nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trong ngành, xác định mục tiêu cạnh tranh công bằng trên cơ sở chất lượng vượt trội và giá bán hợp lý. Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh sau:

- > Cạnh tranh công bằng, minh bạch, hợp pháp: không đưa ra những nhận xét về sản phẩm hay dịch vụ của đối thủ cạnh tranh một cách không chính xác hay không trung thực, không tham gia vào các hoạt động nhằm phá hoại đối thủ cạnh tranh.
- > Công ty cam kết chỉ sử dụng những phương tiện hợp pháp để lấy thông tin mang tính cạnh tranh, tuyệt đối không sử dụng những cách thức không phù hợp hoặc trái giá trị đạo đức.

■ Nguyên tắc ứng xử với Chính phủ, Bộ ngành liên quan

- > Công ty cam kết tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- > Công ty không thực hiện những hành vi tiêu cực để đạt được những ưu đãi, lợi ích đặc biệt từ chính quyền, cơ quan nhà nước.
- > Công ty đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp ngân sách cho địa phương theo quy định hiện hành.

■ Nguyên tắc ứng xử với báo chí và các cơ quan truyền thông

- > Danh tiếng, uy tín của Công ty là tài sản quan trọng mà tất cả mọi nhân viên đều có nghĩa vụ phải giữ gìn và phát huy.
- > Chúng ta làm việc với truyền thông để hỗ trợ họ hiểu về doanh nghiệp và đảm bảo rằng mọi thông tin chúng ta cung cấp là minh bạch, chính xác, không sai lệch.
- > Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR) chịu trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông. Các bộ phận khác không được tự ý tiếp xúc, trả lời các vấn đề liên quan đến Công ty

II.3 Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty (GRI 102-17)

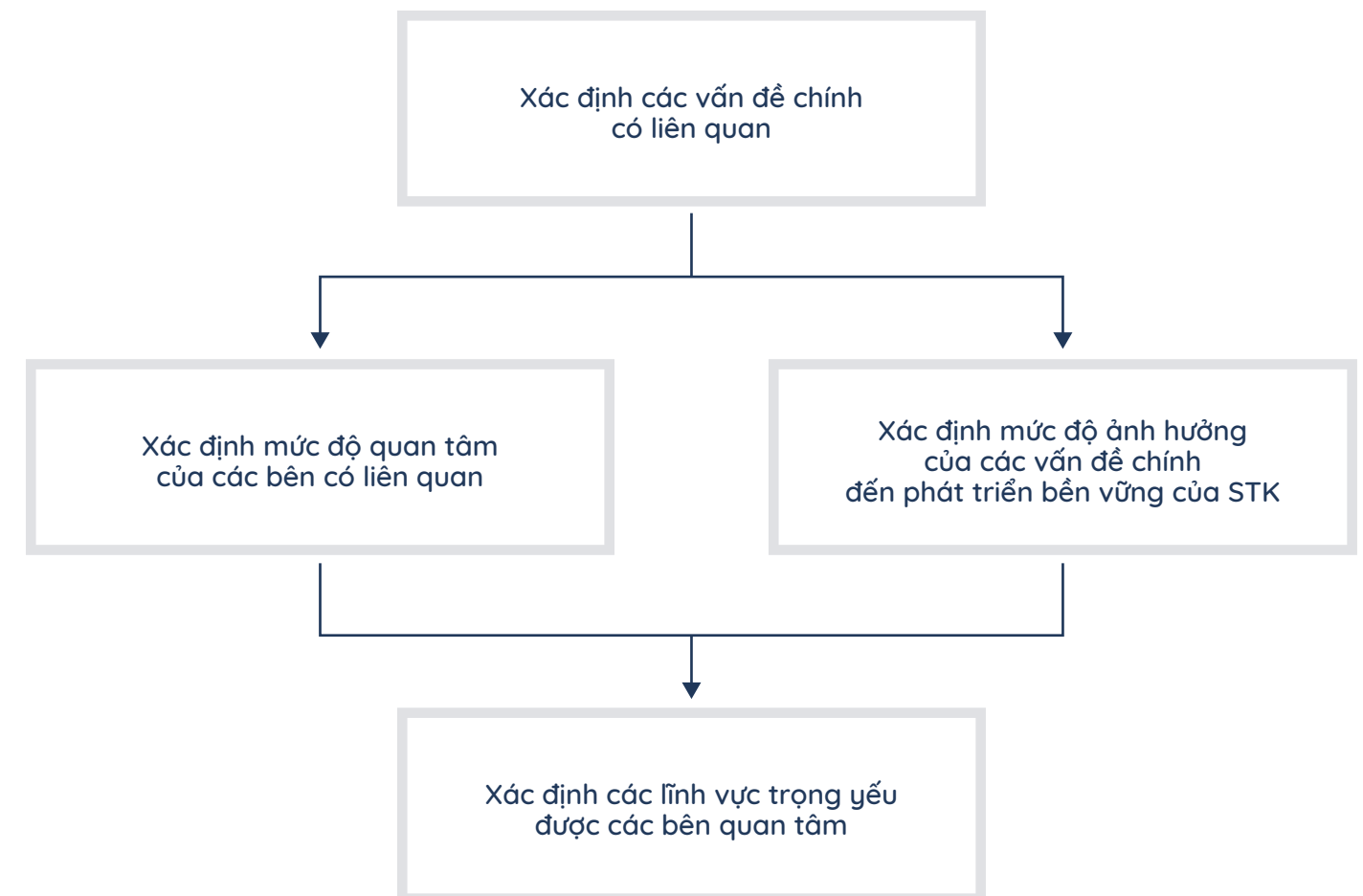
Từ năm 2016, Công ty đã tiến hành cải thiện Bộ quy tắc ứng xử để đưa vào thực tế áp dụng. Dựa trên những nguyên tắc cơ bản ban đầu, Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, **bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp** là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

Trong năm 2018, Công ty không nhận được bất kỳ báo cáo nào liên quan đến việc cán bộ và công nhân viên tại STK vi phạm bộ quy tắc ứng xử của Công ty. Trong thời gian tiếp theo, STK sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn Bộ quy tắc ứng xử để tăng cường vai trò bảo vệ quyền lợi của CBCNV cùng với xây dựng một văn hóa ứng xử lành mạnh phù hợp với các nguyên tắc đạo đức tại Công ty.

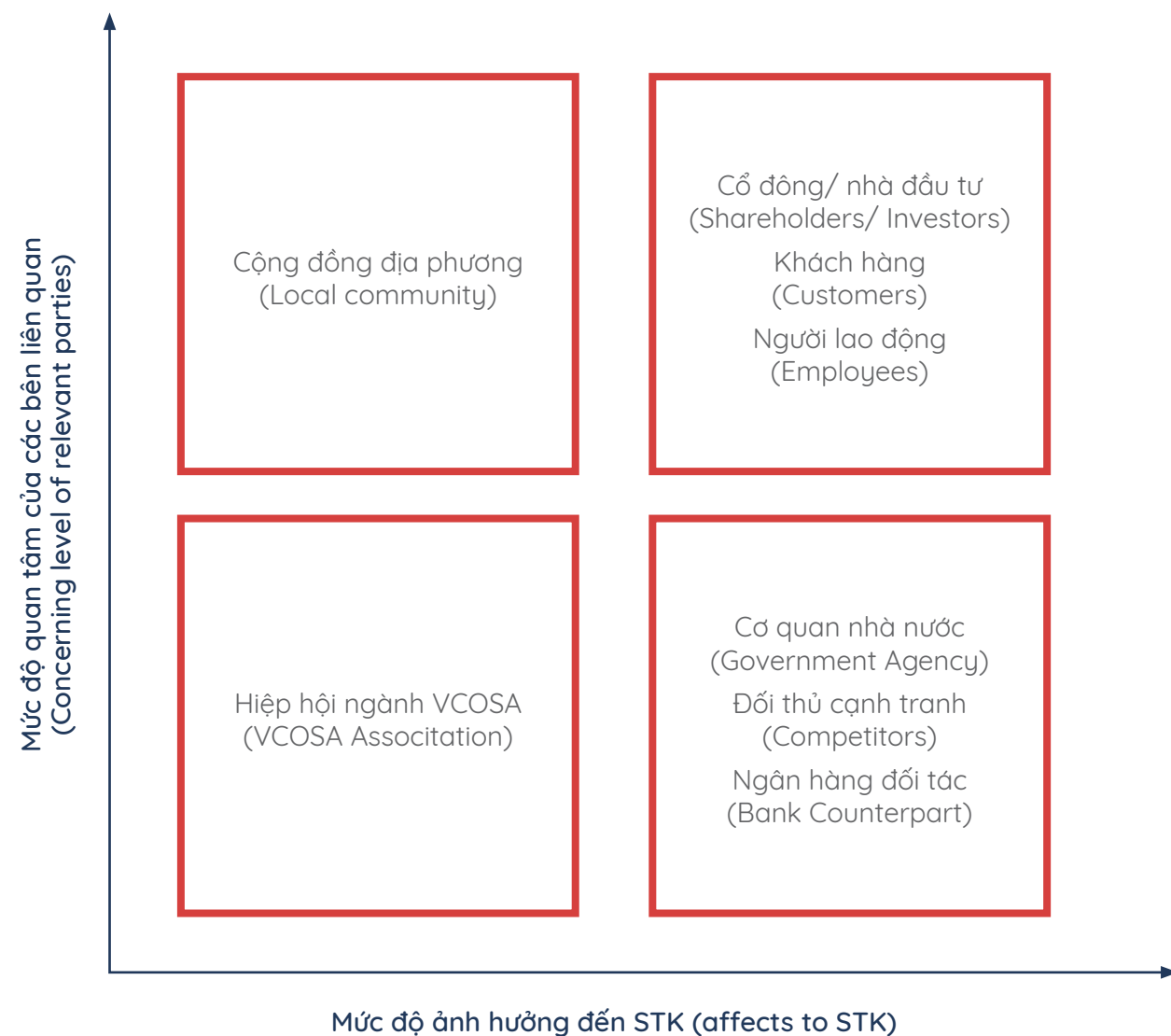


II.4 Gắn kết các bên liên quan nhằm xác định vấn đề trọng yếu và phạm vi của báo cáo (GRI 102-42, 44, 46)

Để đảm bảo được tính nhất quán, chính xác, cập nhật và minh bạch hóa của các thông tin được trình bày trong Báo Cáo Phát Triển Bền Vững, STK ưu tiên kết nối sự tham vấn từ các bên liên quan trong quá trình cải tiến và cập nhật các chính sách phát triển của Công ty. Đối với từng bên liên quan, STK đã đánh giá và xác định được các cách thức gắn kết với từng bên liên quan cụ thể. Thông qua các thông tin thu được trong quá trình tiếp xúc với các bên liên quan, STK đã chọn lọc và tập trung vào những chủ đề quan trọng phù hợp nhất với Công ty và vừa đáp ứng được các mối quan tâm của các bên liên quan. STK không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng các mối quan hệ với các bên liên quan nhằm mục tiêu đảm bảo lợi ích lâu dài của các bên cũng như nâng cao uy tín của STK trên thị trường. Cụ thể, STK đã:



II.4.1 XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ ƯU TIÊN CỦA BÊN LIÊN QUAN



II.4.2 THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102-21,40)

Các bên liên quan trọng yếu của STK được xác định dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng của có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK. Theo đó, 9 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:



II.4.3 GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102-12,13,33,34, 37, 43)

Hoạt động gắn kết các bên liên quan của STK trong 2018 liên tục được củng cố thông qua việc đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan. Qua đó, các vấn đề trọng yếu trong mục tiêu Phát Triển Bền Vững của Công ty được tiếp cận một cách sâu hơn nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động của STK và cân bằng được các vấn đề về kinh tế- môi trường- xã hội và đảm bảo được lợi ích của các bên.

Các bên có liên quan	Phương thức tiếp cận và cơ chế phản hồi của các bên liên quan	Nội dung tham vấn và chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Cổ đông	<div><div>> Thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ, các buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư, các chương trình hội thảo, chương trình tham quan nhà máy, Ban Tổng giám đốc cũng như Bộ phận Quan hệ Cổ đông đã có cơ hội tiếp xúc, trao đổi để biết được những mối quan tâm của cổ đông dành cho Công ty.</div><div>> Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails.</div><div>> Bản tin IR, Investor day, Analysts meetings.</div><div>> Ngoài ra, bộ phận quan hệ cổ đông của STK cũng luôn sẵn sàng thảo luận, trả lời các vấn đề, mối quan tâm của cổ đông và nhà đầu tư qua điện thoại và email.</div></div>	<div><div>> Minh bạch thông tin và bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư, cổ đông.</div><div>> Năng lực quản trị doanh nghiệp tốt và định hướng phát triển lâu dài.</div><div>> Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong hoạt động SXKD, tài chính.</div><div>> Định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp, mối quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng.</div><div>> Chi trả cổ tức cho nhà đầu tư, thù lao cho HĐQT, BKS, BDH.</div><div>> Giá trị của doanh nghiệp, tính thanh khoản và cơ hội đầu tư.</div></div>	<div><div>> Thị trường năm 2018 là cột mốc đáng ghi nhận của STK, với kết quả doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt so với kết hoạch đề ra (2,3% về doanh thu và 43% về lợi nhuận). Với xu hướng sản phẩm thân thiện với môi trường, Công ty đã cố gắng đẩy mạnh việc phát triển sang các thị trường mới đáng nói là Korea và Japan , ngoài ra mạng lưới khách hàng mới cũng được mở rộng với các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường như sợi recycle. Công ty đã tiếp tục duy trì việc tăng trưởng doanh số cao và hoạt động kinh doanh có lãi làm nền tảng cho sự phát triển của công ty.</div><div>> Công ty luôn tuân thủ đúng và chặt chẽ về quy định công bố thông tin. Kể từ khi được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh, STK chưa từng bị nhắc nhở về vi phạm liên quan đến việc công bố thông tin.</div><div>> Công ty cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm cho cổ đông với sự đảm bảo công bằng cho cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm 2018, STK đã tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 7% tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu.</div><div>> Ngoài ra, Công ty còn thực hiện phát hành thêm 10% cho cổ đông hiện hữu.</div><div>> Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình cũng như quan lý chặt chẽ việc phòng chống rủi ro.</div><div>> Công ty luôn hướng tới mô hình phát triển bền vững. Trong năm 2018, Công ty đã lọt Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam, đây là lần thứ 3 liên tiếp STK đã giành giải thưởng này.</div></div>

Các bên có liên quan	Phương thức tiếp cận và cơ chế phản hồi của các bên liên quan	Nội dung tham vấn và chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Khách hàng	<div><div>> Bộ phận kinh doanh và quản lý chất lượng thường xuyên trao đổi với khách hàng (bao gồm các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng, email, điện thoại...) để trao đổi thông tin, tìm hiểu các nhu cầu, mong đợi từ phía khách hàng về chất lượng, dịch vụ, giá cả của sản phẩm...</div><div>> Định kỳ, Công ty có gửi phiếu khảo sát cho khách hàng để thu thập các đánh giá, ý kiến đóng góp nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ của Công ty, thỏa mãn mong đợi của khách hàng.</div><div>> Website của công ty , hội thảo , diễn đàn hiệp hội ngành.</div></div>	<div><div>> Công ty hoạt động bền vững-an toàn và uy tín</div><div>> Chất lượng sản phẩm- dịch vụ mang lại cao.</div><div>> Giá cả cạnh tranh.</div><div>> Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn.</div><div>> Dịch vụ khách hàng vượt trội.</div><div>> Công nghệ, năng lực hoạt động tốt.</div><div>> Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng.</div><div>> Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao.</div><div>> Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại.</div></div>	<div><div>> Công ty liên tục nghiên cứu phát triển để cho ra đời các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Công ty đã cho ra mắt sản phẩm sợi tái chế và các sản phẩm như sợi màu, sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD (Cactionic Dyedable), sợi Dope Dyed các loại sợi này đang được cung cấp cho các khách hàng dùng thử và nhận được phản hồi rất tốt.</div><div>> Nâng cao uy tín thương hiệu của STK thông qua các giải thưởng uy tín, củng cố lòng tin của khách hàng.</div><div>> Củng cố nghiệp vụ đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng.</div><div>> Tổ chức cơ cấu bộ phận kinh doanh với việc tăng cường các team sales nội địa.</div><div>> Công ty được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận sản phẩm không sử dụng các chất độc hại theo tiêu chuẩn châu Âu (REACH 168).</div><div>> Công ty đã được cấp chứng chỉ Global Recycle Standard v3.0 (GRS) về sản xuất sợi tái chế cho toàn bộ Công ty. Để đạt được chứng chỉ này, STK đã thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, cam kết không sử dụng hóa chất độc hại.</div><div>> Công ty được các khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ, được đánh giá ngang với các công ty sản xuất sợi polyester hàng đầu thế giới như Nan Ya (Formosa), Lan Fa, Zig Sheng, Hengli, LeaLea, Far Eastern New Century.</div></div>

Các bên có liên quan		Phương thức tiếp cận và cơ chế phản hồi của các bên liên quan	Nội dung tham vấn và chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Người lao động	Nhà cung ứng	<p>> Hàng tuần, Công ty thường tổ chức chương trình Tôn chỉ cũng như các cuộc họp giao ban để qua đó trao đổi về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, những vấn đề khó khăn còn đang vướng mắc của các bộ phận cũng như nắm rõ hơn những nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng của người lao động.</p> <p>> Định kỳ hàng quý, Công ty thực hiện đối thoại định kỳ với người lao động nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa người sử dụng lao động và người lao động để bảo đảm việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.Hàng năm,tại Hội nghị người lao động, Công ty cũng tiếp thu những ý kiến đóng góp của CBCNV để hoàn thiện hơn các cơ chế, chính sách Công ty, góp phần cải thiện môi trường làm việc cũng như hiệu quả lao động.</p> <p>> Bên cạnh đó, người lao động còn có thể trực tiếp trao đổi với người quản lý trực tiếp của mình hoặc phòng nhân sự về những suy nghĩ, vướng mắc, khó khăn trong công việc của mình để nhận được sự tư vấn.</p> <p>> Ngoài ra, định kỳ hoặc đột xuất, Công ty và người lao động còn tiến hành phiên họp thương lượng tập thể để xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xác lập các điều kiện lao động mới để tiến hành ký kết thỏa ước lao động tập thể; giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong công việc.</p>	<p>> Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống</p> <p>> Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.</p> <p>> Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển năng cao tay nghề.</p> <p>> Cơ hội thăng tiến trong công việc</p> <p>> Tầm nhìn của người lãnh đạo.</p> <p>> Sự công bằng và dân chủ.</p> <p>> Không phân biệt đối xử</p>	<p>> Nhằm mang lại sự hài lòng cho nhân viên, Công ty không ngừng cải thiện những chính sách về lương thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến cũng như môi trường làm việc cho CBCNV.</p> <p>> Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ mức lương cho CBCNV tại Công ty luôn cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành.</p> <p>> Đưa ra các cam kết từ Ban TGD Công ty về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng đối với người lao động.</p> <p>> Thực hiện cơ chế 5s góp phần giữ gìn vệ sinh, môi trường và sức khỏe của CBCNV của Công ty.</p> <p>> Đảm bảo cho người lao động điều kiện làm việc an toàn, được chăm lo sức khỏe bằng việc ban hành, xây dựng và tuân thủ các chính sách trách nhiệm xã hội chặt chẽ.</p> <p>> Trong năm 2018, Công ty đã tăng lương bình quân cho CBCNV 12% tùy vào vị trí công việc. Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 16 người.</p>

Các bên có liên quan		Phương thức tiếp cận và cơ chế phản hồi của các bên liên quan	Nội dung tham vấn và chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Đối thủ cạnh tranh	Nhà cung ứng	<p>> Dựa trên những khảo sát nghiên cứu và phân tích thị trường độc lập của đơn vị và các báo cáo ngành, hiệp hội được các cơ quan chức năng- các tổ chức phân tích trong nước và quốc tế cung cấp, Công ty có thể đưa ra những kết quả phân tích, đánh giá về chiến lược cũng như quan điểm của đối thủ cạnh tranh.</p> <p>> Dựa trên các kế hoạch mua hàng của Công ty, bộ phận thu mua thường xuyên gặp mặt, tương tác với nhà cung ứng để đạt được những thông nhất có lợi cho cả hai bên.</p> <p>> Bộ phận thu mua cùng với bộ phận quản lý chất lượng cũng thường xuyên đến thăm nhà máy của nhà cung ứng để đánh giá về công nghệ sản xuất của đối tác, trao đổi về nhu cầu của hai bên, cùng nhau hợp tác và phát triển.</p>	<p>> Mỗi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch.</p> <p>> Uy tín, cộng tác dài lâu.</p> <p>> Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển.</p> <p>> Xây dựng chuỗi giá trị bền vững</p>	<p>> Công ty thực hiện cạnh tranh công bằng trên cơ sở năng cao chất lượng sản phẩm vượt trội và giá bán hợp lý.</p> <p>> Công ty hợp tác với nhà cung ứng trong việc cùng nhau phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>> Định kỳ, Công ty thực hiện quy trình đánh giá nhà cung ứng như một công cụ để khảo sát tình hiệu quả trong quá trình tương tác với các nhà cung ứng, từ đó Công ty sẽ cùng thương lượng và đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.</p>
Nhà nước		<p>> Công ty thường tiếp xúc với các cơ quan nhà nước qua các cuộc họp, các đợt thanh tra , các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA hoặc các văn bản hành chính của nhà nước.</p>	<p>> Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật:</p> <p>- Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định</p> <p>- Hỗ trợ phát triển cộng đồng</p> <p>- Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước</p>	<p>> Công ty luôn tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. Công ty không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật.</p> <p>> Định kỳ, Công ty luôn thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, AT-MT-SK của Công ty.</p> <p>> STK luôn tiên phong triển khai và ủng hộ và thực thi các chủ trương lớn của nhà nước.</p> <p>> Công ty hướng đến phát triển bền vững và hỗ trợ phát triển địa phương.</p>

Các bên có liên quan	Phương thức tiếp cận và cơ chế phản hồi của các bên liên quan	Nội dung tham vấn và chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Ngân hàng đối tác	<p>> Với các ngân hàng đối tác, cả hai bên thường xuyên có các cuộc gặp mặt, trao đổi thông tin, tương lượng về các điều khoản trong hợp đồng.Trong quá trình hợp tác, cả hai bên cũng thường xuyên trao đổi qua điện thoại và email về các vấn đề phát sinh.</p>	<p>> Công ty hoạt động bền vững và uy tín.</p> <p>> Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp.</p> <p>> Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp.</p> <p>> Gắn kết và hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển</p>	<p>> Công ty không ngừng hoàn thiện năng cao chất lượng hệ thống quản trị doanh nghiệp.</p> <p>> Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ trả nợ và lãi vay đối với tổ chức tín dụng.</p> <p>> Thực hiện rà soát, kiểm tra và chuẩn bị tốt các công tác liên quan đến hoạt động tài chính nhằm đảm bảo sự tuân thủ đúng hạn, đầy đủ với các tác tác tín dụng.</p>
Cộng đồng địa phương	<p>> Qua các buổi gặp mặt trao đổi định kỳ thăm hỏi, các văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương, các hoạt động xã hội cộng đồng, Công ty có thể nắm được những mối quan tâm, mong đợi của cộng đồng địa phương dành cho Công ty.</p>	<p>> Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng.</p> <p>> Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân thông qua việc nâng cao thu nhập kinh tế.</p> <p>> Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương.</p>	<p>> Công ty luôn nỗ lực trong việc đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế địa phương thông qua việc nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương.</p> <p>> Đóng góp, xây dựng các quỹ trao học bổng cho con em người lao động địa phương</p> <p>> Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương góp phần độ thị hóa nông thôn.</p>
Hiệp hội ngành (VCOSA)	<p>> Thông qua các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi giữa doanh nghiệp và Hiệp hội ngành, cả 2 bên có thể chia sẻ những khó khăn, vướng mắc và những kỳ vọng từ cả 2 phía.</p>	<p>> Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành.</p>	<p>> Luôn sẵn sàng hợp tác cùng Hiệp hội và các doanh nghiệp cùng ngành trong việc phát triển ngành sợi nói riêng và chuỗi cung ứng dệt may nói chung.</p>



II.4.4 XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (GRI 102-29,31, GRI 103-1)

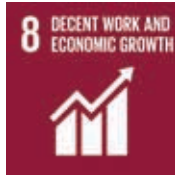
Dựa trên bối cảnh ngày dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng cùng với việc đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, dựa vào bộ tiêu chuẩn GRI –Standards STK đã phân tích và tích hợp các vấn đề trọng yếu có mức độ quan tâm cao nhất từ các bên liên quan vào các tiêu chuẩn GRI về kinh tế (GRI 200), môi trường (GRI 300) và xã hội (GRI 400). Cụ thể:

Xác định các lĩnh vực trọng yếu có thể ảnh hưởng sự phát triển bền vững của STK	<div><div>> Khảo sát và nghiên cứu thông tin thị trường của ngành sợi và dệt may.</div><div>> Phân tích các bản khảo sát khách hàng thông qua các kênh tiếp cận với khách hàng.</div><div>> Thu thập thông tin hiệp hội ngành dệt may (VCOSA).</div><div>> Tiếp nhận và phân tích các đóng góp từ các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư, investor day, analyst meeting, ĐHCĐ và trong các kỳ họp đối thoại người lao động định kỳ tại Công ty.</div></div> <div>1</div>
Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm	<div><div>> Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm và đưa vào báo cáo.</div><div>> Tham khảo ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị về các vấn đề trọng yếu để cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.</div><div>> Xác định các vấn đề trọng yếu của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty. Theo đó, các vấn đề trọng yếu được chia ra theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.</div></div> <div>2</div>
Phê duyệt	<div><div>> Xây dựng ma trận các vấn đề trọng yếu tại STK và xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao nhất đến STK.</div><div>> Thông qua các vấn đề trọng yếu.</div></div> <div>3</div>
Rà soát	<div><div>> Tiếp tục rà soát các lĩnh vực trọng yếu sau khi phát hành báo cáo để tiếp nhận những đóng góp của các bên liên quan. Từ đó, cải thiện và xây dựng hệ thống các lĩnh vực trọng yếu chính xác hơn góp phần bảo đảm lợi ích của các bên liên quan và Công ty.</div></div> <div>4</div>

Mức độ quan tâm của các bên liên quan	Cao	<ul style="list-style-type: none">> Phát triển cơ sở hạ tầng> Cải thiện kinh tế mức sống địa phương> Sự công bằng và dân chủ	<ul style="list-style-type: none">> Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống> Hỗ trợ công ăn việc làm cho người dân địa phương> Phát triển kinh tế ngành> Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật về quyền con người> Chính sách phúc lợi cho lao động nữ mang thai, có con nhỏ	<ul style="list-style-type: none">> Nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao kinh tế doanh nghiệp> Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại> Hỗ trợ phát triển địa phương> Sử dụng năng lượng hiệu quả> Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường> Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên> Giảm xả thải và xử lý chất thải> Công ty hoạt động bền vững-an toàn và uy tín> Chất lượng sản phẩm -dịch vụ cao> Dịch vụ khách hàng vượt trội.
			<ul style="list-style-type: none">> Không phân biệt đối xử> Chống tham nhũng> Cơ hội học tập,đào tạo, phát triển,nâng cao tay nghề.> Cơ hội thăng tiến trong công việc> Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.	<ul style="list-style-type: none">> Giá cả cạnh tranh.> Hành vi chống cạnh tranh -Cạnh tranh lành mạnh
	Thấp			
		Tác động tới STK		
		Cao		

II.4.5 CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2018

Các vấn đề trọng yếu được xác định dựa trên các nội dung tham chiếu các mối quan tâm của các bên liên quan phù hợp với mục tiêu phát triển và chiến lược của công ty, các nội dung trọng yếu được xác định theo từng nhóm khía cạnh sau:



KINH TẾ

- > Hiệu quả kinh doanh, nâng cao kinh tế doanh nghiệp 2018
- > Sự hiện diện trên thị trường
- > Tác động kinh tế gián tiếp
- > Chống tham nhũng
- > Hành vi chống cạnh tranh

TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

- > Hiệu quả kinh doanh, nâng cao kinh tế doanh nghiệp 2018
- > Sự hiện diện trên thị trường
- > Tác động kinh tế gián tiếp
- > Chống tham nhũng
- > Hành vi chống cạnh tranh

MÔI TRƯỜNG

- > Hiệu quả kinh doanh, nâng cao kinh tế doanh nghiệp 2018
- > Sự hiện diện trên thị trường
- > Tác động kinh tế gián tiếp
- > Chống tham nhũng
- > Hành vi chống cạnh tranh

QUYỀN CON NGƯỜI TẠI NƠI LÀM VIỆC

- > Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống
- > Không phân biệt đối xử, tự do lập hội
- > Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật về quyền con người
- > Chính sách phúc lợi cho lao động nữ mang thai, có con nhỏ

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

- > Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống
- > Không phân biệt đối xử, tự do lập hội
- > Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật về quyền con người
- > Chính sách phúc lợi cho lao động nữ mang thai, có con nhỏ

Để đảm bảo tính hiệu quả trong các hoạt động của Công ty trong năm tài chính tiếp theo 2019, STK sẽ tiến hành rà soát các lĩnh vực trọng yếu đã xác định cũng như hiệu quả việc thực hiện trong năm 2018 để kịp thời cập nhật và bổ sung những cải tiến trong năm tiếp theo nhằm duy trì lợi ích cao nhất của các bên liên quan.



II.4.6 CÁCH THỨC TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG/KẾ HOẠCH CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-11, 26)

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và thực hiện chiến lược phát triển bền vững lâu dài của Công ty, định kỳ hàng tuần và hàng tháng các số liệu cập nhật về kết quả sản xuất-kinh doanh, môi trường, lao động - xã hội đều được báo cáo trực tiếp với ban TGD Công ty trong các cuộc họp sản xuất, kinh doanh, giao ban hàng tuần và các báo cáo KPI tháng.

Bên cạnh đó, với hệ thống báo cáo KPI hàng tháng thì các tiêu chí về môi trường, lao động- xã hội và kinh tế đều được đánh giá, xem xét mức độ hoàn thành của từng đơn vị và gắn liền với mức thu nhập của người lao động nên hiệu quả quản lý ở cấp cơ sở sẽ được cải thiện và đạt hiệu quả cao. Đồng thời, Công ty sẽ kịp thời có các biện pháp phù hợp và để giải quyết các vấn đề phát sinh, góp phần giảm thiểu tối đa các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:

Xác định các mục tiêu sản xuất - kinh doanh, môi trường, lao động-xã hội



Xây dựng LPIs cho từng phòng ban liên quan theo các tiêu chí PTBV



Báo cáo kết quả thực hiện KPIs hàng tháng



Ban điều hành xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành KPIs theo báo cáo của các phòng ban liên quan



Đưa ra phương án giải quyết vấn đề phát sinh nếu có hoặc tạo điều kiện để nâng cấp KPIs



Hệ thống hoá thông tin và số liệu để so sánh và đánh giá ở kỳ tiếp theo



II.4.6 CÁCH THỨC TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG/KẾ HOẠCH CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

Ngoài ra đối với:

Tiêu chí về kinh tế: Hàng tuần vào mỗi thứ 2 và chiều thứ 7, bộ phận kinh doanh sẽ họp trực tiếp với TGD và Ban Điều Hành Công ty để báo cáo về kết quả sản xuất và tình hình hoạt động kinh doanh, bán hàng của Công ty. Nhờ đó, Ban Điều hành Công ty và TGD sẽ kịp nắm bắt tình hình và đề xuất các biện pháp cụ thể khi có các rủi ro phát sinh. Ngoài ra, các số liệu về kinh tế còn được sử dụng dựa theo báo cáo tài chính được kiểm toán hàng quý do vị Ernst & Young Vietnam thực hiện.

Tiêu chí về môi trường: Hàng tuần vào mỗi sáng thứ 2, bộ phận Tổng vụ và ISO của Công ty sẽ họp trực tiếp với Ban Điều Hành Công ty và TGD để báo cáo về các kết quả đánh giá môi trường và tình hình giám sát tuân thủ tại Công ty. Thông qua đó, Ban Điều Hành Công ty và TGD sẽ nhận xét và đưa ra các ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả tuân thủ và chất lượng của môi trường tại Công ty.

Tiêu chí về lao động – xã hội: Hàng tuần vào mỗi sáng thứ 2, bộ phận Nhân sự và Đào tạo sẽ họp trực tiếp với Ban Điều Hành Công ty và TGD để báo cáo về tình hình lao động, nhân sự và các cập nhật của các chính sách đề bạt, đào tạo, phúc lợi của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự và chất lượng lao động của Công ty.

Bên cạnh việc giám sát các SOP, các bộ phận còn phải thu thập, báo cáo và giải trình các biến động liên quan đến KPIs liên quan tới hoạt động của đơn vị mình. Cụ thể, đối với đơn vị sản xuất thì cần phải chú ý đến các chỉ tiêu chất lượng, tiêu hao nguyên, vật liệu, sử dụng linh kiện, năng lượng, điện, nước, nước thải và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiết kiệm chi phí; đối với đơn vị nhân sự thì cần chú ý đến các chỉ tiêu về biến động nhân sự, mức độ đảm bảo nhân sự, số lượng CBCNV được đào tạo và việc sử dụng ngân sách đào tạo , thu nhập bình quân các cấp. Những số liệu này sẽ được kiểm tra chéo bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo độ chính xác. Ngoài ra, các số liệu và báo cáo về hoạt động kinh doanh- sản xuất, môi trường và xã hội còn được trình bày và đánh giá trong các cuộc họp HĐQT và các thành viên HĐQT để kịp thời nắm bắt và đề ra các định hướng tiếp theo cho Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển bền vững Công ty đặt ra.



Cụ thể, các dữ liệu và thông tin được đảm bảo như sau:

Tiêu chí	Bộ phận liên quan	KPIs	Người phụ trách giám sát
Kinh tế	Kinh Doanh	> Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận. > Mở rộng mạng lưới khách hàng.	> Tổng Giám Đốc Công ty. > Trợ lý TGD về kinh doanh. > Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu.
Trách nhiệm sản phẩm	Kinh Doanh Quality Assessment Team Quality Control Team	> Thời gian giao hàng. > Chất lượng sản phẩm. > Tốc độ phản hồi khách hàng. > Thái độ phục vụ. > Thời gian giải quyết khiếu nại. > Giá cả cạnh tranh hợp lý. > Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm	> Tổng Giám Đốc Công ty. > Trưởng nhóm QA. > Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.
Môi trường	Tổng vụ ISO team Utility Thu mua	> Mức tiêu hao điện sử dụng. > Mức tiêu hao nước sử dụng. > Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn. > Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng. > Chi phí điện, nước. > Thực hiện tiết kiệm điện, nước. > Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải. > Chi phí xử lý nước thải, rác thải.	> Tổng Giám Đốc Công ty. > Giám đốc tổng quản lý. > Trưởng bộ phận Thu mua. > Trợ lý TGD về thu mua. > Trưởng bộ phận Utility. > Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ. > Nhân viên ISO.
Quyền con người tại nơi làm việc, Lao động - xã hội	Nhân sự Tổng vụ ISO team	> Kết quả tuyển dụng. > Tỷ lệ đáp ứng lao động. > Kết quả thực hiện đào tạo. > Quản lý chi phí đào tạo. > Tỷ lệ biến động nhân sự. > Tỷ lệ nhân viên được đề bạt. > Quản lý chi phí lương, phúc lợi. > Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn –vệ sinh. > Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động. > Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi.	> Tổng Giám Đốc Công ty. > Giám Đốc tổng quản lý. > Trưởng bộ phận nhân sự. > Trưởng nhóm đào tạo. > Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ. > Nhân viên ISO.

II.4.7 ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2019-2023

Phát triển bền vững ngày càng trở thành một khái niệm nhận được sự quan tâm và chú ý rất lớn trên toàn thế giới. Chính vì vậy trong hội nghị thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc về phát triển bền vững tại New York ngày 25-27/09/2015, 193 quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc đã thống nhất thông qua “Chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển đến năm 2030 cùng với 17 mục tiêu phát triển bền vững. Tại Việt Nam, việc thực hiện và xây dựng mục tiêu phát triển bền vững lâu dài của các doanh nghiệp đang nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ phía chính phủ Việt Nam và các tổ chức, ban, ngành góp phần tạo ra một làn sóng mới về quan điểm chiến lược phát triển đến rất nhiều doanh nghiệp vốn không chú trọng đến việc cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đóng góp cho xã hội trước đây. Định hướng phát triển bền vững đang ngày càng trở thành một yếu tố cốt lõi quan trọng đối với chiến lược duy trì sự thịnh vượng và lâu dài của doanh nghiệp. STK là một trong những công ty hàng đầu trong ngành sợi dệt ở Việt Nam, Công ty ưu tiên tập trung phát triển kinh doanh kết hợp nâng cao chất lượng với việc phát triển sản phẩm mới có giá trị cao, gắn kết với lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội trọng định hướng phát triển của doanh nghiệp. Với tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.” STK xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa theo việc tạo ra các giá trị ảnh hưởng tích cực đến nhóm liên quan: Công ty, xã hội và môi trường. STK quan tâm chú trọng phát triển kinh tế doanh nghiệp song song với bảo vệ các mục tiêu môi trường và quyền lợi đến cộng đồng xã hội.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG HẠN 2019-2023

Tiếp tục mở rộng sản xuất nhằm đạt lợi thế về qui mô. Phát triển các sản phẩm/dự án thân thiện với môi trường. Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu năm 2018 từ 14% lên 30% vào năm 2020. Phát triển chuỗi sản xuất theo chiều dọc nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động. Không ngừng hoàn thiện chính sách, cải tiến qui trình quản lý sản xuất và kinh doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng kết quả hoạt động. Xây dựng đội ngũ lao động lành nghề thông qua việc tiếp tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự, kế hoạch đào tạo đội ngũ kế cận và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh. Thực hiện kế hoạch phát hành ESOP để gắn kết sự phát triển của công ty với người lao động.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2019-2020

Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi quick dry (hút ẩm), sợi co giãn, sợi CD, soft package, sợi doped dye. Tiếp tục triển khai dự án sợi màu nhằm tiết kiệm nguồn nước sử dụng, giảm thiểu việc xả hóa chất độc hại ra môi trường. Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168 và OEKO-TEX 100, GRS nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. Đa dạng hóa danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

Để thực hiện gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động của Công ty, STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2018-2023 của doanh nghiệp bao gồm:



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

- Tăng trưởng doanh thu ổn định;
- Tăng trưởng lợi nhuận ổn định
- Tình hình tài chính lành mạnh





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường,
- Hạn chế sự tiêu hao các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Không gây ô nhiễm môi trường

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

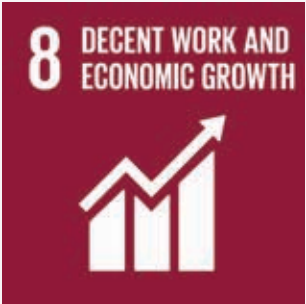
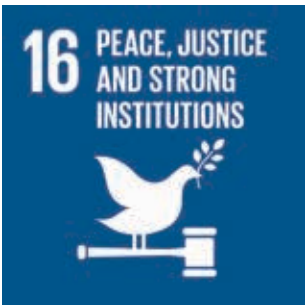
- △ Lương và thu nhập thỏa đáng;
- △ Cơ hội phát triển và thăng tiến;
- △ Môi trường làm việc an toàn, thân thiện và công bằng;
- △ Phát triển kinh tế và xã hội của địa phương và cộng đồng dân cư;



Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Gắn kết mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Gắn kết kế hoạch hành động quốc gia về các mục tiêu bền vững của Việt Nam đến 2030	Lồng ghép hành động của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018 - 2020
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG	> Phát triển doanh nghiệp bền vững dựa trên nền tảng bảo vệ môi trường xanh.	<p>Nước sạch và điều kiện vệ sinh tốt</p> 	<ul style="list-style-type: none"> > Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người. > Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người. > Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương; chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh. > Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn. > Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước. 	<ul style="list-style-type: none"> > Công ty cũng bố trí 50 nhà vệ sinh riêng biệt cho nam và nữ và thường xuyên nâng cấp tại 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, đảm bảo tuân thủ theo quy định 20 nhân viên/ca/nhà vệ sinh theo tiêu chuẩn 3733 của nhà nước. > Các nhà vệ sinh đều được cung cấp nước sạch, trang bị giấy vệ sinh và xà bông rửa tay, được nhân viên vệ sinh quét dọn sạch sẽ hàng ngày và được đánh giá 5s hàng tuần s. > Công ty cũng không sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất được chứng nhận bởi tổ chức uy tín trên thế giới (vd: chứng chỉ REACH STK đã đạt được trong 2017). > Định kỳ hàng quý và 6 tháng công ty tiến hành quan trắc chất lượng nước thải và đo kiểm tác động môi trường nhằm mục tiêu giám sát và kịp thời đưa ra các biện pháp phù hợp góp phần làm giảm thiểu tác động đến chất lượng nguồn nước. > Ngoài ra Công ty thường xuyên tuyên truyền và phổ biến chính sách tiết kiệm nước trong Công ty và sử dụng nước tiết kiệm để bảo vệ nguồn nước. 	<ul style="list-style-type: none"> > Theo dõi, giám sát các báo cáo về môi trường để có biện pháp phòng ngừa kịp thời. > Tiếp tục phát triển sản xuất sợi màu và hoàn tất về mặt pháp lý để đưa vào sản xuất chính thức. > Tăng tỷ trọng sản xuất sợi tái chế từ 14%-2018 lên mục tiêu 30% năm 2020.
		<p>Năng lượng sạch và giá hợp lý</p> 	<ul style="list-style-type: none"> > Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người. 	<ul style="list-style-type: none"> > Bên cạnh việc đầu tư các máy móc tiết kiệm năng lượng, Công ty thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng và thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn năng lượng. > Xây dựng thói quen tiết kiệm năng lượng trong ý thức của CBCNV thông qua việc tắt bớt các thiết bị điện không cần thiết và sau sử khi sử dụng. > Định kỳ hàng năm Công ty luôn đề ra các giải pháp liên tục tiết kiệm năng lượng và định kỳ hàng tháng đều có chỉ tiêu, báo cáo để kiểm soát và kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục hiệu quả. 	

Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Gắn kết mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Gắn kết kế hoạch hành động quốc gia về các mục tiêu bền vững của Việt Nam đến 2030	Lồng ghép hành động của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018 - 2020
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG (Tiếp theo)		Ứng phó biến đổi khí hậu 	> Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai.	> Nhận thức được tác động tiêu cực của khí nhà kính, từ năm 2016 STK đã tiến hành đo lường carbon footprint và đề ra biện pháp để giảm thiểu lượng khí thải như ngưng các loại xe gây ô nhiễm, phát thải nhiều, tiết kiệm điện, xăng, dầu DO, thông qua việc thay đổi sử dụng xe nâng hàng bằng điện, phối hợp vận chuyển đơn hàng và các bộ phận đi công tác để giảm thiểu việc sử dụng phương tiện vận tải	
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG	> Lấy mục tiêu nhân viên chính là tài sản của Công ty, Công ty luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực. > Đảm bảo môi trường lao động an toàn cho CBCNV.	Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc 	> Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi. > Đến năm 2030, giảm 20 - 25% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm (NCDs) thông qua dự phòng và điều trị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất. > Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện, bao gồm lạm dụng ma túy và sử dụng các đồ uống có cồn ở mức gây hại. > Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất.	> STK luôn nỗ lực trong việc bảo đảm an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho người lao động (công ty có phòng y tế cho người lao động được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thuốc và dụng cụ y tế với 1 cán bộ y tế chuyên trách. > Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV) hàng năm, kiểm soát và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động nếu phát hiện sẽ gửi bệnh nhân đến trung tâm y tế chuyên khoa để thăm khám, chữa bệnh và theo dõi liên tục 6 tháng. > Ngoài ra, Công ty không sử dụng hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất để bảo vệ sức khỏe người lao động và người tiêu dùng. > Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về phòng chống việc sử dụng các chất kích thích, ma túy trong Công ty. Ban lãnh đạo quản lý chặt chẽ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.	> Duy trì các chương trình nâng cao tay nghề, ý thức trân trọng sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động đến đội ngũ sản xuất. > Đào tạo quản lý cấp cơ sở, cấp trung và cấp cao để quản lý sâu sát, kịp thời đến từng CBCNV một cách toàn diện. > Chú trọng công tác lựa chọn nguồn tuyển dụng có chất lượng cao.
		Xóa nghèo 	> Chấm dứt hình thức nghèo ở mọi nơi. > Đến 2020, xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người ở mọi nơi. > Sử dụng chuẩn nghèo với mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 1,25 đô la Mỹ. > Triển khai trên toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội.	> STK đã đóng góp cho nền thu nhập và kinh tế địa phương thông qua tuyển dụng và tạo công ăn việc làm cho hơn 1,000 lao động với mức lương, thưởng và phụ cấp cạnh tranh với thị trường (cao hơn mức trung bình của ngành và khu vực), STK còn góp phần xây dựng nền kinh tế địa phương thông qua việc sử dụng mua nguyên vật liệu, các dịch vụ hậu cần (như các dịch vụ cung ứng nhà trọ, cung ứng suất ăn, đồng phục, dịch vụ bảo vệ, dịch vụ vận tải). > Các chính sách nhân sự bền vững bao gồm chính sách lương, thưởng và phụ cấp cạnh tranh, tham gia các loại BHYT, BHXH, BHTN, đào tạo và tạo cơ hội thăng tiến, đối xử công bằng (đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và phụ nữ) và tạo điều kiện tham gia vào quá trình ra quyết định của doanh nghiệp, cũng sẽ góp phần thực hiện được mục tiêu xóa đói giảm nghèo.	

Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Gắn kết mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Gắn kết kế hoạch hành động quốc gia về các mục tiêu bền vững của Việt Nam đến 2030	Lồng ghép hành động của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018 - 2020
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG (Tiếp theo)		Việc làm tốt và phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người. Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm Toàn cầu của ILO. Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đảm bảo mức lương thưởng và phụ cấp ở STK luôn được duy trì ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành và trong cùng địa bàn khu vực. Mức tăng lương bình quân của STK trong các năm luôn cao hơn mức độ tăng GDP của cả nước và tỷ lệ lạm phát. Bên cạnh môi trường làm việc tiện nghi và an toàn/vệ sinh, STK còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để người lao động có thể làm việc hiệu quả nhất và hài lòng nhất. Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. 	
		Hòa bình công lý và thể chế hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người Giảm đáng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ. Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> STK luôn cam kết hành động chính trực. Công ty có chính sách và biện pháp để ngăn chặn các hành vi tham nhũng, hối lộ và trốn thuế. Đảm bảo tính minh bạch thông qua cam kết thực hiện việc công bố thông tin minh bạch và chính xác. Tuân thủ và ủng hộ các quy định, chính sách pháp luật do nhà nước đề ra. 	
		Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. Đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản. Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải. Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp áp dụng các thông lệ bền vững, bao gồm công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người nghèo và nhóm dân cư yếu thế; tích hợp các thông tin về tính bền vững vào báo cáo định kỳ của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> Với mong muốn bảo vệ môi trường và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên, STK đã triển khai sản xuất sợi sử dụng nguyên liệu tái chế, sợi phế để sản xuất chip, góp phần giảm thiểu sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất. Thêm vào đó, Công ty cũng có các biện pháp để tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước sạch (tái sử dụng nước hồ AC), tái sử dụng ống giấy POY, khuyến khích tái chế rác thải (thùng phuy sắt và nhựa) giảm thiểu chi phí đầu vào, tác động đến nguồn tài nguyên thiên nhiên và nâng cao giá trị gia tăng cho Công ty. STK cũng ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất và tiêu dùng bền vững về môi trường, trách nhiệm xã hội và chiến lược bền vững. 	

Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Gắn kết mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Gắn kết kế hoạch hành động quốc gia về các mục tiêu bền vững của Việt Nam đến 2030	Lồng ghép hành động của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018 - 2020
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG	<ul style="list-style-type: none"> > <i>Đóng góp cho sự phát triển kinh tế tại địa phương.</i> > <i>Bảo vệ môi trường sản xuất tại địa phương.</i> > <i>Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Khu công nghiệp.</i> 	Công nghiệp đổi mới và cơ sở hạ tầng 	<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới 	<ul style="list-style-type: none"> > Là một công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp phục vụ cho ngành dệt may, STK đã và đang góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành dệt may Việt nam cũng như tạo ra rất nhiều công việc làm trực tiếp và gián tiếp cho cộng đồng địa phương đóng góp vào sự phát triển cơ sở hạ tầng cũng như đổi mới chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. > STK cũng liên tục đầu tư để tạo ra các sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xu hướng tiêu dùng xanh như sợi tái chế, sợi chống ẩm, sợi màu, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu mỏ, nguồn nước) giảm thiểu phát thải khí nhà kính.. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đào tạo và nâng cao chất lượng nhân lực tại địa phương. > Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động ở Củ Chi và Trảng Bàng. > Theo dõi và giám sát báo cáo môi trường để kịp thời giải quyết các vấn đề về môi trường (nếu có). > Tuân thủ pháp luật hiện hành, đảm bảo minh bạch trong thông tin và hoạt động kinh doanh, tích cực chống tham nhũng, hối lộ.
		Việc làm tốt và phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> > Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người. > Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm Toàn cầu của ILO. > Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> > Công ty đảm bảo mức lương thưởng và phụ cấp ở STK luôn được duy trì ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành và trong cùng địa bàn khu vực. > Mức tăng lương bình quân của STK trong các năm luôn cao hơn mức độ tăng GDP của cả nước và tỷ lệ lạm phát. > Bên cạnh môi trường làm việc tiện nghi và an toàn/vệ sinh, STK còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để người lao động có thể làm việc hiệu quả nhất và hài lòng nhất. > Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. 	
		Hòa bình công lý và thể chế hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> > Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. > Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người > Giảm đáng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ. > Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> > STK luôn cam kết hành động chính trực. Công ty có chính sách và biện pháp để ngăn chặn các hành vi tham nhũng, hối lộ và trốn thuế. > Đảm bảo tính minh bạch thông qua cam kết thực hiện việc công bố thông tin minh bạch và chính xác. > Tuân thủ và ủng hộ các quy định, chính sách pháp luật do nhà nước đề ra. 	

II.4.8 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (GRI 102-15,30,GRI 201-2, GRI 206-1)

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro	Nhận diện cơ hội từ rủi ro
RỦI RO VẬN HÀNH	Việc nhân viên không tuân thủ các qui trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ.	Rủi ro cao (20) = Thường xuyên xảy ra (5) x hệ quả lớn (4).	STK rất chú trọng đến công tác đào tạo kỹ năng tay nghề tại hiện trường, thường xuyên cập nhật các qui trình hoạt động chuẩn (“SOP”) và bộ phận quản lý chất lượng (“QC”) tiến hành kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ SOP của bộ phận sản xuất. Tăng cường vai trò của các bộ phận trong việc tự kiểm soát rủi ro trong quá trình hoạt động.	Phát hiện những điểm chưa phù hợp trong quy trình sản xuất, từ đó áp dụng công nghệ hoặc cải tiến quy trình để giảm thiểu rủi ro thường gặp.
RỦI RO CHẤT LƯỢNG	Do thuộc ngành sản xuất nguyên vật liệu, nên sản phẩm đầu ra của Công ty sẽ là nguyên vật liệu đầu vào của khâu sản xuất khác, chính vì thế nếu chất lượng không được đảm bảo, sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại.	Rủi ro cao (20) = Thường xuyên xảy ra (5) x hệ quả lớn (4).	Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất. Đội ngũ sản xuất lành nghề, giàu kinh nghiệm luôn kiểm soát chặt chẽ trước khi giao đến khách hàng.	Nhận thức được kiểm soát chất lượng là một thách thức đối với đặc thù ngành sợi xơ dài, Công ty luôn ưu tiên chất lượng và lấy làm ưu thế cạnh tranh cốt lõi, chất lượng ổn định cũng khiến cho lượng khách hàng ổn định, nâng cao thương hiệu Công ty trên thị trường.
RỦI RO GIÁ CẢ	Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng tới giá mua nguyên vật liệu và giá bán thành phẩm của Công ty. Price gap giảm xuống (tốc độ tăng của giá bán chậm hơn tốc độ tăng của giá nguyên vật liệu và chi phí đầu vào.	Rủi ro cao (16) = Thành thường xảy ra (4) x hệ quả lớn (4).	Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nên STK có thể duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.	Khi giá nguyên liệu đầu vào tăng lên thì giá bán đầu ra cũng có xu hướng tăng lên hỗ trợ lợi nhuận doanh nghiệp. Khi giá nguyên liệu giảm xuống là cơ hội giúp giảm giá thành.
RỦI RO TỶ GIÁ	Nguyên vật liệu hạt nhựa polyester chiếm khoảng 55%-60% trong giá vốn hàng bán của STK và hiện nay STK phải nhập khẩu mặt hàng này bằng USD.	Rủi ro cao (12) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả lớn (4).	Để hạn chế lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện, Công ty luôn duy trì tỷ trọng doanh thu xuất khẩu ở mức 60% nhằm tạo nguồn thu USD để phục vụ cho việc nhập nguyên liệu và trả nợ. Đối với lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện liên quan tới việc đánh giá lại các khoản vay gốc ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán. ¹ Lên kế hoạch dự báo tỷ giá tăng để có giải pháp ứng phó kịp thời.	N/A
RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU	Hiện tại, Công ty đang nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất chính, cho nên khi nguồn cung nguyên vật liệu bị thiếu hụt hoặc không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty như giao hàng không đúng hạn, chất lượng không đảm bảo...	Rủi ro cao (12) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả lớn (4).	Công ty luôn có chính sách đa dạng nhà cung cấp và đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ. Tùy theo điều kiện thị trường, Công ty luôn lưu trữ một lượng nguyên vật liệu nhất định để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh.	
RỦI RO NHU CẦU SỤT GIẢM	Khủng hoảng kinh tế toàn cầu có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp.	Rủi ro trung bình (9) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả trung bình (3).	Để đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu mục tiêu, Công ty tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành để giữ chân khách hàng thân thiết. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng.	

1 Các khoản trích lập dự phòng này chỉ ảnh hưởng tới lợi nhuận trong kỳ nhưng không ảnh hưởng tới dòng tiền mặt của Công ty.

II.4.8 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro	Nhận diện cơ hội từ rủi ro
RỦI RO CẠNH TRANH	<p>Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.</p> <p>Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế</p>	Rủi ro trung bình (9) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả trung bình (3).	Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, STK tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.	Khi tính cạnh tranh trong ngành tăng lên thì cũng là cơ hội để STK khẳng định vị thế và chiếm lĩnh thị phần. Với sản phẩm và dịch vụ có chất lượng vượt trội, sẽ giúp tăng độ trung thành của khách hàng đối với STK.
RỦI RO BỊ KIẾN PHÁ GIÁ	Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ. Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.	Rủi ro trung bình (8) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả lớn (4).	STK áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá. Ngoài ra, công ty cũng thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp trong cùng ngành và Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam để cập nhật thông tin thị trường cũng như bảo vệ quyền lợi chính đáng của STK và các đồng nghiệp Việt nam tại các thị trường xuất khẩu.	
RỦI RO MÔI TRƯỜNG	NVL chính của STK là PET chip- là chế phẩm của dầu mỏ- và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.	Rủi ro trung bình (8) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả trung lớn (4).	Để giảm thiểu những rủi ro này, STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng). Ngoài ra, Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.	Tăng thị phần bán sợi tái chế, sợi màu, sợi chập... với giá cao, mở rộng phân khúc khách hàng do STK là doanh nghiệp tiên phong trong nước thực hiện các cải tiến sản phẩm này.
RỦI RO LÃI SUẤT	Sự biến động của lãi suất (USD và VND) có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty vì lãi suất áp dụng đối với các khoản vay USD hay VND của công ty đều áp dụng lãi suất biến đổi.	Rủi ro trung bình (6) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả nhỏ (2).	Công ty luôn duy trì chính sách vay nợ thận trọng với dòng tiền mặt dồi dào nên STK có thể trả bớt các khoản nợ khi lãi suất tăng.	Lãi suất tăng lên có thể giúp lãi tiền gửi ngân hàng của Công ty (doanh thu tài chính) tăng lên.
RỦI RO DÒNG TIỀN	Công ty có thể không tạo ra được dòng tiền để chi trả các khoản vay và tài trợ vốn cho các dự án đầu tư mới.	Rủi ro trung bình (6) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả trung bình (3).		
RỦI RO TÀI SẢN	Thiên tai (động đất, bão, lụt) hay cháy nổ hoặc hành động phá hoại có thể làm tổn thất tài sản.	Rủi ro trung bình (6) = Ít có khả năng xảy ra (2) x hệ quả trung bình (3).	STK đã mua bảo hiểm toàn bộ cho các rủi ro này cũng như mua bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh.	
RỦI RO CHÍNH SÁCH	Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp.	Rủi ro trung bình (6) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả nhỏ (2).	STK đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất đối với những thay đổi này.	Đối với những chính sách của nhà nước hỗ trợ sự phát triển của ngành dệt may sẽ có lợi đối với STK nhất là những chính sách về thuế xuất xuất khẩu, thuế TNDN...

II.4.8 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

Loại rủi ro	Diễn giải rủi ro	Mức độ trọng yếu	Giải pháp hạn chế rủi ro	Nhận diện cơ hội từ rủi ro
<div>RỦI RO AN NINH THÔNG TIN</div>	<p>Rủi ro sự cố ANTT (bị mất dữ liệu do đường truyền hoặc mã độc hại/hỏa hoạn) gây gián đoạn hoạt động, thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực tới hình ảnh của Công ty;</p> <p>Rủi ro thông tin nhạy cảm, thông tin mật (chiến lược kinh doanh, danh sách khách hàng, nhà cung cấp, bí mật công nghệ, v.v) bị tiết lộ ra bên ngoài gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty.</p>	Rủi ro trung bình (6) = Có khả năng xảy ra (3) x hệ quả nhỏ (2).	<p>Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý ANTT ISO/IEC 27001:2013 và được chứng nhận: “An ninh thông tin trong quá trình sản xuất và kinh doanh sợi Polyester”.</p> <p>Áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin như trang bị hệ thống chữa cháy tự động, có hệ thống sao lưu, cài đặt các phần mềm chống virus, đào tạo nhận thức cho CBCNV, xây dựng và triển khai chính sách bảo mật thông tin</p>	
<div>RỦI RO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC</div>	<p>Rủi ro khi nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu quản trị của doanh nghiệp: nguồn nhân lực không đạt chất lượng, thiếu kinh nghiệm trong hoạt động điều hành và quản lý; ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.</p>	Rủi ro thấp (4) = Rất ít khả năng xảy ra (2) x hệ quả nhỏ (2).	<p>Chú trọng tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.</p> <p>Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.</p> <p>Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.</p>	

II.4.9 CÁC CHỦ ĐỀ CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 1

Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế;
- 2

Trách nhiệm với sản phẩm;
- 3

Trách nhiệm với môi trường;
- 4

Trách nhiệm với người lao động;
- 5

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương.

II.4.10 HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phương thức tiếp cận dữ liệu:

Tất cả dữ liệu được trình bày trong báo cáo PTBV 2018 đều được thu thập và phân tích dựa trên số liệu thực tế mà Công ty ghi nhận hàng tháng và trong suốt quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2018 (như nêu ở mục II.4.6 trang 46).

II.4.11 ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA (GRI 102-45,56)

- STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của STK sau còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:
- > Thông tin về quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường và lao động, chỉ số hoạt động được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
 - > Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
 - > Thông tin về Xử lý chất thải được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.
 - > Thông tin về tiết kiệm năng lượng được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
 - > Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
 - > Thông tin về Kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
 - > Thông tin tài chính được kiểm toán bởi Ernst & Young.
 - > Thông tin tiêu chuẩn xã hội được đánh giá bởi kiểm toán nội bộ.



NỘI DUNG BÁO CÁO

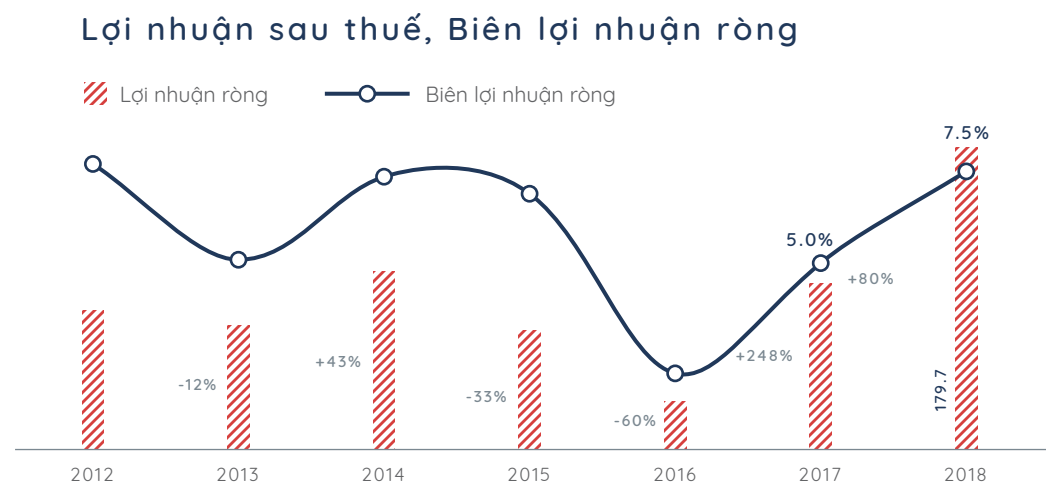
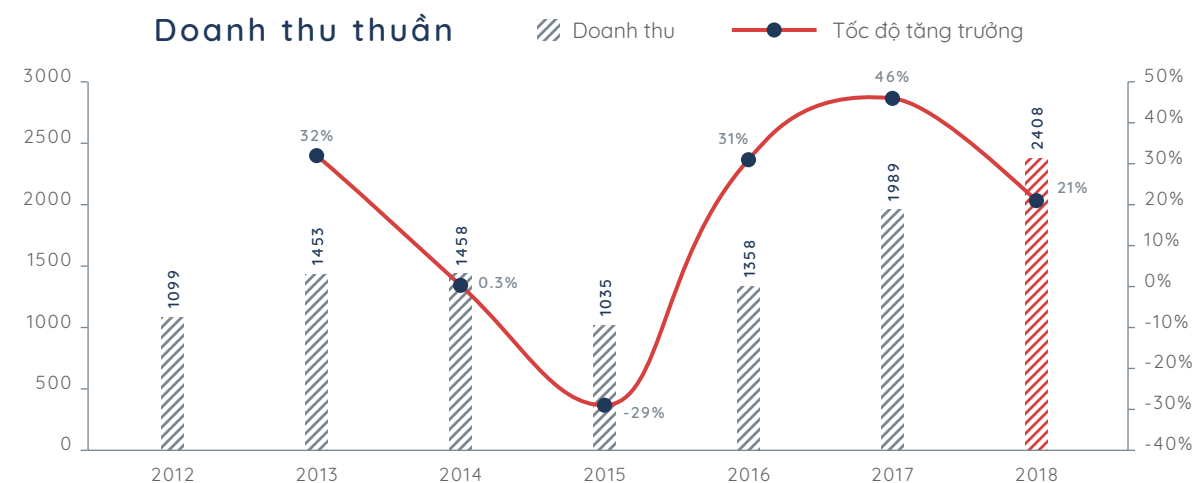
III.1	Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế	88
III.2	Trách nhiệm đối với sản phẩm	90
III.3	Trách nhiệm với môi trường	96
III.4	Trách nhiệm với người lao động	119
III.5	Trách nhiệm với cộng đồng – địa phương	129
III.6	Thị trường vốn xanh	130

Trách nhiệm III.1 nâng cao hiệu quả kinh tế (GRI 201-1)

III.1.1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI

Trong năm 2018, STK đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm, vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, nâng cao thu nhập cho người lao động, thu nhập cho cổ đông, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách nhà nước và cho xã hội (tạo nhiều công ăn việc làm hơn).

Sự tăng trưởng chủ yếu nhờ vào xu hướng tăng trưởng tích cực của ngành dệt may và sự phục hồi của thị trường đã thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi dệt vải trong chuỗi cung ứng cùng với chiến lược thay đổi trong yêu cầu sản phẩm hướng tới sợi có giá trị cao hơn với nhiều tính năng hơn. Cụ thể, Công ty đã đạt được các mục tiêu trong kỳ với 2.407,7 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 20% so với năm 2017, vượt mục tiêu doanh thu là 2,3% và mục tiêu lợi nhuận là 43% so với kế hoạch năm 2018. Với phương châm không ngừng cải tiến và phát triển, trong năm 2018, STK đã không ngừng cải thiện và khắc phục những khó khăn, thử thách đồng thời chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh thông qua việc mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế lượng khách hàng đã giao dịch đạt 517 đối tượng, góp phần trở thành một trong những Công ty đứng hàng đầu ở Việt Nam về phân ngành sợi Polyester Filament.



Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- > Đóng góp Ngân sách Nhà nước thông qua việc tuân thủ nộp thuế trong năm;
- > Đảm bảo quyền lợi chi trả tài chính cho các cổ đông và người lao động tại Công ty với chính sách chi trả cổ tức duy trì 15% từ năm 2010. Trong năm 2018, tỷ lệ này được chi trả 8% cổ tức bằng tiền mặt và 7% cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông Công ty;
- > Tái đầu tư và mở rộng sản xuất góp phần tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương với dự án TB 5 đã chính thức đi vào hoạt động đầu năm 2019.;
- > Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2018 tăng 23% so với năm 2017, chủ yếu do chính sách tăng lương cho người lao động (bình quân tăng 11%/người lao động) cùng với chính sách thưởng đột xuất trong năm với hơn 1 tháng lương;
- > Hỗ trợ cho các chương trình giáo dục thông qua việc tặng các suất học bổng cho các trường trung cấp nghề nhằm nâng cao trình độ cho người dân địa phương và chung tay xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn.

III.1.2 NHỮNG ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ TRONG NĂM 2018 (GRI 204-1)

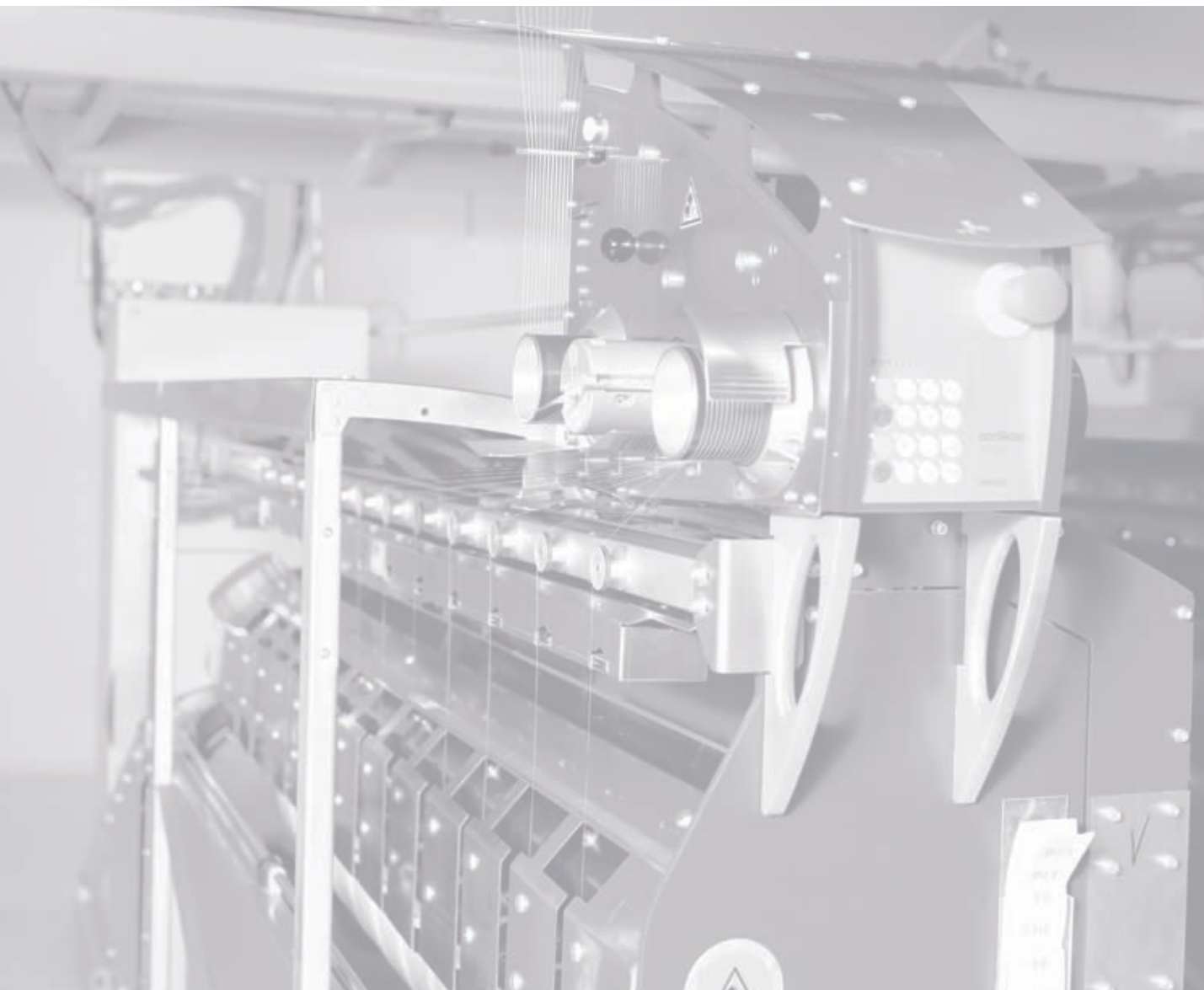
Khoản mục	2016	2017	2018	Tăng/giảm % (+/-) 2018/2017
Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông	23.025.781.000 đồng	16.361.610.278 đồng	46.267.738.800 đồng	+183%
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	99.888.867.976 đồng	95.964.679.906 đồng	117.774.256.668 đồng	+23%
Doanh thu bán hàng năm	1.358.284.815.225 đồng	1.990.728.091.353 đồng	2.407.703.367.672 đồng	+21%
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.988.952.584.460 đồng	1.437.953.748.576 đồng	1.855.578.008.018 đồng	+29%
Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là	276.420.569.464 đồng	184.814.482.255 đồng	237.686.933.569 đồng	+ 29%
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...)	231.679.139.230 đồng	136.054.578.193 đồng	125.418.248.389 đồng	-8%

Trong năm 2018, giá trị nộp thuế có giảm khoảng 8% so với năm 2017 chủ yếu là do giá trị của thuế giá trị gia tăng nhập khẩu giảm (hình thức khai tờ khai thuế khác so với năm 2017).

III.2 Trách nhiệm đối với sản phẩm

Với nỗ lực từ đội ngũ sản xuất của Công ty, tỷ lệ chất lượng của sản phẩm được cải thiện đáng kể (tăng bình quân 0,29%) cùng với việc giảm tiêu hao nguồn nguyên, vật liệu và khách hàng hài lòng hơn với tỷ lệ khiếu nại giảm. STK ghi nhận kết quả sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu kế hoạch đề ra đầu năm 2018.

STK luôn không ngừng nâng cao và phát triển chất lượng của sản phẩm, dịch vụ hướng tới mục tiêu luôn mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao thông qua các kênh đầu tư và thường xuyên kiểm tra, nâng cấp cho hệ thống cơ sở vật chất của công ty cũng như trang thiết bị máy móc sản xuất tiên tiến theo các hệ tiêu chuẩn hiện đại Châu Âu từ nhà cung ứng chất lượng cao của Đức (Oerlikon Barmag). Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng cao do các nhà sản xuất có uy tín cung cấp và chủ động thay đổi nhà cung cấp để đáp ứng nhu cầu chất lượng thay đổi của khách hàng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng hóa chất cũng như các quy trình sản xuất nghiêm ngặt tại Công ty.



III.2.1 CƠ SỞ VẬT CHẤT HIỆN ĐẠI

Với chiến lược tập trung vào phân khúc sản phẩm chất lượng cao nên STK luôn chú trọng vào việc đầu tư máy móc và công nghệ. Máy móc thiết bị của Công ty được chế tạo bởi Tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag. Với công nghệ sản xuất mới nhất từ chất lượng Châu Âu, những máy móc thiết bị này sẽ đảm bảo cho chất lượng của sản phẩm được ổn định, giúp tiết kiệm năng lượng đáng kể, góp phần bảo vệ môi trường và gia tăng tính cạnh tranh của sản phẩm về mặt giá thành.

Năm 2011, để nâng cao tính minh bạch và tăng cường hiệu quả quản lý và sản xuất, Công ty đã triển khai áp dụng hệ thống ERP- SAP All In One. Đến tháng 9/2013, hệ thống này đã đi vào hoạt động trọn vẹn, giúp Công ty có thể kiểm soát được tất cả các hoạt động bao gồm sản xuất, bán hàng, mua hàng, nhân sự, tài chính, các nguồn lực và chi phí một cách hiệu quả.

Năm 2015, Công ty đưa hệ thống điều khiển trung tâm Plant Operation Center (“POC”) vào áp dụng trong sản xuất. POC có các ứng dụng như quản lý điều kiện sản xuất, kiểm soát hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng. Với các ứng dụng nêu trên Công ty có thể gia tăng hiệu quả sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa, nhằm đem lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng đồng thời giúp gia tăng năng suất lao động cho Công ty.

Năm 2018, Công ty tiếp tục phối hợp cùng với đối tác chiến lược Barmag để triển khai thêm các tính năng tích hợp đưa vào hệ thống trung tâm Plant Operation Center (“POC”). Áp dụng các tính năng mới này thì bộ phận sản xuất có thể điều khiển và kiểm soát hiệu quả sản xuất một cách tối ưu thông qua những thông tin cung cấp từ hệ thống trí tuệ nhân tạo của phần mềm. Góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm một cách tối đa, nhằm đem lại sự phục vụ tốt nhất đến khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh về chất lượng sản phẩm trên thị trường, tiết kiệm chi phí sản xuất và hướng tới sự hình thành nhà máy thông minh trong tương lai.

III.2.2 ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI

- > **ISO 9001- 2008, ISO 27001s:** Đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng qui trình đã thiết lập và chuẩn mực của ngành.
- > **GRS V3.0:** Nhằm để kiểm soát và đảm bảo quá trình sản xuất và kinh doanh sợi recycled thực hiện đúng, đầy đủ theo tiêu chuẩn.
- > **5S:** Giúp tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, ngăn nắp và loại bỏ những thứ không cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả công việc, giảm thời gian lãng phí, là nền tảng cơ bản để có thể thực hiện những phương thức khác ở mức cao hơn là Kaizen và sản xuất tinh gọn (“LEAN”).
- > **Kaizen:** Liên tục cải tiến qui trình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm.
- > **Sản xuất tinh gọn:** là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn chu kỳ sản xuất đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và khắt khe của khách hàng.



Tất cả các phương thức quản trị hiện đại trên đều được cụ thể hóa thành các quy trình hoạt động chuẩn (SOP- Standard Operating Procedures) cho tất cả các khâu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo việc quản lý chất lượng được thực hiện xuyên suốt từ khâu mua nguyên liệu thô đến khâu sản xuất ra các sản phẩm sợi POY, DTY, FDY và quản lý nhà kho.

III.2.3 SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG, KHÔNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT ĐỘC HẠI

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

Công việc kiểm soát chất lượng được thực hiện ở các bộ phận sau:

- ▶ **Bộ phận thu mua:** thực hiện nghiệm thu tất cả NVL đầu vào để nhận dạng và loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).
- ▶ **Đối với nhà máy, Cơ điện, Bảo trì:** thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.
- ▶ **Bộ phận kiểm soát chất lượng (QC- Quality Control)** gồm hơn 182 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

III.2.4 VÀO ĐẦU MỖI NĂM, CÔNG TY ĐỀU ĐỀ RA CÁC CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG (GRI 417-1)

Năm 2018, hầu hết các chỉ tiêu về chất lượng của nhà máy đều được cải thiện một cách đáng kể so với kế hoạch và thực hiện năm 2017. Tiếp nối thành công của 2018, Công ty đặt mục tiêu cao hơn về chất lượng cho năm 2019, nhằm nâng cao uy tín và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Sản phẩm	Chỉ tiêu	2017	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Tăng/Giảm +/-	Kế hoạch 2019
POY	Tỷ lệ hàng đầy cối AF	95,07%	97,52%	97,17%	0,35%	97,63%
	Tỷ lệ POY thứ cấp	1,17%	0,97%	0,95%	0,02%	0,92%
DTY	Tỷ lệ hàng AA	87,32%	91,73%	91,50%	0,23%	92,13%
	Tỷ lệ DTY thứ cấp	0,68%	0,71%	0,68%	0,03%	0,94%
FDY	Tỷ lệ hàng đầy cối AA	92,51%	94,74%	95,50%	-0,76%	95,5%
	Tỷ lệ FDY thứ cấp	3,28%	2,76%	1,50%	1,26%	1,5%

> Để đảm bảo mục tiêu giám sát chặt chẽ chất lượng của sản phẩm được đề ra, định kỳ hàng tuần Công ty sẽ tổ chức họp giao ban để báo cáo về tình hình chất lượng sản phẩm để kịp thời phát hiện dị thường và đề ra phương hướng giải quyết nhằm tránh việc hạ cấp sản phẩm. Định kỳ hàng tháng, các bộ phận cũng sẽ báo cáo các KPIs (trong đó có KPIs về chất lượng), từ đó đưa ra giải trình về nguyên nhân đạt hay không đạt và đề ra phương án giải quyết.

> Công ty đã được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận sản phẩm của STK tuân thủ các quy định về việc không sử dụng các chất độc hại theo quy định REACH do Cục Hóa Chất Châu Âu ban hành nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước các rủi ro gây ra bởi hóa chất.

> Ngoài ra, Công ty cũng đạt được chứng chỉ The Global Recycle Standard (GRS). Đây là một tiêu chuẩn sản phẩm cho việc triển khai và xác minh thành phần của nguyên vật liệu tái chế trong sản phẩm cuối cùng, đồng thời vẫn đảm bảo những điều kiện nghiêm ngặt trong quá trình sản xuất. Trong tháng 12/2018, Công ty tiếp tục mở rộng việc đánh giá GRS cho cả nhà máy Củ Chi, nhằm mục đích nâng cao tỷ trọng sản xuất sợi recycled trong thời gian sắp tới. Để đạt được chứng chỉ này, STK đã thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, cam kết không sử dụng hóa chất độc hại.

> Đồng thời, để nâng cao uy tín về chất lượng được đảm bảo, Công ty cũng đạt được chứng chỉ OEKO-TEX 100 cho hai sản phẩm sợi của Công ty là sợi DTY và sợi FDY. Đây là một hệ thống tiêu chuẩn độc lập - do hiệp hội quốc tế về nghiên cứu và kiểm nghiệm trong lĩnh vực dệt may (International Association for Research and Testing in the Field of Textile Ecology (Oeko-Tex) trụ sở chính tại Zurich (Thụy Sĩ) xây dựng. Kết quả kiểm nghiệm cho thấy sản phẩm sợi của STK đáp ứng được các yêu cầu liên quan đến sản phẩm không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và đảm bảo sức khỏe con người theo Tiêu chuẩn OEKO-TEX 100. STK cam kết thực hiện các tiêu chuẩn nghiêm ngặt trong việc bảo vệ môi trường, an toàn - sức khỏe của người lao động và tiêu dùng. Mọi kiểm nghiệm được thực hiện bởi các viện nghiên cứu, viện kiểm nghiệm độc lập, được lựa chọn có đủ kiến thức chuyên môn.



> “Nâng cao ý thức tôn trọng sản phẩm” là một trong những chương trình mang lại hiệu quả rất tốt, được Công ty kết hợp đưa vào chương trình đào tạo định kỳ. Qua chương trình, CBCNV sẽ được hướng dẫn cách thực hiện các thao tác trong quá trình sản xuất một cách chính xác nhất, chỉ rõ những hành vi nào là không phù hợp so với tác nghiệp chuẩn, làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm sản xuất. Đây là một nội dung đào tạo thiết thực, góp phần nâng cao tinh thần ý thức cũng như kỹ năng của nhân viên, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty.

III.2.5 DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Thực hiện tôn chỉ đặt việc phục vụ khách hàng lên hàng đầu trong Công ty, đội ngũ nhân viên STK luôn cố gắng hết mình để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Trong bối cảnh thị trường ngày càng khó khăn, Công ty đã nỗ lực cạnh tranh với đối thủ bằng chính dịch vụ vượt trội của mình không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, mang lại cho khách hàng dịch vụ và những hậu mãi tốt nhất. Bên cạnh việc cam kết giao hàng nhanh, đúng và đủ số lượng, STK còn hỗ trợ tư vấn cho khách hàng về các quy cách sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nhân viên bộ phận chăm sóc khách hàng và quản lý chất lượng của Công ty thường xuyên trực tiếp đến nhà máy của khách hàng để đánh giá kết quả sử dụng sản phẩm sợi của Công ty và đưa ra báo cáo đặc tính sản phẩm sợi.

Ngoài ra, bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty thường xuyên định kỳ 6 tháng/lần thực hiện khảo sát, phỏng vấn về sự thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đồng thời luôn không ngừng nỗ lực để đưa ra những giải pháp nhằm xử lý các khiếu nại của khách hàng một cách linh hoạt, nhanh chóng và hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự hài lòng của khách hàng được phục vụ một cách đầy đủ.

Thời gian giải quyết		Không giải quyết	Dưới 1 tuần	1 tuần đến dưới 1 tháng	1 tháng đến dưới 3 tháng	Trên 3 tháng
Năm						
2017	2018					
0	0	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	4	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
38	32	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	0	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
0	0	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
52	36	TỔNG CỘNG				

Số lượng khiếu nại của khách hàng trong năm 2018 có giảm 16 lượt so với năm 2017, chủ yếu do Công ty đã cải thiện tối đa các khiếu nại về chất lượng sản phẩm thông qua việc cải thiện chất lượng máy móc sản xuất (thay thế máy móc, linh kiện mới theo tiêu chuẩn mới nhất của Châu Âu) và giảm tỷ lệ lỗi của sợi thông qua việc đào tạo nâng cao tay nghề và chuyên môn cho tác nghiệp viên, góp phần giảm số lượng khiếu nại của khách hàng đáng kể trong năm 2018.

III.2.6 CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Công ty nỗ lực không ngừng trong nâng cao chất lượng của sản phẩm và cho ra đời những sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Tỷ trọng sản xuất sợi tái chế trong năm 2018 trên doanh thu lên 16,2%, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho công ty và giảm thiểu tác động tới môi trường. Ngoài ra, trong năm 2018 công ty còn gặt hái được thành công vượt bậc trong việc chủ động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới sợi màu thân thiện với môi trường thông qua hợp tác với đối tác chiến lược (giảm lượng nước sử dụng cho sản xuất và không sử dụng hóa chất) hiện tại Công ty đã làm việc với nhà cung ứng máy móc thiết bị cải tạo 1 dây chuyền sản xuất cũ tại nhà máy Cù Chi để sản xuất sợi màu và sợi màu Recycle. Ngoài ra, dự án sẽ cải tạo đường ống nhà xưởng, hệ thống điện nước khí. Bên cạnh đó, trong năm 2018 Công ty luôn không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng và đối tác đáng kể như sợi hút ẩm (quick dry), sợi co giãn cao, sợi CD (cationic dyedable), sợi Dope Dyed Melange, sợi Dope Dyed Fancy, soft package, CD soft package để cung cấp mẫu cho các khách hàng nội địa và cả thị trường xuất khẩu (Thailand, Indonesia). Hiện tại, với sợi soft package Công ty đang sản xuất các đơn hàng cho thị trường Thái Lan. Đồng thời, STK cũng đang sản xuất và thử nghiệm các loại sợi có độ nhuễn cao để tối đa hóa giá bán.

Mục tiêu 2019 sẽ chú trọng phát triển kinh doanh sợi tái chế cùng với việc nâng cao chất lượng, giá cả hợp lý và chi phí kiểm soát tốt, nâng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu lên **20,6%**. Ngoài ra, với nhà máy TB5 đã đi vào hoạt động từ đầu **Q1/2019** (công suất tăng thêm **5%**, tương ứng **3.300** tấn sợi DTY và **1.500** tấn hạt nhựa tái sinh/năm, giúp nâng tổng công suất nhà máy tăng lên **63.300** tấn sợi/năm với tổng diện tích **80.000 m²**) sẽ góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận và giảm chi phí sản xuất của Công ty.

Hướng tới phát triển chiều dọc, mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược tạo thành chuỗi cung ứng từ sợi cho đến vải và may mặc, nâng cao thêm giá trị gia tăng cho Công ty.



Sợi tái chế



Sợi màu



Các loại sợi có giá trị gia tăng cao: sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD, sợi Dope Dyed Melange, sợi Dope Dyed Fancy...

Trách nhiệm với môi trường

Với nỗ lực không ngừng của tập thể STK, các kết quả tiết kiệm điện, nước đều đạt kế hoạch đề ra trong năm 2018. Ngoài ra, các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

Nhận thức được trước bối cảnh những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường cũng như các yếu tố liên quan đến môi trường, STK luôn không ngừng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, đặt nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên hàng đầu và luôn nhận được sự quan tâm - chia sẻ của các cấp lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Công ty. STK luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách tuân thủ nghiêm ngặt về môi trường theo tiêu chuẩn luật hiện hành của nhà nước. Đồng thời, để nâng cao chất lượng trong việc quản lý và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường, TGD của STK còn đưa ra cam kết tuân thủ mục tiêu phát triển bền vững trong việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS -V3.0 đảm bảo chuẩn mức tiêu thụ năng lượng, nguồn nước, khí thải và chất thải.

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA STK

1

Mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, thỏa mãn nhu cầu khách hàng là tâm điểm của mỗi hành động và quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2

Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.

3

Thúc đẩy cải tiến liên tục dựa trên các quy trình hữu hiệu, phương pháp và công cụ đo lường minh bạch kịp thời, biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và sức khỏe cho người lao động.

4

Cung cấp nguồn lực, cải tiến kỹ thuật công nghệ và thiết bị, thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ nhằm tiết kiệm năng lượng, tài nguyên nước, nguyên vật liệu.

5

Đào tạo nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho tất cả CBCNV và truyền đạt Chính sách môi trường tới tất cả CBCNV Công ty và các bên liên quan.

III.3.1 VẬT LIỆU

Trong năm 2018, khối lượng nguyên vật liệu sử dụng có tăng so với năm 2017, chủ yếu do Công ty mở rộng công suất và sản xuất các sản phẩm chất lượng cao tiêu hao nguyên liệu nhiều hơn. Tuy nhiên, số lượng thùng carton được sử dụng trong năm 2018 có giảm so với năm 2017, nhờ vào Công ty chủ động thay thế loại thùng carton để đóng gói sản phẩm truyền thống (6 cối/thùng) sang thùng Jambo (100 cối/thùng).

Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tại STK được duy trì một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao để cung cấp cho khách hàng, ngay từ khâu lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện đầu vào từ các nhà cung cấp lớn ở Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Đức để luôn đảm bảo về uy tín chất lượng cũng như tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường từ những khâu đầu tiên của quá trình sản xuất. Ngoài ra, để đảm bảo việc lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu chính phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng cam kết cũng như tính tuân thủ trách nhiệm xã hội của nhà cung ứng đối với sản phẩm.

STT	Chủng loại Nguyên vật liệu	Quốc gia nhập khẩu	2015	2016	2017	2018	2018/2017
1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Trung Quốc	31.153 tấn	39.891 tấn	53.495 tấn	54.393 tấn	+2%
2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức	709.684 kg	886.664 kg	713.469 kg	1.026.607 kg	+44%
3	Ống giấy	Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan	7.782.047 ống	6.060.144 ống	11.161.730 ống	12.734.243 ống	+11%
4	Thùng Carton	Việt Nam	1.219.811 thùng	1.161.427 thùng	1.770.284 thùng	1.580.254 thùng	-11% ¹
5	Linh phụ kiện	Đức, Đài Loan, Thụy Sĩ, Trung Quốc					

(GRI 102-9,10, GRI 308-1)

Định kỳ, trong năm bộ phận thu mua sẽ tiến hành thực hiện 2 lần đánh giá nhà cung ứng (đợt 1: 01/01 → 15/02, đợt 2: 01/07 → 15/08) và lưu hồ sơ dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể về chất lượng nguồn nguyên liệu và tính tuân thủ trách nhiệm xã hội của nhà cung ứng thông qua các bảng câu hỏi đánh giá được xây dựng trên sự kết hợp các tiêu chuẩn áp dụng mới nhất của GRS, ISO, SA 8000..., và tiêu chí liên quan tới các tiêu chuẩn lao động, an toàn và sức khỏe người lao động, đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường theo các quy định và luật pháp hiện hành.

Đồng thời, hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu của Công ty còn được thể hiện thông qua việc tiếp tục nâng cao tỷ trọng sản xuất sợi tái chế từ hạt nhựa Recycled PET Chip trong năm 2018 (16,2%) và kế hoạch 2019 (26,5%), cũng như việc đầu tư hệ thống máy móc cho dự án Trảng Bàng 5 ("TB5") với một dây chuyền recycle sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty với công suất 1.500 tấn/năm. Góp phần giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời tăng giá trị gia tăng cho Công ty, giảm chi phí sản xuất với sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý. Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại từ 3-5 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2018, số lượng ống giấy POY sử dụng là 938.590 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại **3,75 lần**; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2018 là:

$$\begin{aligned}
 \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\
 &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POV} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (1 + \text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\
 &= \frac{938.590 \times 3,75}{938.590 \times (1 + 3,75) + 11.795.650} = \mathbf{23\%}
 \end{aligned}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2018 là 21,65%.

¹ Số lượng thùng carton được sử dụng trong năm 2018 giảm so với năm 2017, nhờ vào Công ty chủ động thay thế loại thùng carton để đóng gói sản phẩm truyền thống (6 cối/thùng) sang thùng Jambo (100 cối/thùng).

III.3.2 **NĂNG LƯỢNG (GRI 302-1,3,4,5, GRI 414-1)**

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành tốt các hành động để tiết kiệm năng lượng theo kế hoạch đề ra. Kết quả, mức tiêu hao năng lượng trên từng kilogram sợi có giảm rõ rệt so với năm trước.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tối đa việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên để bảo tồn môi trường tự nhiên. STK đã đề ra những mục tiêu tiết kiệm năng lượng thông qua việc kiểm soát, theo dõi và sử dụng hợp lý nguồn năng lượng tại Công ty. Do đặc thù doanh nghiệp phải vận hành máy sản xuất liên tục 24 tiếng, nên Công ty đã không ngừng đưa ra những cải tiến thiết thực để có thể giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng tại đơn vị:

- Quản lý một cách chặt chẽ việc sử dụng năng lượng theo đúng tất cả các yêu cầu của pháp luật và quy định của Công ty.
- Chủ động thực hiện kiểm toán năng lượng (3 năm/lần): việc kiểm toán năng lượng do cơ quan chức năng có đủ năng lực để đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng của Công ty: điện, dầu DO, xăng; đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu tiết kiệm năng lượng, giảm tác hại đến môi trường một cách tối đa nhất.
- Bộ phận chuyên trách Utility lập kế hoạch và báo cáo việc quản lý năng lượng hàng năm và 5 năm: mục đích là đưa các giải pháp tiết kiệm năng lượng, triển khai kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sau khi thực hiện kế hoạch.
- Định kỳ hàng tháng theo dõi và lưu trữ hồ sơ tiêu thụ năng lượng để kịp thời đưa ra các kế hoạch hành động tiết giảm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty.

Để nâng cao hiệu quả quản lý và ý thức tiết kiệm nguồn năng lượng thì Công ty đã tăng cường công tác truyền thông nội bộ để luôn nhắc nhở toàn thể CBCNV thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị của mình như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật điều chỉnh lượng tiêu thụ năng lượng phù hợp các hoạt động sản xuất, vận chuyển tại nhà xưởng nói riêng và toàn khu vực hoạt động của Công ty nói chung.

Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2018

	2015	2016	2017	2018	2018/2017
Lượng điện sử dụng (1.000 kWh)	101.936.337	120.743.839	145.585.920	152.778.626	5%
Chi phí tiền điện (tỷ đồng)	149.846.415.390	180.878.603.661	219.570.121.615	234.562.837.218	7%

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm như sau

Sản phẩm tiêu thụ điện (kWh/kg)	2015	2016	2017	2018	2018/2017
POY	1,35	1,27	1,19	1,14	-4%
DTY	2,08	1,89	1,84	1,83	-1%
FDY	1,56	1,71	1,70	1,61	-5%

Nhìn chung qua các năm, tổng lượng điện năng sử dụng có tăng để đáp ứng theo nhu cầu nâng cao công suất sản xuất của nhà máy. Tuy nhiên, lượng điện năng tiêu thụ cho từng đơn vị sản phẩm thì có xu hướng giảm đáng kể là do Công ty chủ động thực hiện đổi mới và nâng cấp máy móc, thiết bị phụ trợ với công nghệ tiết kiệm điện, góp phần làm giảm lượng điện năng tiêu thụ trên từng đơn vị sản phẩm.

Trong năm 2018 vừa qua, Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng theo lộ trình kế hoạch quản lý năng lượng trong 5 năm.

Các giải pháp tiết kiệm tiếp tục thực hiện, cụ thể:

Giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được
Cải tạo 5 máy kéo sợi DTY M900 từ motor DC sang AC (sử dụng biến tần thế hệ mới)	Nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng SSR điều khiển gia nhiệt và sử dụng biến tần tiết kiệm điện.	Mức tiết kiệm năng lượng: 360 kWh/ngày/5máy Tiết kiệm chi phí: 180 triệu đồng/năm
Tắt bớt quạt hút khu vực extruder. Mở cửa lấy gió trời cho hướng gió về cuối phòng còn 2 quạt hút, hút không khí nóng ra bên ngoài	Tắt bớt thiết bị điện nhưng vẫn đảm bảo nhiệt độ môi trường, nâng cao tuổi thọ máy móc.	Mức tiết kiệm năng lượng: 198,2kWh/ngày. Mức tiết kiệm năng lượng: 33%. Tiết kiệm chi phí: 98 triệu đồng/năm
Cải tạo bộ chấm hồ cho máy DTY. Quy cách mới 1,2mm (so với quy cách cũ 1,4mm)	Tiết kiệm khí nén trong quá trình gia công sợi DTY. Giảm lưu lượng khí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sợi DTY	Mức tiết kiệm năng lượng: 1.800kWh/ngày. Mức tiết kiệm năng lượng: 18%. Tiết kiệm chi phí: 900 triệu đồng/năm
Vận hành lò TEG chân không vào giờ thấp điểm	Tiết kiệm về giá thành khi vận hành lò vào giờ thấp điểm nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất	Mức tiết kiệm chi phí: 40% Tiết kiệm chi phí: 108.000 VNĐ/lần thực hiện giờ thấp điểm
Tắt xen kẽ đèn chiếu sáng quanh xưởng vào ban đêm	Tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng cho công tác ghi hình và bảo vệ tài sản	Mức tiết kiệm chi phí: 26% Tiết kiệm chi phí bình quân: 850.000 VNĐ/tháng

III.3.2 **NĂNG LƯỢNG (TIẾP THEO)**

Đánh giá về tình hình thực hiện các giải pháp cải tiến việc tiết kiệm điện và năng lượng sử dụng tại Công ty trong năm 2018, Công ty đưa ra một số nhận xét: Tổng lượng điện năng sử dụng tại Công ty tăng lên so với năm 2017, chủ yếu từ tính chất máy sản xuất liên tục để tạo ra sản phẩm và việc mở rộng nhà máy TB5 với công suất tăng thêm 3.300 tấn sợi/năm. Trong năm 2018, hầu hết hệ thống máy và thiết bị sản xuất tại Công ty đều được đổi sang theo tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhất hiện nay trên thế giới từ nhà cung ứng máy Barmag (Đức) nên khả năng tiết kiệm điện cao. Trong năm 2018, mức tiêu hao năng lượng cho từng đơn vị sản phẩm giảm so với năm trước cụ thể: POY giảm 0,05 kWh/kg, DTY giảm 0,01 kWh/kg, FDY giảm 0,09 kWh/kg.

Tình hình thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện đã đề ra năm 2018

STT	Giải pháp	Tình trạng thực hiện	Nguyên nhân
1	Gắn biến tần cho quạt thổi AC 1, 2, 3 tại nhà máy Củ Chi. Thay đèn cao 200w áp xung quanh nhà xưởng Củ Chi thành đèn Led 70W.	Tiết kiệm được 20.879 kwh/năm. Chi phí tiết kiệm được là VND32.000.000/năm.	
2	Thay đèn cao áp 250W khu ngoài nhà xưởng TB xuống 100w bằng đèn led.	Sau khi thay thế các đèn cao áp bằng đèn led thì tiết kiệm được 12.960 kwh/năm.	Sau thời gian sử dụng đèn Compact nhận thấy tuổi thọ không cao. Nên trong năm 2018 thế bằng đèn LED.
3	Gắn inverter các motor hút dầu thải máy DTY TB3.	Sau khi gắn Inverter cho các motor hút dầu thải tại nhà máy DTY TB3 thì tiết kiệm được 311,04 kwh/năm. Tổng chi phí tiết kiệm được tại TB là 20.304.691 đồng.	

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2019

Trong năm 2019, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	Thực hiện gắn inverter cho hệ thống bơm phun sương AC 1,2,3	> Thực hiện tiết kiệm được 7kw/h.
2	Thực hiện gắn inverter cho hệ thống motor hút dầu thải máy DTY TB 1,2	> Kế hoạch thực hiện mỗi motor, sau khi gắn tiết kiệm được 2 kw/h. > Thực hiện 23 máy DTY, tổng motor 46 motor. > Dự kiến sẽ tiết kiệm được 92kw/h
3	Thực hiện kiểm soát tắt mở đèn chiếu sáng máy Dty ,điều khiển theo thời gian.	> Dự kiến thực hiện trên 38 máy, kết quả đánh giá sẽ tiết kiệm được 2kw/h.

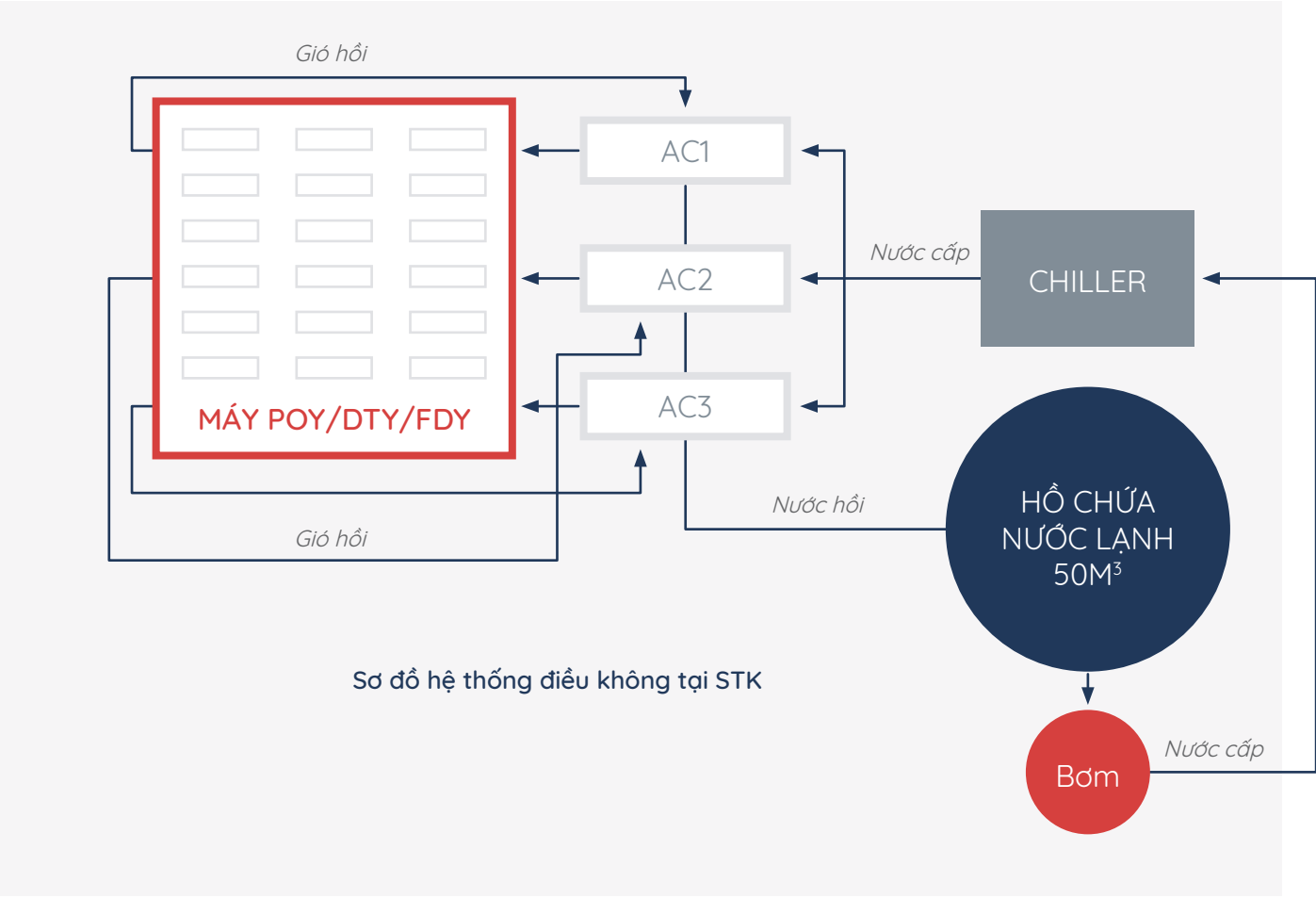
III.3.3 **NGUỒN NƯỚC (GRI 303-1,2,3)**

Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu sử dụng hiệu quả và tiết kiệm lượng nước sử dụng tại Công ty trong năm 2018. Kết quả ghi nhận tổng lượng nước sử dụng trong năm có giảm 16.158 m³ so với năm trước.

Nguồn nước tại Công ty phần lớn được phục vụ cho mục đích sản xuất và sinh hoạt tại nhà máy, STK đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch được kiểm định chất lượng và cung cấp bởi Ban quản lý Khu công nghiệp, đồng thời Công ty cũng cam kết không sử dụng nguồn nước ngầm để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ngầm.

Định kỳ hàng năm, Công ty luôn lập ra các kế hoạch và giải pháp nhằm tiết kiệm nguồn nước sử dụng tại Công ty. Cụ thể, hàng tháng Công ty thực hiện đo lường, lưu trữ số liệu để đảm bảo kiểm soát lượng nước sử dụng trên cơ sở tiết kiệm và tránh lãng phí.

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 8.640 m³ nước.



Sơ đồ hệ thống điều không tại STK

III.3.3 NGUỒN NƯỚC (TIẾP THEO)

Định kỳ đầu năm, Công ty sẽ thiết lập định mức sử dụng nước dựa theo kế hoạch khối lượng sợi sản xuất, chu kỳ cúp điện, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và chu kỳ thay nước các hồ AC, tháp giải nhiệt trong năm. Mục tiêu này được theo dõi và cập nhật hàng tháng đến các bộ phận sản xuất và các bộ phận liên quan để giám sát và theo dõi tình hình thực hiện.

	Đvt	2014	2015	2016	2017	2018	2017/2018
Lượng nước sử dụng	m ³	161.901	212.481	245.936	252.050	235.892	-6,4%
Chi phí tiền nước	VND	1.095.366.084	1.643.732.100	1.964.344.600	2.009.946.200	1.890.635.100	-6%
Mức tiêu hao nước	m ³ /kg sợi	0,003	0,004	0,003	0,0026	0,0028	+7,7%

Trong năm 2018, mức tiêu hao nước sử dụng giảm so với năm 2017. Cụ thể, lượng nước sử dụng đã giảm 16.158 m³ so với năm 2017, tiết kiệm được 119.311.100 đồng thông qua quản lý chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm sử dụng nước. Tuy nhiên, lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi có tăng 7.7% so với năm 2017, chủ yếu là do Công ty tăng lượng sản xuất và công suất thông qua nhà máy TB5 đã chính thức đi vào hoạt động cùng với việc Công ty nâng tỷ trọng sản xuất hàng chất lượng cao hơn nên lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi có tăng nhẹ so với năm trước.

Năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước:

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	Tái sử dụng nước thải lọc RO, của hệ thống nước STK. Cấp lại cho hệ thống tháp giải nhiệt	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2 m ³ /ngày.
2	Lọc nước hồi về từ hệ thống AC , tái sử dụng cấp cho các hồ nước máy lạnh POY, DTY.	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 1,5 m ³ /ngày.
3	Sử dụng lượng nước thải ra từ hệ thống máy nén, máy sấy .	Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 1 m ³ /ngày.

III.3.4 PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GRI305-1,5)

Nhờ vào nỗ lực cải thiện kết quả sự năng lượng và chính sách tiết kiệm điện, trong năm 2018, Công ty đã kiểm soát chặt chẽ việc phát thải CO₂ thông qua kết quả của hệ số carbon footprint trên từng kg sợi có giảm rõ rệt so với năm 2017.

Trong quá trình sản xuất, ngành dệt may thường sử dụng nhiều hóa chất độc hại, chính vì thế nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước là rất lớn. Không chỉ thế, lượng phát thải CO2 từ quá trình sản xuất các sản phẩm dệt may cũng không hề nhỏ. Theo số liệu năm 2006, trung bình mỗi người dân Mỹ tạo ra 19,8 tấn CO2, trong đó có 1 tấn CO2 là từ đóng góp của các sản phẩm dệt may.

Hiện nay, các công ty Việt Nam đã bắt đầu chú ý nhiều đến vấn đề tăng trưởng xanh, chú trọng giải quyết các vấn đề cơ bản tại doanh nghiệp: tiết giảm năng lượng, nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và sản xuất sạch hơn... để giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường.

Số liệu Carbon footprint của ngành dệt may được ước tính dựa trên việc tổng hợp tất cả các năng lượng được sử dụng tại từng bước của quá trình tạo ra vải. STK nằm trong một mắc xích trong chuỗi cung ứng dệt may với sản phẩm là xơ, sợi tổng hợp, loại sợi được làm từ các nhiên liệu hóa thạch, tiêu thụ rất nhiều năng lượng từ quá trình khai thác dầu mỏ dưới lòng đất cho đến sản xuất.

Số liệu cacbon footprint của STK trong năm 2018 như sau

	Lượng tiêu thụ	Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)	Hệ số phát thải CO ₂ (cho giá trị thấp)	Phát thải ¹ 2016	Phát thải ¹ 2017	Phát thải ¹ 2018	2018/2017
Điện năng	145,585.92 MWh/năm		0.6612 ² (tCO ₂ e/MWh)	79,836 (tCO ₂ e/năm)	96.261 (tCO ₂ e/năm)	101.017 (tCO ₂ e/năm)	+5%
<i>Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi</i>							
> POY	1.14 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	0.839724 (tCO ₂ e/kg)	0.786828 (tCO ₂ e/kg)	0.753768 (tCO ₂ e/kg)	-4%
> DTY	1.83 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	1.249668 (tCO ₂ e/kg)	1.216608 (tCO ₂ e/kg)	1.209996 (tCO ₂ e/kg)	-1%
> FDY	1.61 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	1.130652 (tCO ₂ e/kg)	1.12404 (tCO ₂ e/kg)	1.064532 (tCO ₂ e/kg)	-6%
Dầu Diesel để chạy xe nâng	4.4772 (t/năm)	0.043 (TJ/t) ³	74.1 (tCO ₂ e/TJ) ⁴	95 (tCO ₂ e/năm)	79.01 (tCO ₂ e/năm)	14.2657 (tCO ₂ e/năm)	-82%

Trong 2018, hệ số cacbon footprint của Công ty có tăng so với năm 2017, chủ yếu là do Công ty nâng cao sản lượng và mở rộng sản xuất với dự án TB 5 đi vào hoạt động chính thức. Tuy nhiên, hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi có giảm so với năm 2017 (DTY giảm 4%, POY giảm 1%, FDY giảm 6%) so với năm 2017. Ngoài ra, chỉ số cacbon footprint cho dầu Diesel cũng giảm 82% so với năm 2017 chủ yếu do Công ty chủ động thay thế các xe nâng chạy dầu bằng xe nâng sử dụng điện để tăng cao hiệu suất năng hàng và tính cơ động trong vận hành. Nhìn chung qua các năm, hệ số cacbon footprint có biến động chủ yếu do Công ty tăng năng suất sản xuất và mở rộng nhà máy, bên cạnh đó hệ số cacbon footprint trên từng đơn vị sản phẩm có giảm qua các năm nhờ vào việc chủ động đổi mới và nâng cấp máy móc thiết bị tại nhà máy với công nghệ tiết kiệm điện hơn được cung cấp từ Châu Âu.

¹ Công thức tính phát thải cacbon như sau:
- Đối với điện năng: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (Mwh/năm) * Hệ số phát thải CO₂(tCO₂e/Mwh)
- Đối với dầu Diesel: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (t/năm) * Hệ số phát thải CO₂(tCO₂e/TJ) * Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)

² Hệ số phát thải (Emission factor- EF) áp dụng cho năm 2014, được công bố bởi DNA Việt Nam (thuộc Bộ TNMT) vào tháng 05/2016.
Nhiệt trị, giá trị thấp cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006
Hệ số phát thải cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

³ Nhiệt trị, giá trị thấp cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

⁴ Hệ số phát thải cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

III.3.5 CÁC CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM

Công ty luôn tuân thủ trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành, cụ thể trong năm 2018, Công ty tiến hành quan trắc môi trường 4 lần/năm đối với báo cáo giám sát môi trường, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại, khí thải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành nhằm theo dõi và quản lý một cách nghiêm ngặt các hoạt động bảo vệ môi trường tại Công ty. Ngoài ra, trong sổ tay môi trường, Công ty cũng đề ra những kế hoạch, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường:

III.3.5.1 Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí

KHU VỰC TỔNG CÔNG TY								
STT	Thông số	QCVN 05:2009/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	Đơn vị	1Q2018	2Q2018	3Q2018	4Q2018
A CỬ CHI								
1	Nhiệt độ	-		°C	31,6	31,5	30,8	28,8
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	60,5	58,8	61,3	69,8
3	Bụi	0.3		mg/m³	0,25	0,26	0,22	0,24
4	NO ₂	0.2		mg/m³	0,062	0,064	0,068	0,086
5	SO ₂	0.35		mg/m³	0,064	0,062	0,071	0,074
6	CO	30		mg/m³	5,34	3,65	4,6	4,71
B TRẢNG BÀNG 1, 2								
1	Nhiệt độ	-		°C	32,8	31,5	30,8	30,4
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	61,5	61,3	64,5	66,7
3	Bụi	0.3		mg/m³	0,25	0,22	0,23	0,21
4	NO ₂	0.2		mg/m³	0,066	0,058	0,064	0,068
5	SO ₂	0.35		mg/m³	0,059	0,043	0,052	0,061
6	CO	30		mg/m³	5,85	2,88	4,5	4,76
C TRẢNG BÀNG 3								
1	Nhiệt độ	-		°C	32,6	31,8	31,5	31,2
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	64,2	61,6	65,2	67,3
3	Bụi	0.3		mg/m³	0,28	0,26	0,26	0,22
4	NO ₂	0.2		mg/m³	0,078	0,062	0,094	0,082
5	SO ₂	0.35		mg/m³	0,065	0,058	0,088	0,074
6	CO	30		mg/m³	5,77	3,11	4,62	4,88

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT											
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/ QĐ-BYT	Đơn vị	Q1.2018		Q2.2018		Q3.2018		Q4.2018	
				Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY
CỬ CHI											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	28,2	29,5	27,6	28,5	30,2	31,5	31,1	31,6
				28,7	28,5	28,2	27,8	31,5	31,2	31,7	31,5
2	Độ ồn	≤85	dBA	83,7	84,6	83,2	84,5	84,1	83,8	84,6	79,7
				84,3	83,5	84,5	83,5	84,5	84,5	78,5	83,6
3	Bụi	8	mg/m ³	0,32	0,30	0,30	0,27	0,24	0,30	0,26	0,24
				0,33	0,35	0,31	0,32	0,30	0,30	0,31	0,30
4	NO ₂	10	mg/m ³	0,125	0,173	0,128	0,168	0,112	0,172	0,174	0,178
				0,174	0,169	0,182	0,171	0,164	0,168	0,134	0,161
5	SO ₂	10	mg/m ³	0,125	0,134	0,125	1,337	0,118	0,148	0,128	0,141
				0,134	0,143	0,144	0,146	0,132	0,125	0,122	0,132
6	CO	40	mg/m ³	6,69	6,35	4,21	4,21	4,6	4,52	4,88	4,72
				7,81	7,24	4,78	4,50	4,82	4,55	4,64	4,42
7	VOC	-	mg/m ³								
TRẢNG BÀNG 1, 2											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	27,2	28,3	27,5	28,5	30,5	31,2	31,8	30,6
2	Độ ồn	≤85	dBA	83,9	84,1	83,2	84,2	84,7	84,5	84,6	82,4
3	Bụi	8	mg/m ³	0,30	0,31	0,29	0,27	0,30	0,31	0,26	0,24
4	NO ₂	10	mg/m ³	0,098	0,097	0,086	0,093	0,146	0,162	0,164	0,178
5	SO ₂	10	mg/m ³	0,082	0,095	0,084	0,088	0,132	0,128	0,142	0,151
6	CO	40	mg/m ³	6,21	6,45	4,24	4,65	4,58	4,72	5,12	5,36
7	VOC	-	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
				(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=
				0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)
TRẢNG BÀNG 3											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	28,2	27,6	28,5	28,2	30,8	31,2	30,3	29,5
2	Độ ồn	≤85	dBA	83,6	84,2	83,1	84,5	83,8	84,5	82,6	83,7
3	Bụi	8	mg/m ³	0,33	0,36	0,31	0,34	0,23	0,31	0,28	0,25
4	NO ₂	10	mg/m ³	0,093	0,102	0,088	0,095	0,112	0,138	0,137	0,144
5	SO ₂	10	mg/m ³	0,090	0,095	0,076	0,088	0,098	0,126	0,122	0,117
6	CO	40	mg/m ³	5,77	7,62	5,12	4,65	4,86	4,74	5,16	4,92
7	VOC	-	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
				(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=	(LOD=
				0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)	0,02)

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt tiêu chuẩn TCVS 3733/2002/QĐ-BYT

III.3.5.2 **Khí thải**

Công ty đảm bảo việc quản lý nghiêm ngặt xử lý khí thải theo đúng qui định của pháp luật hiện hành. Trên thực tế, vì Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi trong hoạt động sản xuất. Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

- Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
- Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO.
- Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

STT	Thông số	QCVN 05:2009/ BTNMT	Đơn vị	KẾT QUẢ			
				1Q2018	2Q2018	3Q2018	4Q2018
TRẢNG BÀNG 1,2							
1	Nhiệt độ	-	°C	153	147	168	174
2	Bụi	200	mg/Nm³	71,3	70,5	74,5	88,2
3	NO _x	850	mg/Nm³	183	176	188	176
4	SO ₂	500	mg/Nm³	122	125	162	165
5	CO	1000	mg/Nm³	296	248	294	328
TRẢNG BÀNG 3							
1	Nhiệt độ	-	°C	126	134	146	157
2	Bụi	200	mg/Nm³	71,6	72,6	74,2	72,7
3	NO _x	850	mg/Nm³	123	128	146	151
4	SO ₂	500	mg/Nm³	134	137	142	138
5	CO	1000	mg/Nm³	262	268	274	352

➔ **Kết quả tham số quan trắc khí thải ở nhà máy Trảng Bàng đều đạt quy chuẩn của Bộ Tài Nguyên Môi Trường.**

Nước thải (GRI 306-1)

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm).

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những cam kết sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Nhận diện các nguồn gây ô nhiễm môi trường, thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty ghi nhận 1 lần vi phạm về môi trường về sự cố rò rỉ ống nước thải sinh hoạt do phòng cảnh sát môi trường tỉnh Tây Ninh kiểm tra. Công ty đã chủ động nộp phạt theo đúng qui định và đồng thời khẩn trương khắc phục sự cố với kết quả được Ban quản lý KCN kiểm định đã khắc phục.

Các thông số và kết quả quan trắc nước thải trong năm 2018

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị C Cột B- QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ			
				1Q2018	2Q2018	3Q2018	4Q2018
CỦ CHI							
1	pH	5-9	-	7,50	7,34	7,6	7,4
2	BOD5	50	mg/l	18,5	46,7	40,3	47,8
3	COD	150	mg/l	40,9	112	108	135,2
4	TSS	100	mg/l	8,8	23,2	20,4	31
5	Đồng (Cu)	2		0,062	0,054	0,042	0,048
6	Tổng N	40	mg/l	14,4	14,12	10,7	16,4
7	Tổng P	6	mg/l	2,83	2,64	0,8	1,74
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3,600	4,500	4,600	4,200
TRẢNG BÀNG 1, 2							
1	pH	5-9	-	6,83	6,67	6,77	7,2
2	BOD5	50	mg/l	48,6	38,1	41,8	45,8
3	COD	150	mg/l	142	64	144	127,3
4	TSS	100	mg/l	32	19,2	44	48
5	Đồng (Cu)			0,028	0,035	0,038	0,052
6	Tổng N	40	mg/l	18,7	8,29	23,7	35,6
7	Tổng P	6	mg/l	0,74	1,29	1,73	1,37
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	4200	3800	4500	4600
TRẢNG BÀNG 3							
1	pH	5-9	-	7,06	7,08	7,25	7,1
2	BOD5	50	mg/l	32,2	32,2	43,7	49,2
3	COD	150	mg/l	65,7	65,7	144	104,5
4	TSS	100	mg/l	10	8,6	23,2	29
5	Đồng (Cu)			0,042	0,058	0,036	0,046
6	Tổng N	40	mg/l	18,2	4,54	11,6	13
7	Tổng P	6	mg/l	1,14	1,05	0,48	1,04
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3500	2100	4200	4500

➔ **Kết quả tham số đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.**

Nước thải (tiếp theo)

Bảng thống kê lượng nước thải						
		Đvt	2015	2016	2017	2018
Lượng nước thải	Củ Chi	m³	11.482	6.137	6.188	6.173
	Trảng Bàng 1, 2	m³	14.581	9.462	12.988	11.222
	Trảng Bàng 3	m³	4.431	17.724	12.786	9.537
	Tổng cộng	m³	30.494	33.323	31.961	26.932
Chi phí tiền nước thải	Củ Chi	VND	53.850.580	32.483.330	34.488.180	33.889.770
	Trảng Bàng 1, 2	VND	217.946.267	127.973.093	108.612.335	87.206.670
	Trảng Bàng 3	VND	31.681.650	139.964.682	129.958.270	72.521.616
	Tổng cộng	VND	303.478.496	303.478.496	273.058.785	193.618.056

Năm 2018, lượng nước thải phát sinh cùng với chi phí xử lý nước thải có giảm so với năm 2017. Cụ thể, lượng nước thải giảm 5.029 m³ và chi phí giảm 79.440.729 VNĐ trong năm 2018.



III.3.5.3 Chất thải nguy hại (GRI 306-2,3)

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty rất chú trọng trong việc đào tạo và nâng cao ý thức cho người lao động về việc quản lý, phân loại rác thải tại nguồn cũng như quy trình lưu kho và vận chuyển chất thải để làm giảm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. Cụ thể, Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- > **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:** Công ty thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải, sau đó hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- > **Đối với chất thải nguy hại:** Công ty có nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định. Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện báo cáo quản lý chất thải cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng rất quan tâm đến việc tìm ra các giải pháp để hạn chế lượng hóa chất thải trong sản xuất thông qua mục tiêu phát triển các sản phẩm mới không sử dụng hóa chất và tăng cường tái sử dụng hoặc tái chế nguồn chất thải.

Tuy nhiên, do ý thức của nhân viên thấp và hoạt động quản lý của cán bộ chuyên trách chưa được chặt chẽ nên trong năm 2018, Công ty đã vi phạm qui định về việc để thùng dầu không đúng nơi qui định. Công ty đã chủ động nộp phạt theo đúng qui định với phòng cảnh sát môi trường tỉnh Tây Ninh, đồng thời khẩn trương khắc phục sự cố với kết quả được Ban quản lý KCN kiểm định đã khắc phục. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động rút kinh nghiệm và chủ trương triển khai các biện pháp cải thiện mới để quản lý và tuyên truyền đến người lao động một cách hiệu quả về các qui định cũng như chính sách bảo vệ môi trường.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	18 02 01	10	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax	08 02 04	0.5	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (Dầu thải)	17 02 03	7	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1	PH-HR-C	Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM
Bao bì cứng thải bằng kim loại (Phuy sắt)	18 01 02	0	Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Bao bì cứng thải bằng thải bằng nhựa (Phuy nhựa)	18 01 03	7155	Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Tổng số lượng		7173.5		

III.3.6 ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Hàng năm, Công ty chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Năm 2018, Công ty phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm xác định những nguy cơ, đưa ra những biện pháp giảm thiểu sự ảnh hưởng của những yếu tố nguy cơ đó trong môi trường lao động của người lao động.

Phương pháp đo: Thực hiện đo đạt các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- > Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
- > Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc.
- > Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả ghi nhận:

III.3.6.1 Nồng độ bụi

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ							
STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m³)					
		CỦ CHI		TRẢNG BÀNG 1, 2		TRẢNG BÀNG 3	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng	0,9132		0,913		0,913	
2	KV giữa xưởng	0,9118		0,911		0,916	
3	KV cuối xưởng	0,9125		0,912		0,917	
4	Nhà máy DTY KV 2						
5	KV đầu xưởng	0,9116		0,911		0,912	
6	KV giữa xưởng	0,9128		0,912		0,915	
7	KV cuối xưởng	0,9154		0,915		0,926	
8	KV giữa xưởng Winder	0,9116		0,911		0,915	
9	KV giữa xưởng Spinning	0,9127		0,912		0,918	
Tổng cộng		8	0	8	0	8	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG							
(Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT)				4,0			
Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic							

III.3.6.2 Vi khí hậu

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
Mùa thời điểm đo: Mùa mưa								
CỦ CHI								
Ngoài trời ngày 24/07/2018			32		75,0		0,1-1,0	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		31,2		69.8		0.2-1.2	
2	KV giữa xưởng		31,6		69.1		0.2-1.2	
	KV cuối xưởng		31,7		69.3		0.2-1.2	
Nhà máy DTY KV 2								
4	KV đầu xưởng		32		67.4		0.2-1.2	
5	KV giữa xưởng		32		80		0.2-1.2	
6	KV cuối xưởng		31,9		79.8		0.2-1.2	
Xưởng Winder								
7	KV đầu xưởng		31,2		72.4		0.2-1.2	
8	KV cuối xưởng		31,8		74.2		0.2-1.2	
Xưởng Spinning								
9	KV đầu xưởng		32		66.6		0.2-1.2	
10	KV cuối xưởng		31,9		68.2		0.2-1.2	
TỔNG CỘNG			10	0	10	0	10	0

III.3.6.2 Vi khí hậu (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẢNG BÀN 1, 2								
	Ngoài trời ngày 24/07/2018		32		75		0.1-1.0	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		29,5		80		0.2-1.2	
2	KV giữa xưởng		29,2		79.8		0.2-1.2	
	KV cuối xưởng		30,1		79.8		0.2-1.2	
3	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		31,1		80		0.2-1.2	
5	KV giữa xưởng		31,2		80		0.2-1.2	
6	KV cuối xưởng		32		79.9		0.2-1.2	
Xưởng Winder								
7	KV đầu xưởng		25,8		76		0.2-1.2	
8	KV cuối xưởng		25,5		75.8		0.2-1.2	
Xưởng Spinning								
9	KV đầu xưởng		32		54.8		0.2-1.2	
10	KV cuối xưởng		31,9		56.3		0.2-1.2	
TỔNG CỘNG			10	0	10	0	10	0

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẢNG BÀN 3								
	Ngoài trời ngày 24/07/2018		32		75		0.1-1.0	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		30,8		80		0.2-1.2	
2	KV giữa xưởng		30,2		79.5		0.2-1.2	
	KV cuối xưởng		30,5		79.8		0.2-1.2	
3	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		30		80		0.2-1.2	
5	KV giữa xưởng		29,9		78		0.2-1.2	
6	KV cuối xưởng		28,7		72		0.2-1.2	
Xưởng Winder								
7	KV đầu xưởng		25,7		63.5		0.2-1.2	
8	KV cuối xưởng		26,3		68.7		0.2-1.2	
Xưởng Spinning								
9	KV đầu xưởng		32		58.6		0.2-1.2	
10	KV cuối xưởng		32		59.2		0.2-1.2	
TỔNG CỘNG			10	0	10	0	10	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG								
(Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT)			≤32		≤80		0,2-2.0	
Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic								

III.3.6.3 **Ánh sáng**

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
CỦ CHI						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	300			94,4	
2	KV giữa xưởng	308			95,8	
3	KV cuối xưởng	318			97,2	
4	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng	301			92,3	
6	KV giữa xưởng	305			94,7	
7	KV cuối xưởng	302			97	
8	Xưởng Winder					
9	KV đầu xưởng	305			91,2	
10	KV cuối xưởng	302			89,6	
11	Xưởng Spinning					
12	KV đầu xưởng	678		81,8		
13	KV cuối xưởng	872		80,7		
TỔNG CỘNG		10	0	02	08	
TRẢNG BÀNG 1, 2						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	300			92,5	
2	KV giữa xưởng	301			95,2	
3	KV cuối xưởng	305			97,2	
4	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng	302		73,7		
6	KV giữa xưởng	358		75,4		
7	KV cuối xưởng	391		76,3		
8	Xưởng Winder					
9	KV đầu xưởng	300			86,5	
10	KV cuối xưởng	304			88,2	
11	Xưởng Spinning					
12	KV đầu xưởng	484		77,8		
13	KV cuối xưởng	379		78,5		
TỔNG CỘNG		10		5	5	

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 3						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	362			108	
2	KV giữa xưởng	587			113	
3	KV cuối xưởng	468			95	
Nhà máy DTY KV 2						
5	KV đầu xưởng	310		75,6		
6	KV giữa xưởng	315		72,7		
7	KV cuối xưởng	312		74,8		
Xưởng Winder						
9	KV đầu xưởng	302			87,3	
10	KV cuối xưởng	301			88,5	
Xưởng Spinning						
12	KV đầu xưởng	534		72,6		
13	KV cuối xưởng	635		75,8		
TỔNG CỘNG		10		5	5	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG						
Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT						
* Tiếng ồn						
- Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy		300		≤85		8h
* Ánh sáng						
- Công nghiệp dệt						
+ Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm						

III.3.6.4 Hơi khí độc

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m³)	Etylen mg/m³)
CỦ CHI			
Nhà máy DTY KV 1			
1	KV đầu xưởng	405	
2	KV giữa xưởng	415	
3	KV cuối xưởng	405	
4	KV giữa xưởng Winder	400	
5	KV giữa xưởng Spinning	425	
6	KV phòng lap		725
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		825
TỔNG CỘNG		5	2
TRẢNG BÀNG 1, 2			
Nhà máy DTY KV 1			
1	KV đầu xưởng	400	
2	KV giữa xưởng	435	
3	KV cuối xưởng	500	
4	KV giữa xưởng Winder	560	
5	KV giữa xưởng Spinning	420	
6	KV phòng lap		762
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		841
TỔNG CỘNG		5	2
TRẢNG BÀNG 3			
Nhà máy DTY KV 1			
1	KV đầu xưởng	420	
2	KV giữa xưởng	435	
3	KV cuối xưởng	435	
4	KV giữa xưởng Winder	502	
5	KV giữa xưởng Spinning	537	
6	KV phòng lap	535	
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		823
TỔNG CỘNG		6	1
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG			
(Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT)			
Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc:		900	1150
		1800	-
- Trung bình 8 giờ (TWA)			
- Từng lần tối đa (STEL)			

III.3.6.5 Tiếng ồn

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
CỦ CHI										
Nhà máy DTY										
1	Máy 7	100	63,5	65,2	67,5	80,4	79,8	77,3	75,8	73,5
2	Máy 8	105	62,4	63,5	67,4	80,9	78,5	76,2	74,2	72,4
3	Máy 9	95	62,5	63,9	67,1	79,2	77,8	75,2	73,4	72,6
4	Máy 11	77	54,8	57,2	55,4	65,8	68,3	67,4	65,8	62,3
5	Máy 12	67.9	54,1	57,3	54,8	62,6	68,2	67,3	62,5	61.1
6	Máy 13	70.5	54,4	57,4	54,5	62,3	68,1	64,6	62,4	61.9
7	KV giữa xưởng Winder	97.3	62,8	63,8	67,4	80,9	78,5	75,8	74,9	72.9
8	KV giữa xưởng Spinning	82.5	54,5	57,7	54,9	62,7	68,4	64,7	62,2	61.8
TRẢNG BÀNG 1, 2										
Nhà máy DTY										
1	Máy 34	100	63,5	65,2	67,5	80,4	79,8	77,3	75,8	73,5
2	Máy 31	105	62,4	63,5	67,4	80,9	78,5	76,2	74,2	72,4
3	Máy 27	95	62,5	63,9	67,1	79,2	77,8	75,2	73,4	72,6
4	Máy 28	77	54,8	57,2	55,4	65,8	68,3	67,4	65,8	62,3
5	Máy 24	67.9	54,1	57,3	54,8	62,6	68,2	64,3	62,5	61.1
6	Máy 25	70.5	54,4	57,4	54,5	62,3	68,1	64,6	62,4	61.9
7	Xưởng Winder	97.3	62,8	63,8	67,4	80,9	78,5	75,8	74,9	72.9
8	Xưởng Spinning	82.5	54,5	57,7	54,9	62,7	68,4	64,7	62,2	61.8
TRẢNG BÀNG 3										
Nhà máy DTY										
1	KV máy 36	100	63,5	65,2	67,5	80,4	79,8	77,3	75,8	73,5
2	KV máy 38	105	62,4	63,5	67,4	80,9	78,5	76,2	74,2	72,4
3	KV máy 39	95	62,5	63,9	67,1	79,2	77,8	75,2	73,4	72,6
4	KV máy 41	77	54,8	57,2	55,4	65,8	68,3	67,4	65,8	62,3
5	KV máy 43	67.9	54,1	57,3	54,8	62,6	68,2	64,3	62,5	61.1
6	KV máy 44	70.5	54,4	57,4	54,5	62,3	68,1	64,6	62,4	61.9
7	KV giữa xưởng Winder	97.3	62,8	63,8	67,4	80,9	78,5	75,8	74,9	72.9
8	KV giữa xưởng Spinning	82.5	54,5	57,7	54,9	62,7	68,4	64,7	62,2	61.8
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động										
QĐ 3733/2002/QĐ-BYT										
* Tiếng ồn		85	99	92	86	83	80	78	76	74
- Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy										

Trách nhiệm với người lao động

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Yếu tố đo, kiểm tra	CỦ CHI			TRẢNG BÀNG 1,2			TRẢNG BÀNG 3		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu									
	Nhiệt độ	10	10	0	10	10	0	10	10	0
	Độ ẩm	10	10	0	10	10	0	10	10	0
	Tốc độ gió	10	10	0	10	10	0	10	10	0
2	Ánh sáng	10	10	0	10	10	0	10	10	0
3	Tiếng ồn	10	2	8	10	5	5	10	5	5
4	Tiếng ồn phân tích dải tần	08	8	0	8	8	0	8	8	0
5	Bụi toàn phần	08	8	0	8	8	0	8	8	0
6	Hơi khí độc									
	- Cacbon đioxit	05	5	0	5	5	0	6	6	0
	- Etylen	02	2	0	2	2	0	1	1	0
	Tổng cộng	73	65	8	73	68	5	73	68	5

Nhìn nhận, vì tính chất đặc thù của máy sản xuất nên tiếng ồn có mẫu vượt TCVSLĐ nhưng để đảm bảo cho sức khỏe của người lao động Công ty đã trang bị đầy đủ bảo hộ lao động nút chống ồn cho người lao động khi làm việc kết hợp việc bồi dưỡng bằng hiện vật để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, nên vẫn đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn và trong giới hạn cho phép. Ngoài ra, định kỳ hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động để đảm bảo không có trường hợp nào mắc bệnh.

TỔNG QUAN KẾT LUẬN: Thông qua các tham số tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần / năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ hàng năm của STK thì các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.

Nhờ vào các chính sách lao động hợp lý và sự quan tâm của ban lãnh đạo Công ty, tỷ lệ biến động nhân sự trong năm 2018 có giảm so với năm trước và tỷ lệ đáp ứng nhân sự cao hơn. Ngoài ra, các chính sách về lương thưởng, phúc lợi cũng được cải thiện so với năm trước, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

Mục tiêu:

Một trong những chiến lược tạo nên sự thành công của STK được đóng góp từ việc sử dụng và quản lý nguồn nhân lực một cách hiệu quả. Đồng thời, Công ty cũng xác định rõ vai trò quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực tại Công ty là động lực chính để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai. Nhằm hài hòa lợi ích của Công ty và Người lao động, STK luôn chú trọng việc duy trì nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo nên lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp song song với việc cải thiện các chế độ và chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo để khích lệ và phát huy tối đa năng lực của CBCNNV và xem nó như một trong những chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Giải pháp và hành động của Công ty:

Chính sách
tuyển dụng

Chính sách
lương bổng,
phúc lợi
và đãi ngộ

Chính sách
đào tạo
và đề bạt

Chính sách
an toàn
lao động

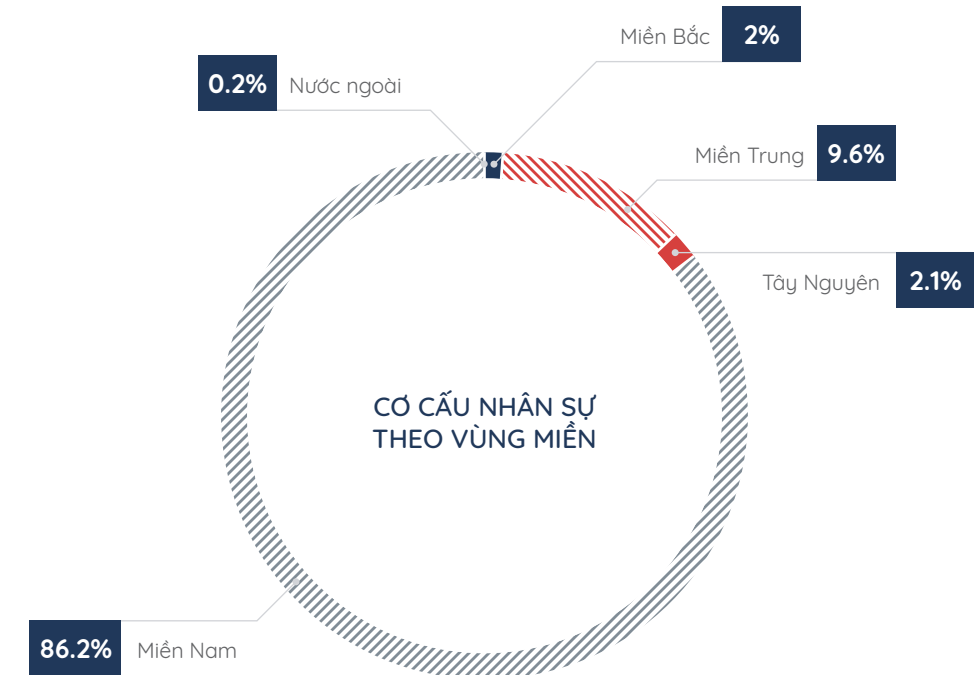
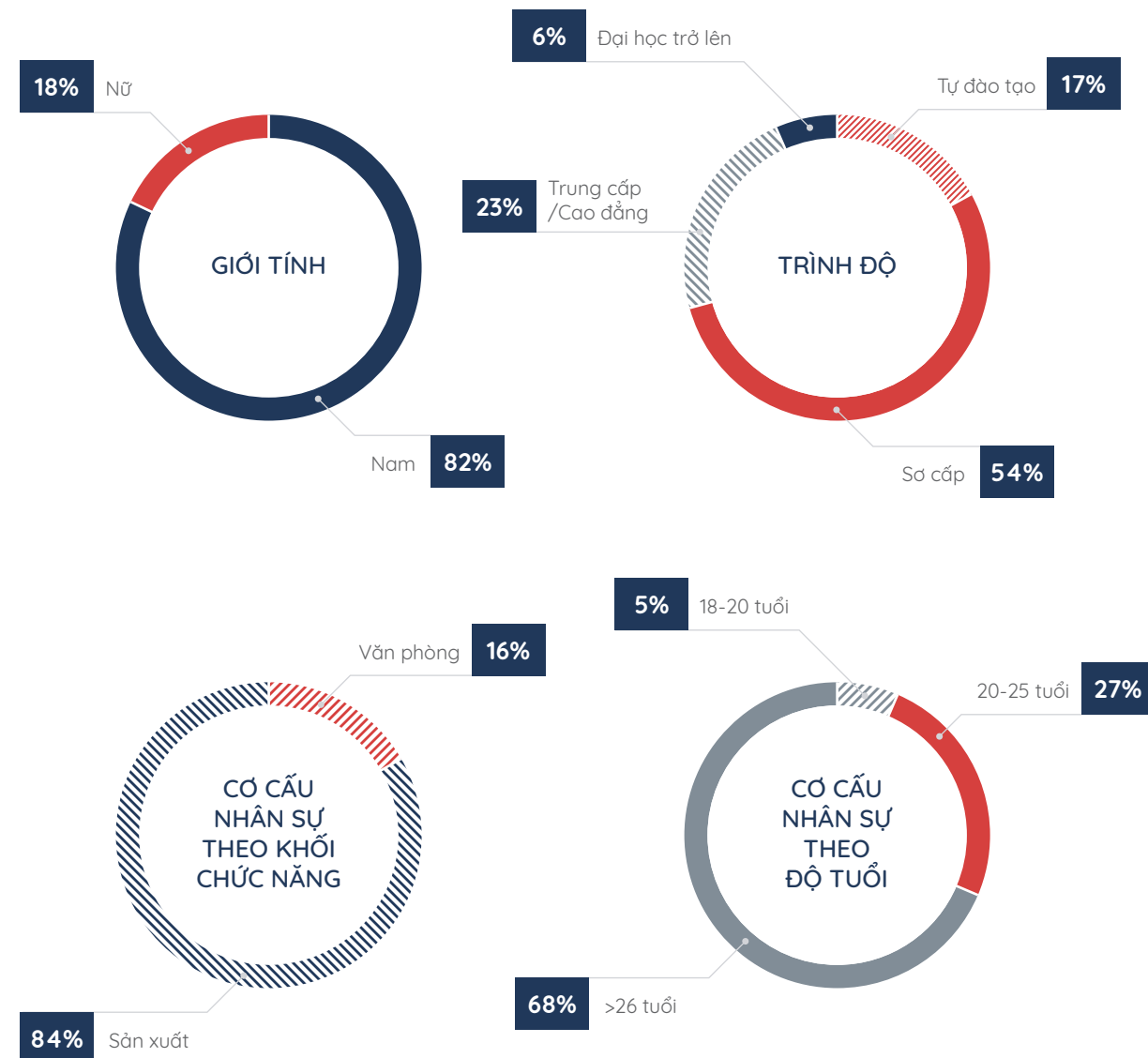


III.4.1 CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG (GRI 102-8, GRI 401-1,2, GRI 405, GRI 408-1)

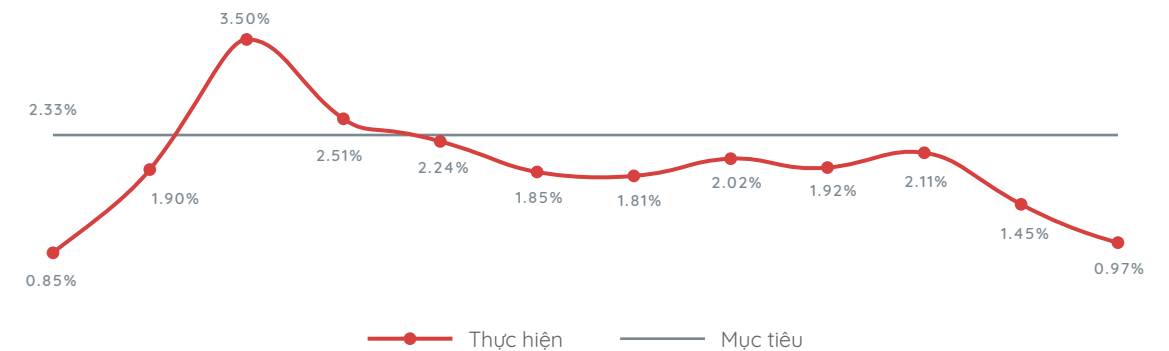
STK luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có tay nghề và trình độ cao. Chính vì thế, trình độ học vấn và việc tuân thủ tinh thần kỷ luật lao động luôn là một trong các tiêu chí của chính sách tuyển dụng của Công ty.

Quy trình tuyển dụng được dựa trên nhu cầu sử dụng lao động thực tế của Công ty và khả năng đáp ứng các yêu cầu của vị trí tuyển dụng của ứng viên tham gia ứng tuyển, tuyệt đối không có trường hợp ngoại lệ. STK cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển. Ngoài ra, Công ty còn nghiêm ngặt cam kết không sử dụng lao động trẻ em (dưới 18 tuổi) và lao động đã có hành vi phạm pháp trước đó.

Thông tin tổng quan
về lao động chính thức
đến hết 31/12/2018



Tỷ lệ biến động nhân sự theo tháng trong năm 2018



Nhận thấy, tình hình và tỷ lệ biến động nhân sự tại Công ty thấp hơn mục tiêu kế hoạch đặt ra cho năm 2018 (28%), do Công ty liên tục cải thiện và nâng cao mặt bằng các chính sách lương thưởng, phúc lợi và thăng tiến cho CBCNV, nhằm khích lệ và khuyến khích CBCNV gắn bó và làm việc lâu dài với Công ty. Vì vậy, tỷ lệ đáp ứng nhân sự của Công ty cũng được nâng cao so với năm 2017 (đạt 93% bình quân năm, tăng 6% so với năm 2017).

III.4.2 CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 102-41, GRI 201-3,GRI 202-1)

Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được tuân theo chế độ hợp đồng lao động của luật lao động Việt Nam. Tùy theo công việc, vị trí và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định loại hợp đồng có thời hạn nhất định hoặc không thời hạn theo luật lao động hiện hành.

Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần. Khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7. Đồng thời, do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca. Công ty sẽ bố trí nghỉ bù bất cứ ngày khác trong tuần cho các lao động trên, không nhất thiết là Chủ nhật và đảm bảo chính sách chi trả thêm cho các ngày đó theo quy định của pháp luật. Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

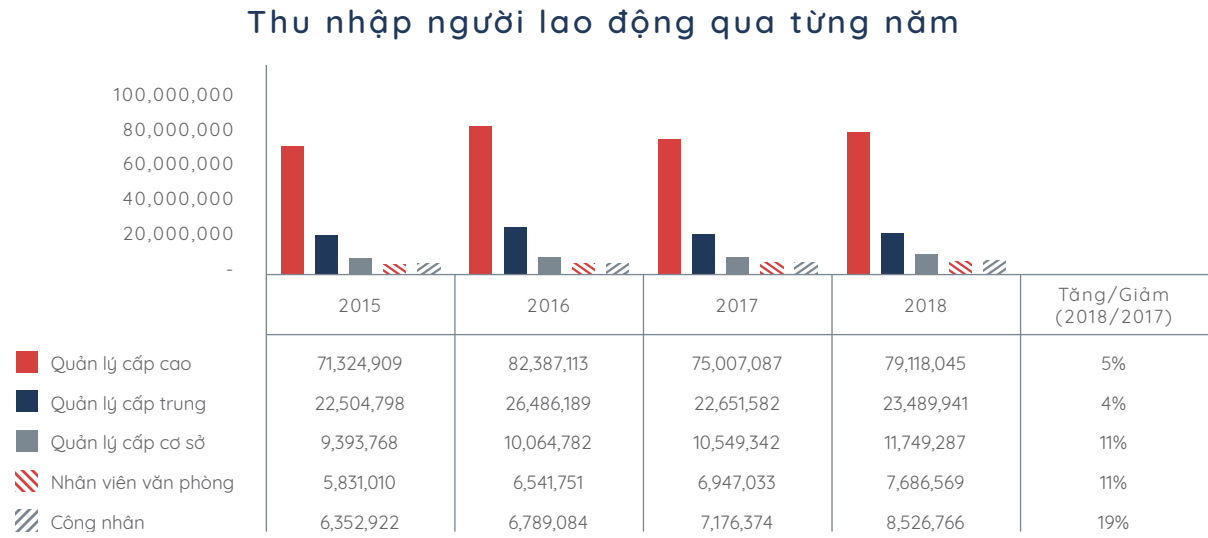
■ LƯƠNG CƠ BẢN

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty. Đồng thời, người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

■ LƯƠNG THỰC LÃNH

Khối văn phòng	Khối sản xuất
<i>Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.</i>	<i>Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.</i>

Công ty cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.



Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp trong 2018 có sự tăng trưởng lần lượt là 5% và 4% so với năm 2017. Mức tăng trưởng chủ yếu là do biến động nhân sự thay đổi mới với các bậc lương mới cùng với chính sách nâng lương hàng năm của Công ty dẫn đến mức thu nhập bình quân của họ tăng trong năm 2018 so với năm 2017. Nhìn chung, qua các năm mức thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 5% chủ yếu là do chính sách tăng lương của Công ty nhằm nâng cao thu nhập và khích lệ người lao động làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty.

■ TIỀN THƯỞNG

Tiền thưởng cho người lao động được căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên
- Thưởng chấp hành nội quy
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ
- Thưởng bậc tay nghề
- Thưởng theo doanh số bán hàng
- Thưởng hiệu quả mua hàng
- Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng
- Thưởng các ngày Lễ

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:

- Thưởng Tết
- Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm.

Trong năm 2018, căn cứ trên kết quả thực hiện kế hoạch 10 tháng của Công ty, STK đã trích thưởng đột xuất và thưởng hàng năm cho CBCNV Công ty bình quân 2 tháng lương, nhằm khuyến khích và tri ân tập thể CBCNV đã cố gắng hoàn thành kế công việc đặt ra.

■ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

■ PHÚC LỢI

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty thông qua việc hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên. Ngoài ra, Công ty còn đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp. Ngoài ra, các chế độ BHXH, BHYT được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, chấp hành nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.Tỷ lệ tham gia các buổi thương lượng thỏa ước lao động tập thể và bảo hiểm của nhân viên tại Công ty là 100%.

Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.

Ngoài ra, để xây dựng và củng cố tính gắn kết lâu bền của đội ngũ CBCNV với STK, Công ty đã triển khai và thực hiện chương trình phát hành ESOP 2010, 2013. Tiếp nối, năm 2018 Công ty đã thông qua ĐHĐCĐ để phát hành 600,000 cổ phiếu ưu đãi với mệnh giá VND10,000 cho CBCNV trong Công ty nhằm ghi nhận sự đóng góp và nỗ lực của toàn thể nhân viên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, đem lại kết quả doanh thu và lợi nhuận vượt cao so với kết quả kinh doanh.



III.4.3 ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ BẠT (GRI 404-1,2,3)

Trong năm 2018, Công ty ghi nhận hiệu quả cao từ các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức, thông qua hiệu suất làm việc của người lao động được nâng lên khá cao cùng với các kết quả vượt KPIs được đặt ra từ đầu năm.

Công ty luôn chủ động cập nhật, cải tiến chất lượng và nội dung chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn mới của khách hàng cũng như nhu cầu sản xuất của Công ty, nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất, góp phần nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động. Cụ thể, Công ty định kỳ hàng năm thực hiện các chương trình đào tạo với khung nội dung về kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.



Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng trong quá trình sản xuất cũng như hiệu quả quản trị nhà máy, Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo cho tác nghiệp viên, công nhân, kỹ thuật viên khối sản xuất. Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2018 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau: khóa đào tạo ngắn hạn về “**Biến Tần**”, “**Chuyên Viên Bảo Mật Mạng – ACST (Athena Certifide Security Technician)**” cho bộ phận Utility và IT để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên và củng cố kiến thức chuyên môn cho quản lý.

Ngoài ra, định kỳ hàng năm Công ty còn kết hợp với các tổ chức bên ngoài để tổ chức các chương trình đào tạo về các vấn đề môi trường, xã hội, an toàn lao động theo tiêu chuẩn GRS;

	2015	2016	2017	2018
Số lượng khóa đào tạo	45	21	20	22
Đào tạo nội bộ	37	17	13	15
Thuê ngoài	8	4	7	7
Ngân sách dành cho đào tạo (đồng)	809.733.599	439.804.000	175.000.000	184.879.600
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (đồng)	351.246.171	44.037.576	158.422.368	51.391.090
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (đồng) (tính thêm lương cho nhân viên đào tạo)	1.216.345.469	900.505.576	821.013.000	
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	43%	10%	87%	28%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	188,27	207,2	222,34	130,83

Trong năm 2018, tỷ lệ tuyển dụng mới ít và tỷ lệ biến động nhân sự cũng thấp nên số giờ đào tạo trung bình cho người lao động tại Công ty không phát sinh tăng thêm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm) trong năm 2018 có giảm tích cực so với năm 2017.

Về chính sách đề bạt: để có được một đội ngũ thừa hưởng và tiếp nối thành công của Công ty, STK luôn chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc. Nếu nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn. Trong năm 2018 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là **16** người.

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm (người)	22	39	23	55	16

III.4.4 AN TOÀN LAO ĐỘNG: (GRI 403-1,2,3,4)

Nhằm đảm bảo việc xây dựng và cung cấp môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho người lao động theo Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành, thỏa ước quốc tế ILO và tiêu chuẩn GRS-V3.0 về các tiêu chuẩn nghiêm ngặt an toàn lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Công ty đã ban hành và áp dụng chặt chẽ các chính sách về an toàn - vệ sinh - lao động:

III.4.4.1 Tiếp tục thực hiện:

- > Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.
- > Đảm bảo cung cấp điều kiện làm việc sạch sẽ và an toàn tại nơi làm việc.
- > Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh và kiểm soát các rủi ro trước khi bắt đầu mọi công việc. Các thiết bị bảo hộ lao động được cung cấp cho người lao động đầy đủ.
- > Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động.
- > Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.
- > Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc. Thường xuyên huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- > Tuyên truyền chính sách đến tất cả mọi người.
- > Đảm bảo tính tuân thủ của mọi người, mọi cấp trong Công ty với chính sách này.
 - Định kỳ 6 tháng một lần, Tổng Giám Đốc sẽ xem xét đánh giá điều chỉnh, bổ sung những bất cập của chính sách cho phù hợp với Luật định.
 - Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của công ty.

III.4.4.2 Đánh giá kết quả thực tế thực hiện trong năm 2018:

- > Công ty đã phối hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động vào tháng 7/2018. Kết quả ghi nhận các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả đo kiểm môi trường lao động đều nằm trong tiêu chuẩn của các quy định hiện hành và không có vi phạm.
- > Công ty bố trí một cán bộ chuyên trách an toàn lao động và một nhân viên ISO chịu trách nhiệm trong việc điều phối các kế hoạch đào tạo, kiểm tra việc tuân thủ và lập các báo cáo đánh giá an toàn - vệ sinh - lao động định kỳ phục vụ cho cơ quan quản lý nhà nước, khách hàng và các bên liên quan, đảm bảo tuân thủ theo các quy định từ pháp luật hiện hành cũng như những tiêu chuẩn của khách hàng.
- > Thực hiện tiến hành kiểm tra và lập báo cáo tác động đến môi trường. Quan trắc các yếu tố tác động môi trường của Công ty về nước thải, khí thải trong tháng 7-2018 và tháng 12-2018 ...Kết quả Công ty không có bất kỳ vi phạm nào về môi trường.
- > Nhằm đảm bảo việc tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh - lao động trong các hoạt động kinh doanh sản xuất. Trong 2018, Công ty luôn nghiêm túc thực hiện kiểm tra kiểm định an toàn cho các máy móc, thiết bị để đảm bảo chất lượng trong sản xuất và mục tiêu an toàn trong công việc cho người lao động.
- > Phối hợp với các quản lý sản xuất thường xuyên nhắc nhở và đảm bảo nhân viên tại các vị trí đứng máy luôn được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như nút chống ồn, khẩu trang hoạt tính, giày bảo hộ lao động, nón và găng tay bảo hộ lao động. Để nâng cao ý thức về việc tuân thủ an toàn của người lao động, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động theo từng nội dung cụ thể nhằm nâng cao ý thức cho CBCNV.
- > Ngày 06/12/2018, Công ty kết hợp các cơ quan chức năng y tế tổ chức các khóa huấn luyện sơ cấp cứu kết hợp thực hành cho toàn bộ người lao động nhằm nâng cao ý thức và kiến thức xử lý tình huống cho người lao động khi có các trường hợp tai nạn khẩn cấp xảy ra.

- > Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hàng năm Công ty phối hợp với Phòng Khám Đa Khoa Nhân Ái thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Đối với những nhân viên làm việc ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, Công ty sẽ bổ sung thêm gói khám thính lực. Trong trường hợp phát hiện CBCNV nào có dấu hiệu bất thường về thính lực, Công ty sẽ đưa đến các bệnh viện lớn ở TP.HCM để khám riêng và thực hiện tái khám định kỳ 6 tháng/lần cho các đối tượng này. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các kiểm định đối với thức ăn, nước uống và khay ăn của CBCNV, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- > Công ty cũng bố trí 50 nhà vệ sinh riêng biệt cho nam và nữ tại 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, đảm bảo tuân thủ theo quy định 20 nhân viên/ca/nhà vệ sinh theo tiêu chuẩn 3733 của chính phủ về số lượng nhà vệ sinh tối thiểu tại môi trường làm việc. Các nhà vệ sinh đều được cung cấp nước sạch, trang bị giấy vệ sinh và xà bông rửa tay, được nhân viên vệ sinh quét dọn sạch sẽ hàng ngày.
- > Tại 2 nhà máy của STK ở Củ Chi và Trảng Bàng, Công ty đều có phòng y tế đáp ứng tiêu chuẩn với 1 nhân viên y tế phụ trách.

Huấn luyện về an toàn-vệ sinh lao động	2015	2016	2017	2018
Tổng số CB-CNV được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động	889	966	958	965
Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn-vệ sinh lao động (triệu đồng)	1,604	2,001	1,796	2,518
• Các biện pháp kỹ thuật an toàn	135	22	17	17
• Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	100	270	270	270
• Chăm sóc sức khỏe người lao động	1,345	1,685	1,485	2,205
• Tuyên truyền, huấn luyện	24	24	24	26
• Chi khác	0	0	0	0
Số vụ tai nạn lao động	0	4 (nhẹ)	7 (nhẹ)	4 (nhẹ)
Số người lao động mắc bệnh nghề nghiệp	0	0	0	0
Số giờ làm thêm bình quân/ngày/người	-	0,35 ngày/6 tháng/người	0,35 ngày/6 tháng/người	0,11 ngày/6 tháng/người
Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng	-			
Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ	-	38	38	38

Nhìn chung qua các năm, chi phí dành cho việc thực hiện kế hoạch an toàn- vệ sinh lao động đều có tăng. Cụ thể, các khoảng ngân sách dành cho công tác chăm sóc sức khỏe người lao động và tuyên truyền được chú trọng nâng cao, góp phần cải thiện sức khỏe cho người lao động đang làm việc tại Công ty, đồng thời thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của Ban lãnh đạo đến với toàn bộ tập thể CBCNV Sợi Thế Kỷ. Bên cạnh đó, Công ty ngày càng chú trọng và nâng cao hiệu quả của công tác huấn luyện và tuyên truyền ATLĐ cho người lao động tại Công ty kết hợp với công tác giám sát và quản lý chặt chẽ SOP theo tiêu chuẩn ISO và GRS nên số vụ tai nạn lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể.

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương (GRI 413-1)

III.4.5 VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK

Công ty duy trì và liên tục cải thiện nội dung chương trình thuyết trình Tôn chỉ STK với 2 nội dung là thuyết trình “Tâm nhìn- Sứ mệnh” của các phòng ban và “Thuyết trình sách”, nhằm xây dựng một văn hóa luôn tục cầu tiến và không ngừng sáng tạo. Định kỳ vào mỗi sáng thứ hai hàng tuần, Công ty sẽ tổ chức chương trình để các đơn vị hiểu rõ hơn về các hoạt động của nhau, chia sẻ những khó khăn thách thức mà các đơn vị đang gặp phải, qua đó tất cả các bộ phận, phòng ban sẽ cùng nhau phối hợp, phân công hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành mục tiêu chung của toàn Công ty.

III.4.6 QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Công ty luôn cân bằng giữa thời gian làm việc và nghỉ dưỡng cho CBCNV, với mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đời sống cho CBCNV đang làm việc tại STK. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty đã có những chương trình thiết thực quan tâm đến toàn thể gia đình của cán bộ nhân viên trong Công ty như: chương trình trao tặng quà, học bổng cho con em công nhân có hoàn cảnh khó khăn luôn phấn đấu học tập và đạt kết quả cao trong các dịp Tết thiếu nhi, Trung thu và các dịp khác với kinh phí hơn 70 triệu đồng cùng 94 suất học bổng.

Ngoài ra, trong dịp cuối năm 2018, Công ty đã phối hợp với công đoàn Công ty để xây dựng kinh phí nhằm trao tặng những phần quà ý nghĩa cho các CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Công ty đã trao tặng hơn 54 phần quà cho các nhân viên đang công tác tại Công ty có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí hơn 32 triệu đồng mỗi phần quà trị giá 600 nghìn đồng.



Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng - địa phương trong năm 2018 được thực hiện tốt nhờ vào sự cam kết tuân thủ của Công ty đối với các chính sách và chủ trương của nhà nước.

Ngoài ra, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

III.5.1 HỖ TRỢ CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG (GRI 203-2)

Với chính sách nâng lương hàng năm và các chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động, Công ty đã góp phần nâng cao mức thu nhập cho người dân địa phương tại Huyện Củ Chi và Huyện Trảng Bàng.

Trong năm 2018, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất và đưa vào hoạt động nhà máy TB5 vào cuối tháng 12/2018 góp phần tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người dân địa phương thúc đẩy kinh tế phát triển và nâng cao mức sống tại khu vực. Ngoài ra, trong năm 2018, STK đã xây dựng quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại địa phương chung tay cùng nhà nước xây dựng và nâng cao trình độ, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục tại địa phương với kinh phí hơn 18 triệu đồng và hơn 18 suất học bổng tại các trường Trung Cấp Nghề Củ Chi, Trung Cấp Nghề Đức Hòa, Cao Đẳng Nghề Tây Ninh.

III.5.2 TUÂN THỦ VÀ ỦNG HỘ CHỦ TRƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC

Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không chấp hành các quy định chủ trương của nhà nước. Ngoài ra, để hưởng ứng và thực hiện chủ trương của nhà nước đề ra, Công ty chủ động cập nhật và bổ sung các quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, TGD cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khách trong doanh nghiệp, cụ thể:

- > Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;
- > Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
- > Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
- > Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;
- > Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
- > Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
- > Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi.

III.5.3 CHỐNG THAM NHƯNG-HỐI LỘ

Công ty đảm bảo xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp công bằng. Vì vậy, trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Thị trường vốn xanh (GRI 203-1, GRI 205-1,2,3)

Để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng tăng trưởng xanh. Cụ thể:

Tên dự án	Thời gian bắt đầu	Hoạt động của dự án
RECYCLED YARN (SỢI TÁI CHẾ)	Từ quý 3/2016, STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn). Trong năm 2018, tỷ trọng sợi recycol trên doanh thu đạt 16,2%, đồng thời Công ty đã nhận thêm chứng chỉ GRS cho cả nhà máy Củ Chi, góp phần tăng tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu dự kiến năm 2019 (26%) và 2020 (30%).	Sử dụng nguồn nguyên liệu recycled (Recycled PET chips) để sản xuất sợi tái chế với chất lượng cao được đảm bảo và thân thiện với môi trường thông qua tiết giảm lượng chai nhựa thải ra môi trường, sử dụng cơ sở vật chất hiện hữu đóng góp vào chuỗi giá trị xanh.
SỢI MÀU	Đầu năm 2019, Công ty chủ động đầu tư mua thêm thiết bị để lắp vào máy móc hiện hữu tại nhà máy Củ Chi để phục vụ cho việc sản xuất sợi màu dự kiến chi phí hơn USD198.000.	Sản phẩm sợi màu sẽ góp phần thay thế công nghệ nhuộm truyền thống và hạn chế sử dụng nguồn nước, hóa chất từ đó hạn chế xả nước thải độc hại ra môi trường, góp phần bảo vệ môi trường và xây dựng nguồn vốn xanh cho Công ty.
DỰ ÁN TRẮNG BÀNG 5	Dự án bắt đầu từ tháng 3-2018 và đã hoàn thành trong quý 4 năm 2018.	Trong dự án TB5, Công ty đã mở rộng công suất tăng thêm 5% (tương ứng 3.300 tấn sợi DTY và 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm), góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận và giảm chi phí sản xuất của Công ty.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXX	Bảo hiểm xã hội	SSR	Điện trở
BHYT	Bảo hiểm y tế	STK, CENTURY	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ
BKS	Ban kiểm soát	SXKD	Sản xuất kinh doanh
BTNMT	Bộ Tài Nguyên Môi Trường	TB	Trảng Bàng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
CC	Củ Chi	TCVS	Tiêu chuẩn vệ sinh
CTCP	Công ty cổ phần	TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
DTY	Sợi xơ dài	TGD	Tổng Giám Đốc
FDY	Sợi kéo duỗi hoàn toàn.	TNCN	Thu nhập cá nhân
FTA	Hiệp định thương mại tự do	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	<u>Giá trị gia tăng</u>	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HĐQT	<u>Hội đồng quản trị</u>	Winder	Máy cuốn sợi
Inverter	Máy biến áp	SGDCK	Sở Giao Dịch Chứng Khoán
KCN	Khu công nghiệp	HOSE	Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM
LEAN	Sản xuất tinh gọn	QC	Quản lý chất lượng
POY	Sợi nguyên liệu	SOP	Quy trình hoạt động chuẩn
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam	PDCA	Chu trình cải tiến liên tục
QĐ-BYT	Quy định Bộ Y Tế	ESOP	Cổ phiếu ưu đãi
Spinning	Máy kéo sợi		



IV

BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI (GRI 102-55)



TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI		
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
HỒ SƠ TỔ CHỨC		
102-1	Tên Tổ chức	01
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	01
102-3	Địa điểm của trụ sở chính	01
102-4	Các địa điểm hoạt động	01
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	01
102-6	Các thị trường phục vụ	02
102-7	Quy mô của tổ chức	02
102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	102
102-9	Chuỗi cung ứng	74-75
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	74-75
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	46-49
102-12	Các sáng kiến bên ngoài	34-41
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	34-41
CHIẾN LƯỢC		
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	Thông điệp Chủ tịch HĐQT
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	58-61
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC		
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	27-29
102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	30
QUẢN TRỊ		
102-18	Cơ cấu quản trị	13
102-19	Phân cấp thẩm quyền	13-14
102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	16
102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	32-45
102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	14-23
102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	14-23
102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	14-23
102-25	Xung đột lợi ích	21-23
102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	46-49

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	14-15,19-20
102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	24-26
102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	41-45
102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	58-61
102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	41-45
102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	16
102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	34-41
102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	34-41
102-35	Chính sách về thù lao	22-23
102-36	Quy trình xác định mức thù lao	22-23
102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao	34
102-38	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	22-23
102-39	Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm	22-23
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	33
102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	108
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	31-32
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	34-41
102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	31-45
THÔNG LỆ BÁO CÁO		
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	62
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	31-45
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	44
102-48	Trình bày lại thông tin	62
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	09
102-50	Kỳ báo cáo	04
102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	04
102-52	Chu kỳ báo cáo	05
102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	05
102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	3-4
102-55	Mục lục GRI	120-129
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	62

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	41-45
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ		
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	63-65
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	60
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	104-108
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	105-106
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	117-118
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	115-116
GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẮM		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	65
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	117
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	59
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 301: VẬT LIỆU		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	74
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	75
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	75
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	75-79
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	75-79
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	

TIÊU CHUẨN		THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 303: NƯỚC			
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn		
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào		79-81
303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước		80
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC			
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn		
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học		Không áp dụng
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi		
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động		
GRI 305: PHÁT THẢI			
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)		82-83
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)		Không áp dụng
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)		
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)		
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)		82-83
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)		Không áp dụng
305-7	Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác		
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm		88-90
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý		90-91
306-3	Sự cố tràn đáng kể		Không có trường hợp ghi nhận
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại		90-91
306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/ hoặc dòng nước thải		Không có trường hợp ghi nhận
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường		88,90

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	75
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	102-104
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	104-108
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	111
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	113
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	113
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	111-112
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	109
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	110
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	102-103
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	105-106
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi, 101
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	116
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	114-117
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	75
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	69-70
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Không có trường hợp ghi nhận

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
GRI 417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	69-70
GRI 417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
GRI 418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có trường hợp ghi nhận
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
GRI 419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không có trường hợp ghi nhận

